

BẢN SỐ: 08.

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến ngày 20 tháng 01 năm 2025

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THANH TRA BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 15 năm 01 ngày 2025

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Về công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ
được phân cấp, ủy quyền quản lý tại Sở Giao thông vận tải Lạng Sơn

ĐẾN
Số: 06
Ngày: 17/01/2025
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Quyết định số 57/QĐ-TTr ngày 29/12/2023 của Chánh thanh tra Bộ Giao thông vận tải (viết tắt là GTVT) về việc thanh tra công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ được phân cấp, ủy quyền quản lý tại Sở GTVT Lạng Sơn, từ ngày 19/3/2024 đến ngày 22/5/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở GTVT Lạng Sơn trong thời kỳ thanh tra từ 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra¹, Báo cáo kết quả thẩm định của phòng Kế hoạch - Tổng hợp² và Báo cáo giải trình của Sở GTVT Lạng Sơn³, Cục Đường bộ Việt Nam⁴, Chánh Thanh tra Bộ GTVT kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở GTVT Lạng Sơn (viết tắt là Sở GTVT) được Bộ GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (nay là Cục Đường bộ Việt Nam và viết tắt là Cục ĐBVN) giao quản lý 06 đoạn tuyến quốc lộ (QL.1B, QL.3B, QL.4A, QL.4B, QL.31 và QL.279)⁵ với tổng chiều dài là 459,2 km; các tuyến quốc lộ có quy mô chủ yếu đạt cấp IV miền núi, QL.3B, QL.279 và QL.31 toàn tuyến đạt cấp V miền núi⁶.

Quá trình triển khai, Sở GTVT giao các phòng ban tham mưu, thực hiện công tác quản lý, bảo trì các công trình đường bộ được phân cấp, ủy quyền quản lý theo các tuyến công việc⁷.

¹ Báo cáo kết quả thanh tra số 22/BC-ĐTTr ngày 09/9/2024 và Báo cáo kết quả thanh tra số 28/BC-ĐTTr ngày 24/10/2024 của Đoàn thanh tra.

² Văn bản số 01/BC-KHTH ngày 06/12/2024 của phòng Kế hoạch tổng hợp.

³ Văn bản số 68/BC-SGTVT ngày 13/11/2014 của Sở GTVT Lạng Sơn.

⁴ Văn bản số 52/CĐBVN-QLBT ngày 13/11/2024 của Cục Đường bộ Việt Nam.

⁵ (1) QL.1B tại Quyết định số 212/2003/QĐ-BGTVT ngày 22/02/2003 của Bộ trưởng Bộ GTVT có chiều dài 100,32 km (từ Km0+000 ÷ Km100+000), gồm: phần đường mặt đường BTN dài 99,56 km, phần cầu có 33 cầu/757,51 mđ

(2) QL.3B tại Quyết định số 2507/QĐ-TCĐBVN ngày 22/10/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN có chiều dài 61,7 km (thực tế 62,54 km) (từ Km0+000 ÷ Km61+400(700)): phần đường (01 km mặt đường BTXM; 30,7 km mặt đường BTN và 30,0km đường đá dăm nhựa) dài 61,7 (chiều dài thực tế 62.14) km; phần cầu có 10 cầu/396,5 mđ.

(3) QL.4A tại Quyết định số 1950/QLĐB ngày 02/12/1982 có chiều dài 65,99 km (từ Km0+000 ÷ Km66+000), sau tháng 5/2022 dài 66,8 km khi điều chuyển đoạn qua nội thị thị trấn Đồng Đăng (4,3 km) và tiếp nhận tuyến tránh thị trấn Đồng Đăng (5,1 km) chiều dài tăng thêm 800 mđ, gồm: phần đường có 2,8 km mặt đường BTXM (đường cũ 1,6 km và tiếp nhận mới 1,2 km) và 65,3 km mặt đường BTN; phần cầu có 16 cầu/650,94 mđ.

(4) QL.4B tại Quyết định số 1950/QLĐB ngày 02/12/1982 có chiều dài 80 km (từ Km0+000 ÷ Km80+000), gồm: phần đường có mặt đường BTN dài 78,92 km; phần cầu có 36 cầu/1.083 mđ.

(5) QL.31 tại Quyết định số 44/GT ngày 07/01/1988 có chiều dài 61 km (từ Km101+000 ÷ Km162+000), gồm: phần đường có 0,4 km mặt đường BTXM, 0,5 km (thực tế là 27,1 km) mặt đường BTN và 59,45 km (thực tế 33,4 km) mặt đường đá dăm nhựa; phần cầu có 22 cầu/651,68 mđ.

(6) QL.279 tại Quyết định số 1950/QLĐB ngày 02/12/1982 có chiều dài 89,8 (từ Km143+000 ÷ Km229+000), gồm: phần đường có 1,32 km mặt đường BTXM, 42,7 km mặt đường BTN và 45,8 km đá dăm nhựa láng; phần cầu có 19 cầu/850,66 mđ

⁶ Cấp IV miền núi: nền đường rộng 7,5 m và mặt đường rộng 5,5m; Cấp V miền núi: nền đường rộng 6,5 m và mặt đường rộng 3,5m.

⁷ (1) Công tác quản lý công trình đường bộ:





II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Về công tác quản lý công trình đường bộ

1.1. Công tác phê duyệt, chấp thuận và cấp phép

1.1.1. Cấp phép đấu nối vào quốc lộ

Sở GTVT đã tham mưu Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Lạng Sơn ban hành các quyết định⁸ phê duyệt quy hoạch tổng thể các điểm đấu nối (gồm Quy hoạch đấu nối đường dẫn các cửa hàng xăng dầu vào quốc lộ) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trong thời kỳ thanh tra, Sở GTVT đã phê duyệt, ban hành tổng số 10 văn bản chấp thuận, cấp phép thi công các nút giao đấu nối vào các quốc lộ được giao quản lý⁹ và không có trường hợp đề nghị chấp thuận, cấp phép thi công đấu nối tạm thời có thời hạn vào các quốc lộ đang khai thác. Qua kiểm tra 05 hồ sơ¹⁰ cấp phép đấu nối vào các quốc lộ được giao quản lý, cho thấy, Sở GTVT đã tổ chức thực hiện chấp thuận, cấp phép thi công các nút giao đấu nối vào các quốc lộ theo thẩm quyền, trình tự và thời hạn quy định Điều 26 và Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT), tuy nhiên còn có tồn tại như sau:

- Đối với 02 hồ sơ¹¹, tại thời điểm Sở GTVT chấp thuận, cấp Giấy phép thi công cho doanh nghiệp được phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ khi chưa có Quyết định phê duyệt quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ của UBND tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; ngày 15/8/2023, UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 1288/QĐ-UBND¹², trong đó, bao gồm 02 điểm

Việc quản lý, sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đấu nối vào quốc lộ: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông, Thanh tra Sở GTVT, Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông phối hợp với các đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên thực hiện.

(2) Công tác bảo trì công trình đường bộ:

Sở GTVT phân công nhiệm vụ các phòng, Ban tham mưu thực hiện các công tác liên quan đến công tác bảo trì công trình đường bộ (Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, công tác sửa chữa tại Quyết định số 4138/QĐ-SGTVT ngày 29/12/2022, cụ thể:

- Phòng QLKCHT&ATGT: xây dựng kế hoạch bảo trì đường bộ; thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán; chủ trì lựa chọn nhà thầu thực hiện các công trình sửa chữa định kỳ; quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

- Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông: tổ chức nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng; tổ chức, quản lý dự án các công trình SCKK, phối hợp trong công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo giao thông, công tác tuần kiểm theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT và tổng số có 11 tuần kiểm viên.

- Thanh tra Sở: thực hiện công tác quản lý hành lang an toàn giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

⁸ Các quyết định phê duyệt, gồm: (1) Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; (2) Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch đấu nối đường dẫn các cửa hàng xăng dầu vào Quốc lộ trên địa bàn tính đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; (3) Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt các điểm đấu nối vào các tuyến Quốc lộ: QL.1, QL.1B, QL.3B, QL.4A, QL.4B, QL.31 và QL.279 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

⁹ - 05 văn bản chấp thuận Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối gồm: (1) số 116/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 18/01/2021; (2) số 3669/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 16/11/2021; (3) số 2263/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 27/7/2021; (4) số 09/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 04/01/2023; (5) số 2327/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 04/12/2023.

- 05 giấy phép thi công gồm: (1) số 167/SGTVT-GPTC ngày 22/01/2021; (2) số 3398/SGTVT-GPTC ngày 22/10/2021; (3) số 3752/SGTVT-GPTC ngày 23/11/2021; (4) số 1688/SGTVT-GPTC từ ngày 18/9/2023 đến ngày 26/11/2024; (5) số 2477/SGTVT-GPTC từ ngày 22/12/2023 đến ngày 20/5/2024

¹⁰ Các điểm đấu nối vào quốc lộ: (1) Km 160+700 (trái tuyến) QL.279; (2) Km 26+550 (trái tuyến) QL.4B; (3) Km 20+500 (phải tuyến) QL.4B; (4) Km 1+290 (trái tuyến) QL.1B; (5) Km 16+510 (trái tuyến) QL.1B.

¹¹ 02 vị trí đấu nối vào quốc lộ: (1) Km 160+700 (trái tuyến) QL.279 (theo văn bản chấp thuận số 116/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 18/01/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn); (2) Km 26+550 (trái tuyến) QL.4B (theo Văn bản chấp thuận số 3669/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 16/11/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn);

¹² Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt các điểm đấu nối vào các tuyến Quốc lộ: QL.1, QL.1B, QL.3B, QL.4A, QL.4B, QL.31 và QL.279 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

12/01/2024

[Chữ ký]

đầu nối nêu trên.

- Sở GTVT không tổ chức thực hiện việc nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng đối với nút giao đầu nối¹³ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT, Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT).

1.1.2. Cấp phép thi công xây dựng (viết tắt là GPTCXD) công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (viết tắt là KCHTGTĐB)

Trong thời kỳ thanh tra, Sở GTVT đã chấp thuận xây dựng, cấp GPTCXD cho 51 công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ KCHTGTĐB trên các quốc lộ được giao quản lý¹⁴. Qua kiểm tra, xác minh xác suất 05 hồ sơ¹⁵ cho thấy, Sở GTVT đã tổ chức thực hiện chấp thuận xây dựng, cấp GPTCXD cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT¹⁶, tuy nhiên, Sở GTVT chưa thực hiện việc tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả KCHTGT do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ KCHTGT theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

1.1.3. Cấp phép biển quảng cáo tạm thời: Theo báo cáo của Sở GTVT, trong thời kỳ thanh tra không có trường hợp đề nghị chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi HLAGTĐB trên các quốc lộ được giao quản lý, do đó, Sở GTVT không thực hiện chấp thuận, cấp phép.

1.1.4. Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác

Sở GTVT đã chấp thuận và cấp phép 65/68 GPTCXD công trình sửa chữa đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên các quốc lộ đang khai thác được giao quản lý¹⁷, có 03/68 công trình khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 nên không phải thực hiện chấp thuận, cấp phép. Qua kiểm tra, xác minh xác suất 05 hồ sơ¹⁸ được

¹³ Km 160+700 (phái tuyến) QL.279B

¹⁴ Năm 2021 là 11 công trình, năm 2022 là 26 công trình; năm 2023 là 14 công trình.

¹⁵ Các công trình xây dựng, gồm: (1) Công trình "Điện hạ thế các thôn xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia trong phạm vi bảo vệ KCHTGTĐB tuyến QL.279, địa phận huyện Bình Gia"; (2) Công trình "Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020 - phân kỳ năm 2022 tuyến QL.1B, địa phận huyện Bắc Sơn"; (3) Công trình "Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020 - phân kỳ năm 2022 các tuyến QL.31, ĐT.237, ĐT.246, địa phận huyện Đình Lập"; (4) Công trình "Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Chi Lăng các tuyến QL.3B; QL.4A, ĐT.226, địa phận huyện Tràng Định; QL.279, ĐT.234 địa phận huyện Chi Lăng"; (5) Công trình "Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2015-2020, thực hiện đầu tư 2022-2023 các tuyến QL.3B địa phận huyện Tràng Định; tuyến ĐT.231 địa phận huyện Bình Gia".

¹⁶ Về thẩm quyền chấp thuận, cấp GPTC; về thành phần hồ sơ chấp thuận, cấp GPTC; về thời hạn giải quyết hồ sơ chấp thuận, cấp GPTCXD và việc kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả.

¹⁷ Năm 2021 cấp 23 GPTC; năm 2022 cấp 32 GPTC; năm 2023 cấp 10 GPTC.

¹⁸ Các công trình xây dựng, gồm: (1) Công trình "Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và thoát nước đoạn Km 145+250 - Km 145+300; Km 145+400 - Km 145+550; Km 146 - Km 146+250; Km 146+800 - Km 146+900; Km 147+100 - Km 147+225; Km 147+320 - Km 147+595; Km 148+400 - Km 148+580; Km 148+765 - Km 148+850; Km 148+900 - Km 149; Km 149+350 - Km 149+500 và sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km 143 - Km 151 QL.279, tỉnh Lạng Sơn"; (2) Công trình "Sửa chữa các cầu Toòng Soong tại Km 102+240, cầu Khe Dăm 1 tại Km 105+505, cầu Khe Dăm 2 tại Km 105+780, QL.31 tỉnh Lạng Sơn"; (3) Công trình "Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km 60+130 - Km 62+600; Km 64+50 - Km 65+0,0; Km 68+200 - Km 69+950; Km 70+500 - Km 72+500; Km 72+800 - Km 73+350; Km 74+200 - Km 74+700; Km 75+500 - Km 76+700 QL.4B, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn"; (4) Công trình "Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km 122+200 - Km 132+00 QL.31, tỉnh Lạng Sơn"; (5) Công trình "Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km 1+550 - Km 3+700 QL.4B, tỉnh Lạng Sơn".

Sở GTVT cấp GPTCXD công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác, cho thấy, Sở GTVT đã tổ chức thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT về thời hạn giải quyết và thẩm quyền chấp thuận, cấp GPTC.

1.2. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá khổ, quá tải

Trong thời kỳ thanh tra, Sở GTVT đã thực hiện cấp tổng số 153 giấy phép lưu hành (viết tắt là GPLH) xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn¹⁹ và không thực hiện cấp GPLH đối với xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, đối với những trường hợp lưu hành phương tiện mà phải khảo sát, kiểm định, gia cường đường bộ hoặc lưu hành phương tiện làm ảnh hưởng đến kết cấu công trình đường bộ, hệ thống an toàn giao thông, trạm thu phí, các hạng mục công trình khác được phép xây dựng lắp đặt trên đất của đường bộ. Qua kiểm tra, xác minh xác suất 25 hồ sơ²⁰ cấp GPLH xe cho thấy, Sở GTVT đã tổ chức thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT về thẩm quyền, về thành phần hồ sơ đề nghị, về công khai thủ tục, lệ phí và thời gian. Tuy nhiên, còn một số tồn tại đối với 10/25 hồ sơ²¹ được Sở GTVT thực hiện trong giai đoạn từ 01/02/2024 đến thời điểm thanh tra, như sau:

(1) Thành phần hồ sơ đối với 05/10 hồ sơ không có phương án vận chuyển, 08/10 hồ sơ không có hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và điểm d khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT). Hồ sơ có Hợp đồng nguyên tắc giữa Bên vận chuyển và Bên thuê vận chuyển. Tuy nhiên Hợp đồng trên không phù hợp với quy định đối với Hợp đồng vận chuyển theo Điều 15 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

¹⁹ Năm 2021 cấp 30 GPLH xe; năm 2022 cấp 32 GPLH xe; năm 2023 cấp 50 GPLH xe và 04 tháng đầu năm 2024 cấp 41 GPLH xe.

²⁰ Các GPLH xe, gồm: (1) số 1515/SGTVT-GPLH ngày 27/5/2021 có giá trị đến ngày 26/6/2021; (2) số 3301/SGTVT-GPLH ngày 14/10/2021 có giá trị đến ngày 11/11/2021; (3) số 3957/SGTVT-GPLH ngày 10/12/2021 có giá trị đến ngày 11/01/2022; (4) số 3614/SGTVT-GPLH ngày 10/11/2021 có giá trị đến ngày 11/12/2021; (5) số 3300/SGTVT-GPLH ngày 14/10/2021 có giá trị đến ngày 11/11/2021; (6) số 169/SGTVT-GPLH ngày 14/01/2022 có giá trị đến ngày 13/02/2022; (7) số 1768/SGTVT-GPLH ngày 13/6/2022 có giá trị đến ngày 10/7/2022; (8) số 2276/SGTVT-GPLH ngày 26/7/2022 có giá trị đến ngày 25/8/2022; (9) số 116/SGTVT-GPLH ngày 12/01/2022 có giá trị đến ngày 11/02/2022; (10) số 948/SGTVT-GPLH ngày 06/4/2022 có giá trị đến ngày 04/5/2022; (11) số 1654/SGTVT-GPLH ngày 12/9/2023 có giá trị đến ngày 07/10/2023; (12) số 1924/SGTVT-GPLH ngày 18/10/2023 có giá trị đến ngày 18/11/2023; (13) số 2203/SGTVT-GPLH ngày 17/11/2023 có giá trị đến ngày 19/12/2023; (14) số 2349/SGTVT-GPLH ngày 06/12/2023 có giá trị đến ngày 03/01/2024; (15) số 375/SGTVT-GPLH ngày 05/3/2024 có giá trị đến ngày 07/4/2024; (16) số 265/SGTVT-GPLH ngày 19/2/2024 có giá trị đến ngày 21/3/2024; (17) số 488/SGTVT-GPLH ngày 19/3/2024 có giá trị đến ngày 19/4/2024; (18) số 374/SGTVT-GPLH ngày 05/3/2024 có giá trị đến ngày 07/4/2024; (19) số 611/SGTVT-GPLH ngày 04/4/2024 có giá trị đến ngày 03/5/2024; (20) số 369/SGTVT-GPLH ngày 04/3/2024 có giá trị đến ngày 31/3/2024; (22) số 428/SGTVT-GPLH ngày 12/3/2024 có giá trị đến ngày 12/4/2024; (23) số 570/SGTVT-GPLH ngày 30/3/2024 có giá trị đến ngày 25/4/2024; (24) số 572/SGTVT-GPLH ngày 30/3/2024 có giá trị đến ngày 25/4/2024; (25) số 581/SGTVT-GPLH ngày 01/4/2024 có giá trị đến ngày 01/5/2024;

²¹ Các GPLH xe cấp sau ngày 01/02/2024, gồm: (1) số 375/SGTVT-GPLH ngày 05/3/2024 có giá trị đến ngày 07/4/2024; (2) số 265/SGTVT-GPLH ngày 19/2/2024 có giá trị đến ngày 21/3/2024; (3) số 448/SGTVT-GPLH ngày 19/3/2024 có giá trị đến ngày 19/4/2024; (4) số 374/SGTVT-GPLH ngày 05/3/2024 có giá trị đến ngày 07/4/2024; (5) số 611/SGTVT-GPLH ngày 04/4/2024 có giá trị đến ngày 03/5/2024; (6) số 369/SGTVT-GPLH ngày 04/3/2024 có giá trị đến ngày 31/3/2024; (7) số 428/SGTVT-GPLH ngày 12/3/2024 có giá trị đến ngày 12/4/2024; (8) số 570/SGTVT-GPLH ngày 30/3/2024 có giá trị đến ngày 25/4/2024; (9) số 572/SGTVT-GPLH ngày 30/3/2024 có giá trị đến ngày 25/4/2024; (10) số 581/SGTVT-GPLH ngày 01/4/2024 có giá trị đến ngày 01/5/2024.

(2) Đơn đề nghị cấp GPLH xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ của một số đơn vị vận chuyển hàng chưa đúng mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT).

Ngoài ra, từ ngày 15/02/2021 đến thời điểm thanh tra, Sở GTVT không thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng quý, năm về tình hình cấp GPLH xe với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 23a Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT).

1.3. Công tác quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ (viết tắt là HLATGTĐB)

Sở GTVT đã tham mưu cho UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy chế²² phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, theo đó quy định trách nhiệm cụ thể đối với Sở GTVT, chính quyền địa phương (viết tắt là CQDP) các cấp; các Sở, ban, ngành khác của tỉnh Lạng Sơn trong việc quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trong thời kỳ thanh tra, đơn vị bảo trì đường bộ (lực lượng Tuần đường của Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên - viết tắt là QL, BDTX) đã kiểm tra, phát hiện và lập Biên bản vi phạm HLATGTĐB đối với 360 trường hợp²³ vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên các quốc lộ được giao. Các hành vi vi phạm chủ yếu như: Dựng rạp, lều quán, cổng ra vào, tường rào các loại, công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo; tự ý xây, đặt bục bê, làm mái che trong phạm vi HLATGTĐB; tự ý đào, đắp, san, lấp mặt bằng trong HLATGTĐB; tự ý chiếm dụng HLATGTĐB để xây dựng nhà ở đến ngày 24/4/2024. Qua kiểm tra, xác minh đối với 17 biên bản²⁴ vi phạm HLATGTĐB do lực lượng Tuần đường lập; 02 quyết định phân công nhiệm vụ²⁵ của Ban QLXD và BHTT giao thông cho Tuần kiểm viên; 07 sở phối hợp²⁶ công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB của Nhà thầu QL, BDTX với Thanh tra Sở và CQDP; 01 Hợp đồng²⁷ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tác QL, BDTX KCHTGTĐB giữa Nhà thầu

²² Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

²³ Năm 2021 lập 264 biên bản; năm 2022 lập 37 biên bản; năm 2023 lập 59 biên bản

²⁴ Các vi phạm HLATGTĐB: (1) tại Km 63+600 (TT) QL.1B năm 2021; (2) tại Km 58+480 (TT), QL.1B năm 2021; (3) tại Km 14+230 (PT), QL.4A năm 2021; (4) tại Km 67+480 (T-P), QL.4B năm 2021; (5) tại Km 44+850 (TT), QL.4B năm 2021; (6) tại Km 7+000, QL.4B năm 2021; (7) tại Km 48+925 (TT), QL.4B năm 2021; (8) tại Km 26+450 (TT), QL.4B năm 2021; (9) tại Km 60+500 (PT) QL.4B năm 2021; (10) tại Km 45+850 (T-P) QL.4B năm 2021; (11) tại Km 203+170 (PT) QL.279 năm 2021; (12) tại Km 171+195, QL.279 năm 2021; (13) tại Km 38+400 + Km 38+550 QL.1B năm 2022; (14) tại Km 28+200, QL.1B năm 2023; (15) tại Km 148+200, QL.279 năm 2023; (16) tại Km 219+390 (PT) QL.279 năm 2023; (17) tại Km 108+700, QL.31 năm 2023;

²⁵ Các Quyết định phân công nhiệm vụ cho Tuần kiểm, gồm: (1) số 196/QĐ-BQLXD ngày 14/3/2023 của Ban QLXD và BHTTGT về việc phân công nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ; (2) số 1024/QĐ-BQLXD ngày 17/10/2023 về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ Tuần kiểm thực hiện công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên trên các tuyến đường do Sở GTVT quản lý;

²⁶ Gồm: (1) Sở theo dõi phối hợp với CQDP của Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn QL.1B trong Quý I/2022; (2) Sở theo dõi phối hợp với CQDP của Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn QL.1B trong Quý II/2022; (3) Sở theo dõi phối hợp với CQDP của Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn QL.1B trong Quý III/2022; (4) Sở theo dõi phối hợp với CQDP của Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn QL.1B trong Quý IV/2022; (5) Sở theo dõi phối hợp giải quyết với CQDP của Chi nhánh Hạt 7 Văn Quan QL.1B, Công ty CP QL&XD GT Lạng Sơn năm 2022 (từ Km 0+000 - Km 46+000); (6) 02 Sở phối hợp với Thanh tra Sở GTVT về quản lý và bảo vệ KCHTGTĐB của các Hạt QL&XD QL.4B (từ Km 0+000 + Km 40+000; từ Km 40+000 - Km 80+000) thuộc Công ty CP phát triển XD&TM số 909.

²⁷ Hợp đồng số 755/2021/HĐ-BDTX/QL giữa Sở GTVT Lạng Sơn và Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHTGTĐB trên các tuyến QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.279, QL.31 và QL.3B thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn từ 01/4/2021 + 31/3/2024 (Gói thầu số 01: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường và cầu các tuyến QL.1B, QL.279 tỉnh Lạng Sơn từ 01/4/2021 đến 31/3/2024.

QL, BDTX và Sở GTVT trên đoạn tuyến quốc lộ, cho thấy, lực lượng Tuần đường đã phát hiện, lập Biên bản vụ việc, xác nhận hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB, tuyên truyền vận động cá nhân, tổ chức vi phạm tự giác tháo dỡ, khôi phục lại tình trạng ban đầu, báo cáo CQĐP nơi xảy ra vi phạm; định kỳ hàng tháng báo cáo Sở GTVT Lạng Sơn (qua Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông), Thanh tra Sở về các vụ vi phạm KCHTGTĐB phát sinh trong tháng, các vụ đã xử lý, chưa xử lý theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT. Qua kiểm tra cho thấy còn tồn tại như sau:

- Đối với 17/17 vi phạm được kiểm tra trên các tuyến quốc lộ, Sở GTVT không nắm bắt, theo dõi kết quả xử lý VPHC của CQĐP nơi xảy ra vi phạm đối với các vụ vi phạm trên.

- Kiểm tra thực tế tại hiện trường, các vi phạm trên (17/17 vụ) vẫn còn tồn tại, chưa được tháo dỡ và khôi phục lại tình trạng ban đầu theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP). Ngoài ra, trên các tuyến quốc lộ, còn ghi nhận một số vi phạm HLATGTĐB, như sau:

+ Vi phạm tại Km108+630 (phải tuyến), QL.31 thuộc địa phận khu Hòa Bình, thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập bị san lấp mặt bằng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ từ Km108+630 đến Km108+900, diện tích san lấp trái phép trong HLATGTĐB được xác định 9.724 m² làm hư hỏng hệ thống thoát nước công trình đường bộ (lắp toàn bộ lưu vực của hệ thống thoát nước), hư hỏng hệ thống ATGTĐB (biển báo, cọc tiêu, cột H). Theo báo cáo của Sở GTVT và hồ sơ, tài liệu cung cấp²⁸ cho thấy: Vi phạm đã được các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là VPHC), tuy nhiên, tại thời điểm Đoàn thanh tra kiểm tra hiện trường, hệ thống thoát nước công trình đường bộ, hệ thống an toàn giao thông (biển báo, cọc tiêu, cột H) tại vị trí Km 108+630 (phải tuyến) QL.31 chưa được khôi phục nguyên trạng như ban đầu, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT trên tuyến.

+ Trên các tuyến quốc lộ, vẫn còn tình trạng người dân tự ý lấn chiếm lòng, lề đường để kinh doanh, buôn bán, họp chợ, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT (chợ Lộc Bình trên QL.4B; chợ Đình Lập trên QL.31; chợ Khánh Khê, chợ Diềm He, chợ Thị trấn Văn Quan, chợ Đồng Ý, chợ Vũ Sơn, chợ xã Chiến Thắng, chợ xã Vũ Lễ trên QL.1B, chợ Bãi, chợ Pắc Khuông trên QL.279) và nhiều tồn tại chưa được kịp thời xử lý²⁹.

²⁸ Hồ sơ tài liệu, gồm: (1) Biên bản vi phạm hành lang công trình GTĐB số 12/BB-DKP ngày 03/10/2023 do lực lượng Tuần đường của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dương Khánh Phát xác lập hành vi vi phạm tại Km 108+680 (phải tuyến) QL.31; (2) Biên bản VPHC số 01/BB-VPHC ngày 25/3/2024 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đình Lập xác lập đối với cá nhân vi phạm (ông Đoàn Tiến Vinh có địa chỉ: Thôn Như Phượng Hạ, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) về hành vi Hủy hoại đất (làm biến dạng địa hình trong trường hợp hạ thấp bề mặt đất) tại vị trí các thửa đất thuộc khu Hòa Bình, Thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; (3) Quyết định số 919/QĐ-XPHC ngày 04/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đình Lập xử phạt VPHC đối với ông Đoàn Tiến Vinh, mức xử phạt VPHC là 45.000.000 đồng (ngày 26/4/2024, ông Đoàn Tiến Vinh đã chấp hành nộp phạt vào NSNN); (4) Văn bản số 156/TTGTVT-Đ3 ngày 16/5/2024 của Thanh tra Sở đề nghị Công ty CP Phát triển xây dựng và Thương mại số 909 tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm ATGT trên tuyến QL.31 huyện Đình Lập (rào chắn diện tích vi phạm); (5) Biên bản làm việc số 09/BBLV-TTGT ngày 22/5/2024 giữa Thanh tra Sở, đại diện CQĐP, đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ với nội dung xác định quy mô, mức độ san lấp trái phép trong HLATGTĐB tại Km 108+750 (trái tuyến), QL.31; (6) Hình ảnh hiện trường vi phạm tại Km 108+750 (trái tuyến), QL.31 đã được đơn vị quản lý, sửa chữa đường bộ tổ chức rào chắn tạm thời diện tích vi phạm (bằng cọc tre, dây vải).

²⁹(1) QL.4A tại Km61+700, hai bên đường bị lấn chiếm làm bãi tập kết vật liệu.

1.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, lập hồ sơ quản lý

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, Thanh tra Sở³⁰ có nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện các Kế hoạch, Quyết định³¹ của Sở GTVT về công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB, xử phạt VPHC đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi địa bàn quản lý của Sở GTVT, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ (viết tắt là TTATGTĐB) trên các tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý. Hàng năm, Thanh tra Sở xây dựng các kế hoạch, văn bản để chỉ đạo các Đội Thanh tra giao thông trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm HLATGTĐB, các vi phạm về thi công công trình trên đường bộ đang khai thác; thực hiện công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; cử người, công chức tham gia thực hiện công tác giải tỏa, tháo dỡ các công trình lấn chiếm vi phạm HLATGTĐB theo kế hoạch của UBND các huyện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Qua kiểm tra Sổ tiếp nhận thông tin, vụ việc vi phạm về TTATGTĐB, HLATGTĐB và kết quả xử lý vi phạm của Thanh tra Sở, cho thấy, đối với 13 hồ sơ xử lý VPHC³² do Thanh tra Sở phát hiện, lập biên bản VPHC, ra quyết định xử phạt VPHC trong thời kỳ thanh tra³³ cơ bản thực hiện theo quy định của Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý VPHC năm 2020), quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, tuy nhiên, Thanh tra Sở đã lập hồ sơ, biên bản VPHC và ra quyết định xử phạt VPHC chưa thống nhất về đối tượng vi phạm dẫn đến chưa xác định đúng đối tượng, hành vi VPHC quy định tại điểm b khoản 9 Điều 12 Nghị định số

(2) QL.4B: Tại Km3+000 + Km5+000 đang thực hiện dự án đầu tư, xây dựng, tuy nhiên, hệ thống cảnh báo ATGT chưa được bố trí đầy đủ; tại Km20+450 (TT) có bãi tập kết vật liệu, đầu nối trực tiếp vào quốc lộ và cùng với việc địa phương đang thi công đầu nối đường tỉnh bên phải tuyến nhưng thiếu hệ thống cảnh báo ATGT, tạo thành ngã tư... có nguy cơ mất ATGT; tại Km36+500 người dân đang san lấp mặt bằng, dựng quán trong HLATGTĐB; tại Km55+900 (TT) có bãi tập kết vật liệu; tại Km73+780 (TT) sụt đất la luy dương nhưng chưa được xử lý.

(3) QL.31: tại Km115+800 (trái tuyến) người dân đang đào đất ta luy dương, đầu nối đường nhánh; tại Km109+400 (phải tuyến) tập kết vật liệu lấn chiếm lề đường; các điểm Km104+600 (Phải tuyến), Km105+700 (TT) dân lấn chiếm HLATGTĐB để làm bãi sản xuất dăm gỗ.

(4) QL.3B tại Km218+200, người dân đang thi công đường nước dân sinh phía trái tuyến trong đất của đường bộ.

(5) QL.1B tại Km32+900, người dân lấn chiếm HLATGTĐB hai bên đường làm bãi tập kết vật liệu.

³⁰ Văn bản số 100/BC-TTGTVT ngày 02/4/2024 của Thanh tra Sở GTVT Lạng Sơn báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (giai đoạn từ năm 2021 + 2023);

³¹ Gồm: (1) Quyết định số 3322/QĐ-SGTVT ngày 03/12/2020 của Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021; (2) Quyết định số 3879/QĐ-SGTVT ngày 03/12/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022; (3) Quyết định số 3877/QĐ-SGTVT ngày 09/12/2023 của Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023; (4) Kế hoạch số 965/KH-SGTVT ngày 07/4/2022 của Sở GTVT Lạng Sơn về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB các tuyến QL.1B, QL.3B, QL.4A, QL.4B, QL.31, QL.279 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; (5) Kế hoạch số 3689/KH-SGTVT ngày 31/12/2020 của Sở GTVT Lạng Sơn về KSTTX tại Trạm KTTTX lưu động tỉnh Lạng Sơn năm 2021; (6) Kế hoạch số 4198/KH-SGTVT ngày 10/12/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn về KSTTX xe tại Trạm KTTTX lưu động tỉnh Lạng Sơn năm 2022; (7) Kế hoạch số 3957/KH-SGTVT ngày 15/12/2022 của Sở GTVT Lạng Sơn về KSTTX tại Trạm KTTTX lưu động tỉnh Lạng Sơn năm 2023.

³² Các Biên bản VPHC, gồm: (1) số 0078721/BB-VPHC ngày 14/6/2021 quyền số 03149; (2) số 0000061/BB-VPHC ngày 08/8/2022 quyền số 03; (3) số 0000014/BB-VPHC ngày 22/8/2022 quyền số 01; (4) 0000015/BB-VPHC ngày 22/8/2022 quyền số 01; (5) 0000016/BB-VPHC ngày 22/8/2022 quyền số 01; (6) số 0000113/BB-VPHC ngày 24/8/2022 quyền số 05; (7) số 0000017/BB-VPHC ngày 29/8/2022 quyền số 01; (8) số 0000019/BB-VPHC ngày 08/11/2022 quyền số 01; (9) số 0000020/BB-VPHC ngày 22/12/2022 quyền số 01; (10) 0000070/BB-VPHC ngày 11/5/2023 quyền số 03; (11) số 0000289/BB-VPHC ngày 31/5/2023 quyền số 12; (12) số 0000351/BB-VPHC ngày 01/8/2023 quyền số 15; (13) số 000072/BB-VPHC ngày 27/11/2023 quyền số 03.

³³ Các Kế hoạch, gồm: (1) số 214/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện Văn Quan, thực hiện giải tỏa HLATGTĐB trên địa bàn huyện Văn Quan năm 2022; (2) số 261/KH-UBND ngày 26/8/2023 của UBND huyện Đình Lập về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên địa bàn huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; (3) 271/KH-UBND ngày 16/8/2023 của UBND huyện Văn Lãng về việc giải tỏa HLATGTĐB và tháo dỡ các công trình lấn chiếm vỉa hè trên các tuyến trong khu vực của khu vực của huyện Văn Lãng; (4) số 2827/KH-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện Tràng Định về giải tỏa HLATGTĐB và tháo dỡ các công trình lấn chiếm vỉa hè trực tuyến đường QL.3B trên địa bàn huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) đối với 01 vụ vi phạm KCHTGTĐB³⁴.

2. Công tác lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

2.1. Công tác bảo dưỡng thường xuyên

Trên cơ sở hiện trạng 06 tuyến quốc lộ (QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.279, QL.31 và QL.3B) được giao quản lý, các hồ sơ lưu trữ (Hồ sơ lý lịch cầu; bình đồ duỗi thẳng quản lý đường; báo cáo số liệu số liệu cầu, đường; Hồ sơ Đăng ký đường...) được giao; chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GTVT, Cục ĐBVN về thực hiện công tác QL, BDTX hệ thống đường quốc lộ³⁵, Sở GTVT tổ chức lập, trình kế hoạch bảo trì; lập, trình duyệt dự toán QL, BDTX cơ bản tuân thủ các quy định được phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-TCĐBVN ngày 02/02/2021 với tổng kinh phí là 70.028.855.000 đồng³⁶ và được chia thành 03 gói thầu³⁷ cho giai đoạn từ 01/4/2021 đến 31/3/2024. Tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

(1) Về khối lượng: Chưa cập nhật đầy đủ khối lượng theo các hạng mục công trình sửa chữa đã thực hiện (QL4.A các cầu: Khuổi Sán, Na Sầm, Bản Quan, Khuổi Lếch...; QL. 4B các cầu: Nà Mung, Kéo Cọ, Khe Cù, Khuổi sắt, Bản Lìm...); chiều

³⁴ Vi phạm tại Km 50+640 (TT) QL.1B thuộc địa phận xã Tân Văn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Qua kiểm tra hồ sơ xử lý VPHC và kiểm tra hiện trường, cho thấy, Thanh tra Sở lập Biên bản VPHC, ra quyết định xử phạt VPHC đối với hộ gia đình bà Nông Thị Hồng với hành vi "Tự ý san, lấp mặt bằng trong HLTGTĐB" theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, tuy nhiên, theo Biên bản vi phạm HLTGTĐB số 43/BBVPHLĐB ngày 30/10/2023 do Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn lập với hành vi vi phạm "Đổ bê tông san làm cây xăng không có giấy phép thi công (không có Đơn xin đấu nối vào cây xăng)";

Biên bản làm việc số 17/BBLV ngày 20/11/2023 của Thanh tra Sở đối với hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh Hùng (chồng bà Nông Thị Hồng) để xác nhận hành vi "Đổ bê tông làm lối vào cây xăng tại Km 50+640 (TT) QL.1B có kích thước dài theo mép đường 22,0m, chiều sâu 13,0m trong phạm vi đất dành cho đường bộ mà chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền"; Biên bản làm việc số 19/BBLV-ĐA ngày 27/11/2023 của Thanh tra Sở xác nhận lại hành vi "Tự ý san, lấp mặt bằng để đổ bê tông xi măng làm lối vào điểm bán lẻ xăng, dầu trong hành lang an toàn đường bộ"; kiểm tra hiện trường của Đoàn thanh tra ngày 23/5/2024, tại vị trí Km 50+640 (TT), QL.1B có điểm bán xăng dầu của Công ty CP Tân Hà PETRO, có đấu nối trái phép vào đường chính QL.1B, các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã lưu thông ra, vào mua xăng, dầu tại điểm đấu nối trái phép này.

Ngoài ra, tại thời điểm Chi nhánh Hạt Bình Gia - Bắc Sơn lập biên bản ghi nhận sự việc (30/10/2023, cây xăng đã được xây dựng (thể hiện rõ tại bản vẽ sơ hoạ kèm theo) và đã được Sở Công thương cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ số 14/TNTB-SCT ngày 04/10/2023.

³⁵ (1) Văn bản số 33/BGTVT-KCHT ngày 04/01/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường quốc lộ.

(2) Quyết định số 6301/QĐ-TCĐBVN ngày 21/12/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN về việc phê duyệt (lần 1) giá dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các quốc lộ và đường cao tốc năm 2021 sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Nhà nước do Tổng cục ĐBVN quản lý.

(3) Các thông tư: số 37/2018/BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ công sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện; số 09/2019/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 Hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng với tổng kinh phí là 70.028.855.000 đồng (Trong đó: Chi phí QL, BDTX là 68.494.666.000 đồng và Chi khác là 1.534.189.000 đồng)

(4) Định mức bảo dưỡng thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định 3409/2014/QĐ-BGTVT ngày 09/9/2014; Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX TCCS 07:2013/TCĐBVN ngày 07/10/2013 và Công bố giá của địa phương.

³⁶ Quyết định số 495/QĐ-TCĐBVN ngày 02/02/2021 về việc phê duyệt giá dịch vụ sự nghiệp công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến quốc lộ QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.279, QL.31 và QL.3B thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn từ 01/4/2021 đến 31/3/2024.

³⁷ 03 gói thầu: (1) Gói thầu số 01 gồm QL.1B và QL.279; (2) Gói thầu số 02 gồm QL.4A và QL.3B; (3) Gói thầu số 03 gồm QL.4B và QL.31.

dài 02 tuyến chưa phù hợp với các quyết định giao nhiệm vụ quản lý khai thác và thực tế (QL.1B là 100/100,7 km và QL.3B là 61,4/61,7 km); một số đoạn mặt đường BTXM³⁸ được lập công tác BDTX mặt đường như mặt đường Bê tông nhựa; Xác định hiện trạng mặt đường chưa phù hợp với thực tế (QL.31: mặt đường BTN 0,5/27,1 km, mặt đường đá dăm nhựa 59,45/33,4 km...); 13 cầu³⁹ có khẩu độ $L \leq 6,1$ m, theo TCVN 11823:2017 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu, các cầu này được xác định như công trình cầu là chưa phù hợp; một số cầu có gối bằng thép, chiều cao gối thấp (2-3 cm theo Hồ sơ lý lịch cầu được lưu trữ) việc thực hiện bôi mỡ gối cầu là chưa phù hợp với thực tế do không thực hiện được.

(2) Về dự toán: Một số hạng mục (Bạt lè đường, vét rãnh hồ và kín...) không căn cứ vào hồ sơ lưu trữ để xác định vị trí thực hiện bằng nhân công cho phù hợp với thực tế.

2.2. Công tác sửa chữa

Căn cứ hiện trạng 06 tuyến quốc lộ (QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.279, QL.31 và QL.3B) được giao quản lý (trình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô, cấp hạng kỹ thuật và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ); các quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ⁴⁰ hằng năm Sở GTVT đã xây dựng nhu cầu bảo trì công trình đường bộ⁴¹ được giao quản lý và phối hợp với Cục ĐBVN trình Bộ GTVT nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau sử dụng vốn ngân sách nhà nước và kinh phí Bộ GTVT giao cho Sở GTVT qua các năm, như sau: Năm 2021 là 175,836 tỷ đồng⁴²; năm 2022

³⁸ Chiều dài 01 km trên QL.3B; 0,5 km trên QL.31; 1,5 km trên QL.279.

³⁹ - 06 cầu QL.1B: (1) Chục Pính - Km9+220,8; (2) Nà Pái - Km55+223,6; (3) Đồng Mạ - Km60+423,27; (4) Gõ - Km67+847,8; (5) Nà Bon - Km90+850; (6) Lân Vi - Km91+290.

- 02 cầu QL.31: (1) Bắc Làng 1 - Km108+900; (2) Nà Phạ - Km142+300.

- 01 cầu QL.279: (1) Bàn Trà - Km184+800;

- 04 cầu QL.4B: (1) Ái Pha - Km12+007; (2) Khuổi Cong - Km15+147; (3) Khuá Hải - Km25+427,16; (4) Phật Chi - Km55+720.

⁴⁰ Các thông tư: số 37/2018/BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 39/2020/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì KCHTGTĐB và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng.

⁴¹ (1) Năm 2021 là 243.221 triệu đồng, trong đó: BDTX là 24.611 triệu đồng; sửa chữa định kỳ là 218.600 triệu đồng (Ưu tiên 1: 122.500 triệu đồng và ưu tiên 2: 96.100 triệu đồng) tại Tờ trình số 681/TTr-SGTVT ngày 24/3/2020.

(2) Năm 2022 là 200.420 triệu đồng, trong đó: BDTX là 23.820 triệu đồng; sửa chữa định kỳ là 169.100 triệu đồng (Ưu tiên 1: 135.500 triệu đồng và ưu tiên 2: 34.100 triệu đồng) và sửa chữa đột xuất là 7.500 triệu đồng tại Tờ trình số 788/TTr-SGTVT ngày 01/4/2021.

(3) Năm 2023 là 553.443 triệu đồng, trong đó: BDTX là 23.971 triệu đồng; sửa chữa định kỳ là 405.456 triệu đồng (Công trình chuyển tiếp: 269.856 triệu đồng và công trình làm mới: 135.600 triệu đồng) và sửa chữa đột xuất là 124.016 triệu đồng (Khắc phục lụt bão ĐBGT bước 1: 11.216 triệu đồng và công trình làm mới: 112.800 triệu đồng) tại Tờ trình số 3382/TTr-SGTVT ngày 03/11/2022.

⁴² Quyết định số 1946/QĐ-BGTVT ngày 12/11/2021 của BGTVT, trong đó:

(1) Các công trình sửa chữa là 127,266 tỷ đồng, như sau: Chuyển tiếp năm 2020 là 18 công trình với giá trị là 27,921 tỷ đồng và khởi công mới năm 2021 là 14 công trình với giá trị 99,345 tỷ đồng.

(2) Công trình đột xuất là 48,570 tỷ đồng, như sau: Khắc phục lụt bão ĐBGT bước 1 có 06 công trình với giá trị là 9,4000 tỷ đồng; sửa chữa cầu cầu yếu cho 01 công trình với giá trị là 4,250 tỷ đồng và xử lý điểm mất ATGT là 34,920 tỷ đồng (Chuyển tiếp năm 2020 cho 09 công trình với giá trị là 12,848 tỷ đồng và khởi công mới năm 2021 cho 07 công trình với giá trị 22,072 tỷ đồng.

là 138,561 tỷ đồng⁴³, năm 2023 là 247,722 tỷ đồng⁴⁴ và năm 2024 là 247,722 tỷ đồng⁴⁵. Qua kiểm tra cho thấy còn một số tồn tại sau: Một số công trình⁴⁶ việc khảo sát lập kế hoạch của các bên có liên quan còn chưa sát với thực tế hiện trường, giải pháp sửa chữa chưa phù hợp, do đó quá trình thực hiện đã điều chỉnh giảm khối lượng so với bước lập kế hoạch.

3. Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ

3.1. Tổ chức đặt hàng

Trong thời kỳ thanh tra các đơn vị không thực hiện đặt hàng đối với công tác BDTX. Tuy nhiên, để công tác BDTX được thực hiện thường xuyên và liên tục, giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/3/2021, thực hiện chỉ đạo của Cục ĐBVN tại Văn bản số 9709/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 30/12/2020 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng QL, BDTX hệ thống quốc lộ và đường cao tốc (trừ đường BOT) trong thời gian thực hiện các thủ tục để đấu thầu lựa chọn Nhà thầu QL, BDTX giai đoạn từ năm 2021 - 2023, theo đó Sở GTVT đã tiến hành ký kết Phụ lục hợp đồng với các Nhà thầu QL, BDTX đối với các quốc lộ được giao quản lý thuộc giai đoạn 2018 - 2020 là Liên danh Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn - Công ty CP XDCTGT 244 - Công ty TNHH XD&TM Khánh Dương⁴⁷.

3.2. Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng thực hiện công tác QL, BDTX

3.2.1. Công tác lựa chọn nhà thầu

Giai đoạn từ 01/4/2021 đến 31/3/2024, công tác QL, BDTX được thực hiện theo 03 gói thầu⁴⁸. Các gói thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng, theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

⁴³ Quyết định 1492/QĐ-BGTVT ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Trong đó:

(1) Công trình sửa chữa định kỳ là 107,267 tỷ đồng, như sau: Chuyển tiếp năm 2021 cho 14 công trình với giá trị là 27,758 tỷ đồng và khởi công mới năm 2022 cho 17 công trình với giá trị 79,509 tỷ đồng

(2) Công trình đột xuất là 31,294 tỷ đồng, như sau: Khắc phục lưt bão ĐBGT bước 1 cho 06 (07) công trình với giá trị là 8,889 tỷ đồng và xử lý điểm mất ATGT 16 công trình với giá trị là 22,405 tỷ đồng (Chuyển tiếp năm 2021 cho 09 công trình với giá trị 17,806 tỷ đồng và khởi công mới năm 2022 cho 07 công trình với giá trị 4,599 tỷ đồng).

⁴⁴ Quyết định 1435/QĐ-BGTVT ngày 09/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Trong đó:

(1) Công trình sửa chữa định kỳ là 223,741 tỷ đồng, như sau: Chuyển tiếp năm 2022 cho 18 công trình với giá trị là 102,617 tỷ đồng và khởi công mới năm 2023 cho 11 công trình với giá trị 121,124 tỷ đồng.

(2) Xử lý điểm mất ATGT: Công trình chuyển tiếp năm 2022 cho 12 công trình với giá trị 23,981 tỷ đồng.

⁴⁵ Quyết định 1690/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Trong đó:

(1) Công trình sửa chữa định kỳ là 143,564 tỷ đồng, như sau: Chuyển tiếp năm 2023 cho 12 công trình với giá trị là 24,820 tỷ đồng và khởi công mới năm 2024, 2025 cho 15 công trình với giá trị 118,447 tỷ đồng.

(2) Xử lý điểm mất ATGT: Công trình chuyển tiếp năm 2023 cho 07 công trình với giá trị 13,024 tỷ đồng.

⁴⁶ - Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+758 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.

- Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B.

⁴⁷ - Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn đối với QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.279.

- Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 244 đối với QL.3B.

- Công ty TNHH XD&TM Khánh Dương đối với QL.31.

⁴⁸ - Gói thầu số 01 "QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B và QL.279 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn", Nhà thầu trúng thầu là Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn;

- Gói thầu số 02 "QL, BDTX đường và cầu tuyến các tuyến QL.4A và QL.3B thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn", Nhà thầu trúng thầu là Liên danh Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn (thực hiện quản lý QL.4A) và Công ty CP Xây dựng CTGT 244 (thực hiện quản lý QL.3B);





Qua kiểm tra xác suất hồ sơ lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01 “QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B và QL.279 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn”, cho thấy còn tồn tại như sau:

- Báo cáo đánh giá E-HSĐX tài chính không đính kèm các Danh mục tài liệu có liên quan theo Phụ lục “Danh mục tài liệu đính kèm” của Báo cáo.

- Báo cáo thẩm định⁴⁹ ngày 30/3/2021 của phòng QLKCHT&ATGT về Kết quả đánh giá lựa chọn nhà thầu công tác QL, BDTX Gói thầu số 01 có nêu: “Thời gian thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện từ ngày 23/3/2021 đến ngày 29/3/2021” trong đó đã kiểm tra Biên bản thương thảo hợp đồng. Tuy nhiên, Biên bản thương thảo hợp đồng được các bên có liên quan lập vào ngày 30/3/2021, do đó nội dung “đã kiểm tra Biên bản thương thảo hợp đồng” nêu trên là không đúng do không phù hợp về mặt thời gian. Ngoài ra, Bên mời thầu, Tổ chuyên gia và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, ban hành nhiều văn bản⁵⁰ công tác lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01 cùng trong một ngày 30/3/2021.

3.2.2. Ký hợp đồng thực hiện công tác QL, BDTX

Giai đoạn 2021 - 2023 được Sở GTVT ký kết 03 hợp đồng thực hiện công tác QL, BDTX⁵¹ đối với các tuyến quốc lộ được giao quản lý.

Qua kiểm tra các hồ sơ liên quan⁵² đến Hợp đồng số 755/2021/HĐ-BDTX/QL ký ngày 30/3/2021 giữa Sở GTVT và Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc thực

- Gói thầu số 03 “QL, BDTX đường và cầu trên các tuyến QL.4B và QL.31 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn”, Nhà thầu trúng thầu là Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Dương Khánh Phát (thực hiện quản lý QL.31); Công ty CP Phát triển xây dựng và Thương mại số 909 (thực hiện quản lý QL.4B).

⁴⁹ Không có số văn bản.

⁵⁰ - Biên bản đối chiếu hồ sơ E-HSDT được lập ngày 30/3/2021 giữa Tổ chuyên gia và Nhà thầu - Công ty CP QL&XDGT giao thông Lạng Sơn;

- Biên bản thương thảo hợp đồng; Ký giữa Sở GTVT Lạng Sơn và Công ty CP QL&XDGT giao thông Lạng Sơn ngày 30/3/2021;

- Báo cáo thẩm định ngày 30/3/2021 của Phòng QLKCHT&ATGT về Kết quả đánh giá lựa chọn nhà thầu công tác QL, BDTX Gói thầu số 01: QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B, QL.279, tỉnh Lạng Sơn (từ 01/4/2021 đến 31/3/2024);

- Quyết định số 755/QĐ-SGTVT ngày 30/3/2021 của Sở GTVT về việc “Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 “QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B, QL.279, tỉnh Lạng Sơn (từ 1/4/2021 đến 31/3/2024)”;

- Văn bản số 758/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 30/3/2021 của Sở GTVT về việc “Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng gói thầu số 01 “QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B, QL.279, tỉnh Lạng Sơn (từ 1/4/2021 đến 31/3/2024)”;

- Ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu: Hợp đồng kinh tế số 755/2021/HĐ-BDTX/QL ngày 30/3/2021 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn về việc thực hiện Công tác QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B và QL.279 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

⁵¹ (1) Hợp đồng số 01: QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B và QL.279 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn do Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn thực hiện;

(2) Hợp đồng số 02: QL, BDTX đường và cầu trên các tuyến QL.4A và QL.3B thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn do Liên danh Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn và Công ty CP Xây dựng CTGT 244 thực hiện;

(3) Hợp đồng số 03: QL, BDTX đường và cầu trên các tuyến QL.4B và QL.31 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn do Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Dương Khánh Phát và Công ty CP Phát triển XD&TM số 909 thực hiện;

⁵² - Hợp đồng kinh tế số 755/2021/HĐ-BDTX/QL ký ngày 30/3/2021 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn là “Hợp đồng trọn gói (nghiệm thu theo chất lượng thực hiện)”; kèm theo Biên bản thương thảo Hợp đồng ký ngày 30/3/2021.

- Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 755/2021/HĐ-BDTX/QL ký ngày 30/3/2022 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc “điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022”.

- Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 755/2021/HĐ-BDTX/QL ký ngày 10/7/2023 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc “điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023”.

hiện công tác QL, BDTX (Gói thầu số 01) cho thấy công tác tổ chức ký kết hợp đồng được thực hiện cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công tác tuần đường, tuần kiểm bảo vệ KCHTGTĐB

3.3.1. Về tổ chức thực hiện công tác tuần đường, tuần cầu của Nhà thầu QL, BDTX

Qua kiểm tra hồ sơ tuần đường, tuần cầu do các Nhà thầu QL, BDTX thực hiện trên tuyến QL.4A năm 2021, QL.1B, QL.3B năm 2022, QL.31, QL.4B và QL.279 năm 2023 cho thấy còn có nhiều tồn tại, cụ thể như sau:

(1) Chiều dài tuyến nhân viên tuần đường⁵³ được giao lớn hơn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT.

(2) Nhật ký tuần đường:

- QL.4A năm 2021, QL.1B năm 2022, QL.3B năm 2022, QL.279 năm 2023: không đánh số trang, không ghi rõ tên “người nhận báo cáo” là chưa đúng theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 01 - Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT.

- QL.4B (đoạn Km0+000 ÷ Km40+000 từ ngày 27/12/2023 ÷ 31/12/2023) và QL.31: không có chữ ký của “Người nhận báo cáo”, chỉ có chữ ký nhưng không ghi rõ tên “Người nhận báo cáo” hoặc có chữ ký nhưng không ghi rõ tên của người tuần đường.

- QL.1B năm 2022: nội dung các sổ Nhật ký tuần đường năm 2022 thể hiện có sự trùng lặp về nội dung, chông chéo về phạm vi thực hiện giữa các người tuần đường, sự không thống nhất trong phân công các người làm công tác tuần đường và người nhận báo cáo tuần đường hàng ngày của Nhà thầu QL, BDTX tại 02 sổ Nhật ký tuần đường quý IV năm 2022 được kiểm tra⁵⁴.

- QL.3B năm 2022: nhiều sổ Nhật ký tuần đường có các nội dung bị tẩy, xóa...

- QL.31 năm 2023: các người tuần đường Công Văn Mão và Giang Mỹ Nô không có tên trong quyết định phân công người tuần đường số 13/2021/QP-DKP ngày 10/4/2021; các sổ Nhật ký tuần đường không được đánh số trang, hướng dẫn ghi chép nhật ký tuần đường... chưa đúng theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 01 - Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; không có Sổ nhật ký tuần đường và nội dung

- Biên bản thương thảo ký ngày 01/12/2022 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc “Bổ sung đơn giá đường đang thi công”.

- Biên bản thương thảo ký ngày 20/6/2023 giữa Sở GTVT Lạng Sơn và CP QL&XDGT Lạng Sơn về việc “Bổ sung đơn giá quản lý, bảo dưỡng thường xuyên cầu trên tuyến QL.279”.

⁵³ Theo quy định, chiều dài tuyến nhân viên tuần đường được giao thực hiện tối đa là 35km/người đối với đường cấp IV, V và VI miền núi, tuy nhiên, theo hồ sơ cho thấy:

- QL.1B năm 2022: từ ngày 01/10/2022 - 31/12/2022, do người tuần đường Lương Xuân Vinh thực hiện trên đoạn tuyến từ Km0+000 ÷ Km46+000, hàng ngày có chữ ký của “người nhận báo cáo” nhưng không ghi rõ tên; hàng ngày chỉ có 01 người thực hiện công tác tuần đường từ trên đoạn tuyến có chiều dài 46 km.

- QL.4B năm 2023: bố trí 02 người làm nhiệm vụ tuần đường trên QL.4B, mỗi người phụ trách tuần đường một đoạn tuyến dài 40 km đường cấp IV miền núi (bà Vương Thị Thu tuần đường đoạn tuyến từ Km0+000 ÷ Km40+000 và bà Trần Thị Đám tuần đường đoạn tuyến từ Km40+000 ÷ Km80+000).

- QL.31 năm 2023: Từ ngày 01/5/2023 ÷ 30/6/2023, một số ngày có 01 chữ ký phân người thực hiện công tác tuần đường, một số ngày có 02 chữ ký phân người thực hiện công tác tuần đường (nhưng không có nội dung thể hiện rõ phạm vi tuần đường của từng người) trên đoạn tuyến từ Km101+000 ÷ Km162+000; từ ngày 01/7/2023 ÷ 30/9/2023, hàng ngày chỉ có 01 người thực hiện công tác tuần đường từ Km101+000 ÷ Km162+000.

⁵⁴ - Sổ Nhật ký thứ nhất ghi từ ngày 01/10/2022 ÷ 31/12/2022, do người tuần đường Lương Xuân Vinh thực hiện trên đoạn tuyến từ Km0+000 ÷ Km46+00, hàng ngày có chữ ký của “người nhận báo cáo” nhưng không rõ tên

- Sổ Nhật ký thứ hai ghi từ ngày 01/10/2022 ÷ 31/12/2022, do Tuần đường Nguyễn Văn Thăng thực hiện trên đoạn tuyến từ Km28+000 ÷ Km46+00, QL.1B; hàng ngày có chữ ký của “người nhận báo cáo” tên là Trần Quang Mẫn; Tuần đường chỉ ký nhưng không ghi tên, chữ ký giống chữ ký của “người nhận báo cáo” tại sổ Nhật ký thứ nhất; nội dung ghi chép trên cùng một đoạn tuyến trong cùng một ngày có những nội dung không thống nhất.

Handwritten signature

Handwritten signature

thực hiện công tác tuần đường đoạn tuyến từ Km130+000 ÷ Km162+000 trong thời gian từ 01/4/2023 ÷ 01/5/2023.

3.3.2. Về công tác tuần kiểm của Sở GTVT

Qua kiểm tra hồ sơ tuần kiểm trên các tuyến quốc lộ được giao quản lý trong giai đoạn 2021 ÷ 2023 do Sở GTVT cung cấp cho thấy còn một số tồn tại như sau:

- Sổ nhật ký tuần kiểm thực hiện trên các quốc lộ (Năm 2021: QL.4A, QL.279; năm 2022: QL.3B và năm 2023: QL.31, QL.4B) chưa đúng mẫu và nội dung theo quy định tại Phụ lục 02 - Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT (người thực hiện tuần kiểm đường bộ không ký tên ở phía dưới nội dung ghi chép sau khi kiểm tra; không ghi rõ tên và không có các nội dung ghi nhận xét của người nhận báo cáo; không có các nội dung theo dõi kết quả thực hiện của đơn vị QL, BDTX);

- Sổ nhật ký tuần kiểm thực hiện trên các quốc lộ (Năm 2021: QL.4A; năm 2022: QL.1B và năm 2023: QL.31, QL.4B) không có các nội dung ghi nhận quá trình xử lý đối với các vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Sổ nhật ký tuần kiểm QL.4A năm 2021 trong thời gian từ 01/4/2021 ÷ 17/6/2021 không có nội dung tuần kiểm.

3.4. Công tác lập, quản lý, sử dụng hồ sơ trong khai thác bảo trì công trình đường bộ

Sở GTVT và Nhà thầu QL, BDTX đã tổ chức lập, quản lý và lưu trữ các hồ sơ cầu, đường trong giai đoạn khai thác, bảo trì công trình đường bộ từ năm 2021 ÷ 2023 theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT. Tuy nhiên, còn một số thiếu sót sau:

3.4.1. *Hồ sơ lý lịch cầu*: Không có hồ sơ lý lịch các cầu Ái Pha Km12+007, Cầu Khuổi Cong Km15+147 (QL.4B). Không cập nhật đầy đủ danh mục các hồ sơ văn bản lưu trữ liên quan đến cầu, lịch sử duy tu và bảo dưỡng, lịch sử kiểm tra, kiểm định, các thay đổi về kết cấu trong quá trình quản lý. Không có chữ ký và dấu của đơn vị quản lý tại QL.1B, QL.4A, QL.4B, QL.31, QL.279. Không có hồ sơ hình ảnh cầu đối với cầu Tà Lài Km5+526,5 và cầu Bó Cùm (cũ) Km21+150 (QL.4A).

3.4.2. *Bình đồ duỗi thẳng quản lý đường bộ*: Hồ sơ bình đồ QL.1B năm 2022, QL.3B năm 2022, QL.4B năm 2023, QL.31 năm 2023 không cập nhật các thông tin về thống kê các yếu tố hình học, cấp đường, sửa chữa bảo trì phát sinh... theo quy định tại điểm a, b, và e khoản 2 Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

3.4.3. *Báo cáo số liệu cầu, đường bộ*: Kiểm tra, xác minh Sổ quản lý số liệu cầu, đường bộ và hệ thống ATGT các quốc lộ (QL.1B năm 2022, QL.3B năm 2022, QL.4B năm 2023, QL.31 năm 2023): cho thấy không có chữ ký, đóng dấu của các cá nhân và tổ chức lập sổ quản lý, báo cáo.

3.4.4. *Công tác kiểm tra thường xuyên cầu* (QL.1B năm 2022, QL.3B năm 2022, QL.4B năm 2023, QL.31 năm 2023): một số đoạn tuyến sổ kiểm tra cầu đường không ghi tên người là người đại diện đơn vị quản lý; không có các phiếu kiểm tra định kỳ cầu hàng tháng. Không có phiếu kiểm tra thường xuyên trong Quý I năm 2023 đối với các cầu trên QL.31 và 05⁵⁵/36 cầu trên QL.4B.

⁵⁵ Các cầu: Khuổi Cong - Km15+147; Khuai Hải - Km25+427,16; Kéo Pài - Km37+987; Kéo Cọ - Km39+034; Phất Chi - Km55+720;

3.4.5. *Hồ sơ đếm xe*: Các Nhà thầu QL, BDTX (QL.3B năm 2022, QL.31 năm 2023): các phiếu đếm xe thiếu nội dung về hướng xe chạy, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc đếm xe; báo cáo tổng hợp kết quả đếm xe thiếu tên, chữ ký và dấu của đại diện Công ty.

3.4.6. *Báo cáo ĐBTATGT*:

- Sở GTVT không có báo cáo tai nạn giao thông trên các tuyến QL.1B, QL.3B lập năm 2022, QL.4B, QL.31 lập năm 2023 theo quy định tại Mục 4.2.6.3 Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN.

- Nhà thầu QL, BDTX: kiểm tra xác suất báo cáo ĐBTATGT năm 2022, trong đó có các nội dung về tai nạn giao thông theo quy định tại điểm 1.5 Mục I Phụ lục số I kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT; điểm c khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT. Số theo dõi tai nạn giao thông QL.3B năm 2022, QL.4B năm 2023 không có tên người ghi chép số, không có chữ ký và dấu của đơn vị. QL.1B năm 2022 không có báo cáo tổng hợp tai nạn giao thông đường bộ các tháng 02, 3, 6 và 8, một số tháng không có chữ ký của người ghi chép số, không có chữ ký và dấu của Nhà thầu QL, BDTX. QL.31 năm 2023 báo cáo tai nạn giao thông từ tháng 01 đến tháng 10 trong Sổ theo dõi tai nạn giao thông không có ngày, tháng lập báo cáo, không rõ tên người làm báo cáo, không có chữ ký và dấu của đơn vị.

3.4.7. *Hồ sơ trực ĐBGT, bảo lũ; ứng cứu, khắc phục sự cố* (QL.1B năm 2022, QL.3B năm 2022, QL.4B năm 2023, QL.31 năm 2023): không có Quyết định phân công nhân sự trực ĐBGT, bảo lũ; ứng cứu, khắc phục sự cố. QL.3B năm 2022 các sổ trực ĐBGT và trực bảo lũ đều không có chữ ký của người trực và người nhận báo cáo. QL.31 năm 2023: Nội dung sổ theo dõi ĐBGT không thể hiện rõ và không có tên, chữ ký của “người trực và tiếp nhận thông tin”, thông tin không thống nhất⁵⁶ với nhật ký tuần đường trong một số ngày trực ĐBGT.

3.5. *Nghiệm thu, thanh toán*

Căn cứ hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các biên bản nghiệm thu chất lượng thực hiện hàng tháng, Sở GTVT thanh toán khối lượng công việc cho các nhà thầu QL, BDTX theo quy. Kiểm tra xác suất các hồ sơ nghiệm thu chấm điểm, thanh quyết toán công tác QL, BDTX của Gói thầu số 02 - Năm 2022 (Công tác QL, BDTX các tuyến QL.3B và QL.4A địa bàn tỉnh Lạng Sơn) và Gói thầu số 03 - Năm 2023 (Công tác QL, BDTX các tuyến QL.4B và QL.31 địa bàn tỉnh Lạng Sơn) do Sở GTVT cung cấp cho thấy thành phần hồ sơ cơ bản đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT, tuy nhiên, qua kiểm tra còn một số tồn tại như sau:

(1) Tại các bảng đánh giá chi tiết chất lượng thực hiện hàng tháng có các nội dung không đạt điểm tối đa theo hợp đồng, nhưng không có lý do, nguyên nhân bị trừ điểm; các nội dung bị trừ điểm trùng nhau giữa hai tháng liên tiếp...;

(2) Không có các hồ sơ chứng minh Nhà thầu QL, BDTX tổ chức khắc phục ngay các tồn tại (trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ khi kiểm tra nghiệm thu) và hồ sơ thể hiện Sở GTVT đã tổ chức kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác BDTX để căn cứ xem xét kết quả nghiệm thu tháng

⁵⁶ Ngày 23/6/2023 và ngày 24/6/2023, theo sổ nhật ký tuần đường: người tuần đường là Công Văn Mão và Bé Huy Thiệp; thời tiết “râm” ngày 23/6/2023 và “nắng” ngày 24/6/2023, tuy nhiên theo sổ trực đảm bảo giao thông: người tuần đường là Lương Hồng Hưng; thời tiết “trời mưa lớn từ 23/6 + 26/6/2023”

tiếp theo cho nhà thầu theo yêu cầu tại Mục 5 - Phần II quy định về nghiệm thu - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT.

3.6. Kiểm tra công tác QL, BDTX công trình đường bộ tại hiện trường⁵⁷

Qua kiểm tra hiện trường một số vị trí, đoạn tuyến quốc lộ cho thấy còn một số tồn tại liên quan đến công tác QL, BDTX công trình đường bộ, cụ thể như:

(1) Phát quang, lề đường và hệ thống thoát nước: một số vị trí lề đường bị đọng nước, sinh lún và chưa được vệ sinh; rãnh dọc bị đọng nước...⁵⁸.

(2) Hệ thống báo hiệu đường bộ: một số vị trí vạch sơn tìm đã mờ hết, thiếu biển báo hiệu giao đường nhánh, không có biển báo ranh giới tuyến quản lý giữa hai tỉnh, các công ngang đường taluy âm có độ chênh cao lớn nhưng thiếu hệ thống cọc tiêu hoặc hộ lan, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT, tồn tại hai cột H cùng lý trình, chiều cao hộ lan không đảm bảo yêu cầu (thấp), chưa hoàn thiện thông tin trên các cột Km, cọc H chưa đảm bảo yêu cầu....⁵⁹.

(3) Tình trạng nền, mặt đường: một số vị trí mặt đường xấu, lún võng, rạn nứt mai rùa, còn có ổ gà lớn, một số vị trí hư hỏng cục bộ và đọng nước⁶⁰.

⁵⁷ QL.4B (kiểm tra ngày 24/4/2024; QL.31 (kiểm tra ngày 24/4/2024; QL.4A (kiểm tra ngày 25/4/2024; QL.279 tỉnh Lạng Sơn (kiểm tra ngày 25/4/2024 và 26/4/2024; QL.1B (kiểm tra ngày 25/4/2024 và 26/4/2024.

⁵⁸ QL.4B: tại Km30+000, Km67+600 lề đường đọng nước, sinh lún, rãnh phải tuyến đọng nước và tại Km74+400 rãnh đọng nước.

- QL.31: tại Km126+100 (trái tuyến), Km121+100 ÷ Km121+200 (trái tuyến) rãnh đọng nước; Km114+200 (Phải tuyến) lề đọng nước, sinh lún; Tường chắn thành cống thoát nước ngang đường Km103+100 bị lún đổ nhưng chưa được sửa chữa.

- QL.4A: tại Km10+100, Km11+060, Km12+100 và Km23+500 rãnh dọc đọng rác, nước. QL.279, Km219+000 chưa phát quang cây cối phía tả luy dương, lề đường nhiều lá cây, đất rác; Km216+100 (trái tuyến) lề đất sinh lún, đọng nước.

- QL.1B: tại Km36+800 (trái tuyến), Km36+100 (phải tuyến) rãnh dọc đọng nước, rác.

⁵⁹ QL.4B: tại Km30+400 ÷ Km30+500 (đoạn qua chợ Na Dương) toàn bộ vạch sơn tìm đã mờ hết. Km47+350 (phải tuyến), Km61+450, Km72+300 và Km79+400 thiếu biển báo hiệu giao đường nhánh. Km49+000 (nút giao Đình Lập) biển báo nút giao đặt giữa vị trí nút giao là chưa phù hợp. Km80+000 không có biển báo ranh giới tuyến quản lý giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh.

- QL.31: các công ngang đường Km112+200, Km155+00 taluy âm có độ chênh cao lớn nhưng thiếu hệ thống cọc tiêu hoặc hộ lan, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT (hiện mới có cọc tiêu phía trái tuyến). Km101+000 không có biển báo ranh giới tuyến quản lý giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang. Km112+100 tồn tại hai cột H cùng lý trình.

- QL.4A: Km0+000 ÷ Km5+000, Km13+000 ÷ Km16+500, Km17+500 ÷ Km17+600, Km18+800 ÷ Km18+900, Km24+900 ÷ Km25+00 không có vạch sơn tìm đường; Km8+200, Km8+500, Km8+700, Km10+700, Km23+100, Km40+100, Km40+300, Km42+100, Km42+900, Km43+200 vạch sơn tìm đường mờ; Km21+200 (tận dụng), Km29+000 ÷ Km30+000 chiều cao hộ lan không đảm bảo yêu cầu (thấp). Công ngang đường tại vị trí Km36+000: thiếu hệ thống hộ lan, cọc tiêu; Km45+000 có 02 cột Km cắm hai bên đường.

- QL.3B: tại Km14+800 tả luy âm có độ chênh cao lớn nhưng thiếu hộ lan, tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT; Km8+500 độ dốc dọc lớn, vào khu vực đông dân cư, thiếu hệ thống cảnh báo ATGT (biển báo, vạch sơn, gờ giảm tốc...); Đoạn gần cửa khẩu Tà Nua chưa hoàn thiện thông tin trên các cột Km, cọc H; Km50+600, Km44+000 không có vạch sơn tìm đường.

- QL.279: tại Km220+000 ÷ Km229+000 có 02 hệ thống cột Km; Km204+500 ÷ Km216+00, Km176+700; Km199+000 ÷ Km200+000, Km198+200 ÷ Km198+950, Km177+100, Km159+000 ÷ Km159+300, Km158+600 không còn vạch sơn tìm đường; Km180+130, Km173+400, Km171+100, Km166+500 thiếu biển cảnh báo nút giao; Km173+200 hộ lan thấp, chưa đảm bảo yêu cầu; đoạn đèo Bền tường chắn lớp có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

- QL.1B, Km62+900 (phải tuyến) mất một tấm hộ lan; một số vị trí cắm 02 cột Km; Km28+000 ÷ Km28+200 (đoạn đường đổi thị trấn Văn Quan) vạch sơn mờ; Km22+600 biển báo giao đường nhánh cắm ngay sát vị trí nút giao, chưa đảm bảo yêu cầu cảnh báo.

⁶⁰ QL.4B: tại Km18+000 ÷ Km30+000, Km30+400 ÷ Km30+500 (đoạn qua chợ Na Dương), Km37+000 (phải tuyến), Km75+400 mặt đường xấu, lún võng, rạn nứt mai rùa. Km29+580 phải tuyến có ổ gà lớn.

- QL.31: tại Km133+450, Km134+250 mặt đường và lề đường lún võng phía phải tuyến.

- QL.3B: tại Km51+700 (phải tuyến), Km51+950 (trái tuyến) xuất hiện ổ gà lớn; Km53+000 ÷ Km61+000 mặt đường có một số vị trí hư hỏng cục bộ.

- QL.279 tại Km209+500 mặt đường đọng nước, Km194+000 xuất hiện ổ gà lớn và đọng nước tại (trái tuyến).

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

(4) BDTX cầu đường bộ: một số vị trí mất biển tên cầu, mô các cầu chưa được phát quang; mặt cầu bị đọng nước; mũ mố và trụ chưa được vệ sinh thường xuyên, đoạn rãnh đầu cầu đọng rác, lè đất sinh lún⁶¹.

4. Công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, khắc phục thiên tai, đảm bảo giao thông bước 1

Trong thời kỳ tiến hành thanh tra, Sở GTVT thực hiện tổng số 68 công trình sửa chữa (44 công trình sửa chữa định kỳ, 06 công trình khắc phục bão lụt, 17 công trình sửa chữa đột xuất, 01 sửa chữa cầu yếu). Qua kiểm tra xác suất đối với 15⁶² công trình sửa chữa, kết quả chi tiết tại các Phụ lục số I, II kèm theo, trong đó có một số tồn tại chính như sau:

4.1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Khảo sát: phê duyệt phương án, nhiệm vụ khảo sát sau thiết kế cơ sở chưa tận dụng kết quả khảo sát bước trước, khối lượng đo vẽ đối với công trình thiết kế 01 bước lớn hơn so với quy định; không có hồ sơ liên quan đến việc triển khai thực hiện công tác khảo sát như: Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực, các sổ đo chi tiết...; một số công trình đo vẽ mặt cắt dọc, ngang trùng lặp giữa 02 bước thiết kế⁶³; báo cáo kết quả khảo sát một số dự án không đề cập vị trí trạm trộn để làm cơ sở tính chi phí vận chuyển BTN.... Chủ đầu tư không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP⁶⁴.

- Hồ sơ thiết kế: Không có chi dẫn kỹ thuật theo Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP⁶⁵ và Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP⁶⁶; không nêu các bước, quy trình nghiệm thu theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng⁶⁷; thiếu thiết kế ĐBGT để làm căn cứ xác định khối lượng thực hiện; chưa tính toán thiết kế để đưa ra phương án thiết kế áo đường trong hồ sơ thiết kế phù hợp với các quy định hiện hành (22 TCN 211-06, TCVN 8819:2011 và Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT) cho hư hỏng kết cấu; giải pháp sửa chữa hư hỏng mặt đường do các đơn vị Tư vấn đưa ra không thống nhất đối với các dạng hư hỏng tương tự trên cùng một dạng kết cấu mặt đường⁶⁸; một số công trình chưa nghiên cứu, so sánh thay thế đá dăm nước bằng CPĐD để giảm giá thành; rãnh dọc hình thang BTXM lắp ghép sử dụng ni lông lót đáy chưa phù hợp theo chỉ đạo của Cục ĐBVN tại Văn bản số 1877/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 25/4/2016 về sử dụng kết cấu gia cố rãnh dọc bằng BTXM lắp ghép trên hệ thống quốc lộ; hồ sơ thiết kế chưa đúng liên quan đến một số hạng mục như: Rãnh BTXM hình thang (tính

⁶¹ QL.4B, cầu Quang Hòa (Km59+920) mất biển tên cầu phía phải tuyến; hai bên mố các cầu chưa được phát quang; mặt cầu bị đọng nước; mũ mố và trụ chưa được vệ sinh thường xuyên

- QL.31: cầu Pác Váy, Cầu Bắc Lãng 3 mặt cầu đọng nước, đoạn rãnh đầu cầu đọng rác, lè đất sinh lún, hai bên mố các cầu chưa được phát quang.

- QL.4A, QL.3B, QL.279 hai bên mố các cầu chưa được phát quang.

- QL.279 tại Km209+500 mặt đường đọng nước, Km194+000 xuất hiện ổ gà lớn và đọng nước tại (Trái tuyến).

⁶² 05 công trình thực hiện năm 2021; 05 công trình thực hiện năm 2022; 05 công trình thực hiện năm 2023.

⁶³ Sở GTVT mới thực hiện rà soát 15 công trình và chưa báo cáo đầy đủ cho các công trình trong thời kỳ thanh tra theo yêu cầu của Đoàn thanh tra, qua đó, kiến nghị thu hồi về Ngân sách nhà nước liên quan đến công tác khảo sát là 92,302 triệu đồng.

⁶⁴ Đối với các công trình sửa chữa năm 2022 và 2023.

⁶⁵ Đối với các công trình sửa chữa năm 2021.

⁶⁶ Đối với các công trình sửa chữa năm 2022 và 2023.

⁶⁷ Đối với các công trình sửa chữa năm 2021.

⁶⁸ Trên cơ sở Hồ sơ quản lý xác định lưu lượng và tải trọng trục quy đổi có giải pháp xử lý kết cấu mặt đường và chiều dày thống nhất.

sai khối lượng: ván khuôn, BTXM đáy rãnh, lấp đặt tấm thành), khối lượng xử lý hư hỏng cục bộ kết cấu mặt đường móng CPDD loại 2 và BTN vượt nổi đường ngang...

- Công tác phê duyệt:

(1) Cục ĐBVN: phê duyệt dự án, giá gói thầu không tách riêng chi phí dự phòng gồm chi phí dự phòng khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho trượt giá trong thời gian xây dựng công trình theo quy định⁶⁹ và thiếu tiến độ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; phê duyệt thiết kế lớp láng nhựa (từ 1,5 kg/m² đến 1,6 kg/m²) dưới lớp bê tông nhựa trong kết cấu áo đường tại một số công trình⁷⁰ không thống nhất đối với các công trình có tính chất tương tự (các công trình khác không có lớp này).

(2) Sở GTVT: Phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở một số công trình chưa phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế ở bước trước về công năng⁷¹, quy mô⁷² theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; không có thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP⁷³.

4.2. Công tác lựa chọn nhà thầu

Các gói thầu xây lắp của 15 công trình được kiểm tra, xác minh mỗi gói thầu đều chỉ có 01 nhà thầu tham dự và trúng thầu với tỷ lệ tiết kiệm trung bình thông qua đấu thầu chỉ từ 0,1 đến 0,5%. Ngoài ra, theo báo cáo của Sở GTVT đối với 68 gói thầu⁷⁴ (trong thời kỳ thanh tra) tổ chức thực hiện bằng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng, 66/68 gói thầu mỗi gói thầu chỉ có 01 nhà thầu tham dự và trúng thầu, 02/68 gói thầu có 02 nhà thầu tham dự thầu và tỷ lệ tiết kiệm trung bình thông qua đấu thầu chỉ đạt 0,3%.

Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn (Tư vấn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...), hồ sơ lựa chọn nhà thầu chỉ có văn bản đề xuất tham gia gói thầu của nhà thầu, không có Hồ sơ năng lực của nhà thầu theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

⁶⁹ Thông tư 09/2019/TT-BXD và Thông tư 11/2021/TT-BXD để quản lý chi phí, giá gói thầu xây dựng.

⁷⁰ (1) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279.

(2) Sửa chữa nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

(3) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.

(4) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B.

⁷¹ Công trình xử lý vị trí tiềm ẩn TNGT đoạn Km93 ÷ Km94 (Đèo Bò Đái): chuyển Bê tông nhựa có phụ gia (SBS tăng cường chống hằn lún bánh xe) sang Bê tông nhựa thông thường.

⁷² Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+758 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.

⁷³ (1) Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km167+283 ÷ Km175+500, QL.279;

(2) Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km144+500 ÷ Km146+200, Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

(3) Công trình xử lý vị trí tiềm ẩn TNGT đoạn Km93 ÷ Km94 (Đèo Bò Đái): chuyển Bê tông nhựa có phụ gia (SBS tăng cường chống hằn lún bánh xe) sang Bê tông nhựa thông thường.

⁷⁴ Năm 2021 là 20 gói thầu, năm 2022 là 31 gói thầu và năm 2023 là 17 gói thầu.

nam

[Signature]

E-HSMT của một số công trình có hạng mục công việc thăm tăng cường Bê tông nhựa (BTNC 16 và BTNC 12,5)⁷⁵ yêu cầu thi công thiết bị cho dây chuyền thi công (Máy rải, lu ...); CPĐD loại I thiếu máy rải hoặc máy san⁷⁶...

E-HSDT, thỏa thuận liên danh của các nhà thầu tại một số công trình phân chia khối lượng công việc không nêu rõ nội dung, hạng mục công việc cụ thể của từng nhà thầu đảm nhiệm.

Báo cáo đánh giá E-HSDT:

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: không có nội dung nhận xét của Tổ chuyên gia kèm theo đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt” theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT và Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT.

- Một số gói thầu⁷⁷, qua kiểm tra E-HSDT và biên bản thương thảo hợp đồng cho thấy không có hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp với bên nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu tại mục Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của E-HSMT (đánh giá theo phương pháp Đạt/Không đạt) yêu cầu đối với vật liệu nhựa đường, do đó, việc Tổ chuyên gia đấu thầu vẫn đánh giá “Đạt” có thể đã làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu do trường hợp nhà thầu không đạt “*thì không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo*” theo quy định tại E-HSMT.

4.3. Quản lý hợp đồng

Hợp đồng thi công xây dựng công trình không quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như: các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ nghiệm thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31 (Liên danh Công ty CPĐT&XDCT Bắc Nam và Công ty TNHH XD Đại Lộc): trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH XD Đại Lộc đã chuyển nhượng khối lượng công việc⁷⁸ thuộc gói thầu cho Công ty CPĐT&XDCT Bắc Nam trong liên danh tương ứng với giá trị 3,349 tỷ đồng/6,791 tỷ đồng tính theo hợp đồng ký kết với Sở GTVT (chiếm 49,32%). Chủ đầu tư, Tư vấn

⁷⁵ (1) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.

(2) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B. ...

⁷⁶ Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

⁷⁷ (1) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+000; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+758 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.

(2) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km167+283 ÷ Km175+500, QL.279.

(3) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279.

(4) Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

(5) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.

⁷⁸ Hợp đồng kinh tế số 1903/2022/HĐKT/DL-BN về việc thi công rải bê tông nhựa với Khối lượng 13.750m² thăm BTNC12,5 và nhũ tương. Giá trị chuyển nhượng ký kết giữa Công ty TNHH XD Đại Lộc và Công ty CPĐT&XDCT Bắc Nam là 2.593.389.150 đồng (trong đó: đơn giá (chưa bao gồm VAT) BTNC12,5 là 167.000 đồng và tưới nhũ tương là 7.639 đồng).

giám sát đã không kịp thời phát hiện việc chuyển nhượng này và vẫn tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho Công ty TNHH XD Đại Lộc theo hợp đồng đã ký kết.

Có 01 công trình⁷⁹ gia hạn thời gian thi công với nguyên nhân do mưa kéo dài không phù hợp với thực tế (*Nhật ký thi công trong thời gian này thời tiết không mưa*).

Nhà thầu không cung cấp bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng công trình.

4.4. Quản lý chất lượng

- Thiếu một số biên bản kiểm tra, văn bản chấp thuận thiết bị phục vụ thi công theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP⁸⁰.

- Thiếu hệ thống quản lý chất lượng của TVGS quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP⁸¹.

- Một số biên bản nghiệm thu không ghi đầy đủ thời gian nghiệm thu, tiêu chuẩn thi công để nghiệm thu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

- Hạng mục đá dăm nước: sử dụng đá có thành phần hạt chưa đảm bảo, thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công theo yêu cầu TCVN 9504:2012.

- Biên bản nghiệm thu láng nhựa mặt đường không đầy đủ (thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công, kiểm tra lượng nhựa tưới cho từng lớp...) theo yêu cầu TCVN 8863:2011.

- Công tác bê tông nhựa: chưa cung cấp hồ sơ (kiểm tra thí nghiệm liên quan đến đá gốc, phê duyệt công thức trộn, kiểm tra hần lún vệt bánh xe, kiểm soát chất lượng nhựa đường) quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT; thí nghiệm nhựa chưa đầy đủ (nguồn gốc nhựa đường chưa đầy đủ theo yêu cầu 10/12 chỉ tiêu, thí nghiệm hàng ngày không có độ kim lún PI); kiểm tra, kiểm soát chất lượng BTNC12,5 chưa đầy đủ theo quy định TCVN 8819:2011 và Quyết định 858/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2014 (khối lượng cốt liệu cho từng mẻ trộn, nhiệt độ các giai đoạn thi công....), thiếu kết quả kiểm tra độ bằng phẳng.

- Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra một số công trình không cung cấp hồ sơ tính toán thiết kế cho các cấp phối.

- Không có hồ sơ nghiệm thu thời gian và nhân sự thực hiện công tác ĐBGT theo quy định, Nhật ký thi công không có nội dung ghi chép việc thực hiện công tác này.

4.4. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; đưa công trình vào sử dụng

- Nghiệm thu, thanh toán không đúng một số khối lượng công việc: Công tác khảo sát là 92,301 triệu đồng (số liệu đo vẽ mặt cắt dọc, ngang trùng lặp giữa 02 bước thiết kế), rãnh BTXM hình thang là 275,853 triệu đồng (sai tăng khối lượng ván khuôn, BTXM đáy rãnh, lắp đặt tấm BTXM...)⁸²; đảm bảo ATGT là 190,294 triệu đồng (không

⁷⁹ Công trình xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279.

⁸⁰ Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B

⁸¹ Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+00; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B; Công trình xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279.

⁸² Đoàn Thanh tra đã có các văn bản số 13/ĐTTTr ngày 08/5/2024 và số 15/ĐTTTr ngày 09/5/2024 yêu cầu Sở GTVT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại toàn bộ khối lượng nghiệm thu không đúng, tuy nhiên, theo báo

có hồ sơ nghiệm thu, khối lượng chưa đúng với thực tế); Mặt đường là 145,731 triệu đồng (*sai tăng so với thực tế thi công - Chi tiết tại Phụ lục V và Va kèm theo*)

- Thời gian lập, trình, thẩm tra phê duyệt quyết toán của một số dự án chưa đảm bảo theo quy định đối với dự án nhóm C.

4.5. Kiểm tra các công trình sửa chữa đường bộ tại hiện trường:

Tiến hành kiểm tra kích thước hình học mặt đường và rãnh dọc bằng trực quan và các dụng cụ đo (thước, máy khoan bê tông nhựa...) đối với 07 công trình cho thấy mặt đường tại thời điểm kiểm tra êm thuận, kích thước hình học cơ bản đáp ứng theo hồ sơ thiết kế, đảm bảo khả năng khai thác, tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

- 04 công trình⁸³ đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay, một số mẫu khoan kiểm tra có chiều dày bê tông nhựa không đảm bảo theo thiết kế (thiếu từ 6,14% ÷ 18,6%, lớn hơn so với quy định tại TCVN 8819:2011 và TCVN13567:2022 (5%)).

- Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31: Trên cơ sở kết quả khoan kiểm tra mẫu tại hiện trường⁸⁴, báo cáo của Sở GTVT Lạng Sơn⁸⁵ và các hồ sơ, tài liệu kèm theo cho thấy lượng nhũ tương của Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc sử dụng để thi công lớp láng nhựa 1,6kg/m² chưa đảm bảo theo quy định tại định lượng, tiêu chuẩn TCVN 8863:2011, TCVN 9505:2012, và thiếu⁸⁶ khoảng 04 tấn.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

III. KẾT LUẬN

Qua thanh tra cho thấy Sở GTVT Lạng Sơn đã nỗ lực, cố gắng khắc phục các khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì đối với các công trình đường bộ được giao. Sở GTVT đã chủ động tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên hệ thống các quốc lộ địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Hàng năm, Sở GTVT phê duyệt các Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, trong đó, có các nội dung về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB góp phần bảo vệ KCHTGTĐB, ĐBTTATGT trên các tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý.

cáo số 155/BC-GTVT ngày 09/5/2024 của Sở GTVT, hiện mới rà soát, báo cáo số liệu đối với 15 công trình được Đoàn Thanh tra kiểm tra, các công trình còn lại đang tiếp tục rà soát.

⁸³ 04 công trình:

(1) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B.

(2) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km112+000 ÷ Km118+000, QL.31.

(3) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33+000, QL.3B.

(4) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+00; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B.

⁸⁴ - Tại Km152+493: chiều dày BTN là 5,18/5,0 cm (4,97; 5,22; 5,34) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m²

- Tại Km153+300,53: chiều dày BTN là 6,3/5,0 cm (6,3; 6,4 và 6,2).

- Tại Km153+997: chiều dày BTN là 5,56/5,0 cm (5,6; 5,2 và 5,9) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m²

- Tại Km155+300: chiều dày BTN là 5,53/6,0 cm (5,6; 5,5 và 5,6) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m².

⁸⁵ Văn bản số 425/BC-SGTVT ngày 04/10/2024 về việc Báo cáo kết quả rà soát khối lượng đá, nhũ tương, qua báo cáo và hóa đơn vật tư sử dụng vào công trình.

⁸⁶ Theo báo cáo của Sở GTVT, lượng nhũ tương này được đơn vị tận dụng lượng nhựa cũ có hóa đơn mua bán từ tháng 5/2021, tuy nhiên việc này là không phù hợp do loại vật liệu này chỉ lưu trữ trong thời gian 03 tháng theo quy định của nhà sản xuất.

Công tác QL, BDTX đã được các cơ quan, đơn vị có liên quan quan tâm tổ chức thực hiện; công tác lập, lưu trữ, quản lý, sử dụng hồ sơ QL, BDTX trong giai đoạn khai thác, bảo trì công trình đường bộ cơ bản được thực hiện theo các quy định hiện hành; qua công tác tuần đường đã kịp thời phát hiện và chuyển CQĐP xử lý nhiều hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ KCHTGTĐB trên các quốc lộ được giao.

Các công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, xử lý điểm đen, khắc phục bão lũ được tổ chức thực hiện kịp thời. Hệ thống an toàn giao thông, hệ thống thoát nước, tình trạng mặt đường cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định, đảm bảo duy trì hoạt động bình thường, an toàn của các công trình KCHTGT đường bộ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì đối với các công trình đường bộ được giao quản lý, Sở GTVT và các đơn vị có liên quan còn để xảy ra tồn tại, vi phạm như:

1. Trong công tác quản lý công trình đường bộ

Sở GTVT chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, cấp GPTC đối với 02 vị trí⁸⁷ đầu nối vào quốc lộ chưa đúng quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; cấp một số GPLH xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ khi thành phần hồ sơ còn chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và điểm d khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT); từ ngày 15/02/2021 đến thời điểm thanh tra, Sở GTVT không thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng quý, năm với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình cấp GPLH xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên đường bộ theo quy định tại Điều 23a Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT).

Tình trạng vi phạm HLTGTĐB trên các tuyến quốc lộ do Sở GTVT quản lý còn nhiều tồn tại chưa được xử lý dứt điểm; Thanh tra Sở đã xác định chưa đúng đối tượng vi phạm và hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) đối với 01 vụ việc xử phạt VPHC.

Để xảy ra các tồn tại nêu trên trách nhiệm thuộc về Sở GTVT, phòng QLKCHT&ATGT, Thanh tra Sở GTVT và các cá nhân có liên quan.

2. Trong công tác bảo trì công trình đường bộ

a) Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Xây dựng kế hoạch BDTX⁸⁸, kế hoạch sửa chữa đối với một số công trình⁸⁹ trên QL.1B (năm 2021) còn có một số nội dung chưa chính xác.

⁸⁷ (1) Km 160+700 (trái tuyến) QL.279 (Văn bản chấp thuận số 116/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 18/01/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn); (2) Km 26+550 (trái tuyến) QL.4B (Văn bản chấp thuận số 3669/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 16/11/2021 của Sở GTVT Lạng Sơn)

⁸⁸ Chưa cập nhật đầy đủ theo các hạng mục công trình sửa chữa đã thực hiện; chiều dài 02 tuyến (QL.1B là 100/100,7 km và QL.3B là 61,4/61,7 km) không đúng với các quyết định giao nhiệm vụ quản lý khai thác và thực tế; một số đoạn mặt đường BTXM được lập công tác BDTX mặt đường như mặt đường Bê tông nhựa làm tăng chi phí; 13 công trình có khẩu độ $L \leq 6,1m$ được xác định là cầu là chưa phù hợp; phê duyệt công tác bồi mở gói cầu tại một số cầu là chưa phù hợp do thực tế không thực hiện được.

⁸⁹ Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷

Để xảy ra các tồn tại nêu trên trách nhiệm thuộc Sở GTVT và các cá nhân có liên quan, Cục DBVN cũng có trách nhiệm trong công tác trình Bộ GTVT phê duyệt.

b) BDTX công trình đường bộ

- Lựa chọn nhà thầu: Hồ sơ đánh giá lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01 "QL, BDTX đường và cầu các tuyến QL.1B và QL.279 thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn" còn có một số thiết sót liên quan đến báo cáo đánh giá E-HSDX và báo cáo thẩm định.

- Công tác tuần đường, tuần kiểm bảo vệ KCHTGTĐB: công tác tuần kiểm của Sở GTVT, tuần đường, tuần cầu của Nhà thầu QL, BDTX chưa được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT.

- Công tác lập, quản lý, sử dụng hồ sơ trong khai thác bảo trì công trình đường bộ: hồ sơ quản lý cầu đường của Sở GTVT và Nhà thầu QL, BDTX còn chưa cập nhật đầy đủ nội dung và thiếu một số nội dung theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT; Sở GTVT không có báo cáo tai nạn giao thông trên các tuyến QL.1B, QL.3B lập năm 2022, QL.4B, QL.31 lập năm 2023 theo quy định tại Mục 4.2.6.3, Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN; Báo cáo DBTTATGT, hồ sơ trực ĐBGT, bão lũ; ứng cứu, khắc phục sự cố của Nhà thầu QL, BDTX theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT và điểm c khoản 8 Điều 6 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT còn có một số thiếu sót.

- Nghiệm thu, thanh toán: Hồ sơ nghiệm thu chấm điểm, thanh quyết toán công tác QL, BDTX của Gói thầu số 02 - Năm 2022 (Công tác QL, BDTX các tuyến QL.3B và QL.4A địa bàn tỉnh Lạng Sơn) và Gói thầu số 03 - Năm 2023 (Công tác QL, BDTX các tuyến QL.4B và QL.31 địa bàn tỉnh Lạng Sơn) còn có một số tồn tại, chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT. Kết quả kiểm tra hiện trường các tuyến quốc lộ tại thời điểm thanh tra cho thấy còn nhiều tồn tại, vi phạm tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT.

Để xảy ra các tồn tại nêu trên trách nhiệm thuộc về Sở GTVT, Tổ chuyên gia đầu thầu, phòng QLKCHT&ATGT, Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông, Nhà thầu QL, BDTX và các cá nhân có liên quan.

c) Sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, khắc phục thiên tai, ĐBGT bước 1:

Lập, thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế sau thiết kế cơ sở còn có nhiều tồn tại, vi phạm như: Chủ đầu tư không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, số liệu đo vẽ mặt cắt dọc, ngang trùng lặp giữa 02 bước thiết kế; Hồ sơ thiết kế còn có nhiều thiếu sót; Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở một số công trình chưa phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế ở bước trước về công năng⁹⁰, quy mô⁹¹ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, không có thông báo

Km25+013, Km25+323 + Km25+734, Km25+758 + Km25+815, Km25+870 + Km26+200, Km26+500 + Km27+000, QL.1B.

⁹⁰ Công trình xử lý vị trí tiềm ẩn TNGT đoạn Km93 + Km94 (Đèo Bò Đái): chuyển Bê tông nhựa có phụ gia (SBS tăng cường chống lún lún bánh xe) sang Bê tông nhựa thông thường.

⁹¹ Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lè và công trình thoát nước đoạn Km5+230 + Km5+330, Km5+445 + Km6+500, Km8+095 + Km10+800, Km10+600 + Km11+00; Km20+890 + Km21+335, Km21+389 + Km21+538, Km21+887 + Km23+900, Km24+500 + Km24+605, Km24+721 + Km24+860, Km24+977 + Km25+013, Km25+323 + Km25+734, Km25+758 + Km25+815, Km25+870 + Km26+200, Km26+500 + Km27+000, QL.1B.

chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Quyết định phê duyệt dự án của Cục ĐBVN thiếu một số thông tin về chi phí dự phòng, tiến độ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP⁹²; Cục ĐBVN phê duyệt thiết kế lớp láng nhựa (từ 1,5 kg/m² đến 1,6 kg/m²) dưới lớp bê tông nhựa trong kết cấu áo đường tại một số công trình⁹³ không thống nhất đối với các công trình có tính chất tương tự (các công trình khác không có lớp này).

Công tác lựa chọn nhà thầu: Các gói thầu áp dụng hình thức chi định thầu rút gọn (Tur vấn khảo sát, thiết kế, kiểm toán...), hồ sơ lựa chọn nhà thầu thiếu Hồ sơ năng lực của nhà thầu theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. E-HSMT, E-HSDT còn một số thiếu sót. Tại một số gói thầu⁹⁴ Tổ chuyên gia đấu thầu đã vi phạm nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định tại Điều 15 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

Quản lý hợp đồng, quản lý chất lượng công trình sửa chữa: Hợp đồng thi công xây dựng công trình quy định thiếu một số nội dung chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tại công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31 (Liên danh Công ty CP ĐT&XDCT Bắc Nam và Công ty TNHH XD Đại Lộc), Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát còn thiếu trách nhiệm dẫn tới không kịp thời phát hiện, xử lý việc chuyển nhượng thầu trái phép của Công ty TNHH XD Đại Lộc. Công tác quản lý chất lượng công trình còn nhiều tồn tại, vi phạm như: Hạng mục đá dăm nước (sử dụng đá có thành phần hạt chưa đảm bảo, thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công theo yêu cầu TCVN 9504:2012); thiếu biên bản kiểm tra, thí nghiệm, kiểm soát chất lượng đối với các hạng mục láng nhựa mặt đường (theo quy định tại TCVN 8863:2011), bê tông nhựa (theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT; TCVN 8819:2011 và Quyết định 858/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2014); một số công trình tại thời điểm kiểm tra không có hồ sơ tính toán, thiết kế cho các cấp phối đối với bê tông xi măng...

Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán: Các bên có liên quan đã nghiệm thu không đúng một số khối lượng công việc (khảo sát, rãnh BTXM, đảm bảo ATGT, mặt

⁹² Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.

⁹³ (1) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279.

(2) Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

(3) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.

(4) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B.

⁹⁴ (1) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+758 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.

(2) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km167+283 ÷ Km175+500, QL.279.

(3) Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279.

(4) Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.

(5) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31

đường) làm sai tăng giá trị thanh toán tương ứng số với tổng số tiền 704,179 triệu đồng. Thời gian lập, trình, thẩm tra phê duyệt quyết toán của một số dự án chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Để xảy ra các tồn tại, vi phạm nêu trên trách nhiệm thuộc về Sở GTVT, Tổ chuyên gia đấu thầu, Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông, các phòng thuộc Sở GTVT, nhà thầu (Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Xây lắp), các cá nhân có liên quan và Cục ĐBVN

Các tồn tại, vi phạm nêu trên, ngoài những nguyên nhân khách quan do đại dịch COVID-19, thời tiết diễn biến bất thường (mưa lớn, kéo dài), biến động về giá vật liệu; các đoạn tuyến quốc lộ được giao quản lý với tổng chiều dài tương đối lớn, chủ yếu là đường miền núi, nhiều phần đất trong phạm vi HLATGTĐB chưa được thu hồi đền bù, lực lượng Tuần kiểm, Thanh tra Sở còn thiếu; khối lượng thực hiện phải triệt giảm để đảm kinh phí theo kế hoạch phân bổ vốn hàng năm.... còn có một số nguyên nhân chủ quan như:

- Sở GTVT, Thanh tra Sở, lực lượng Tuần kiểm thuộc Sở GTVT chưa quyết liệt trong việc phát hiện, ngăn chặn và chủ động xử lý VPHC đối với các vi phạm HLATGTĐB. Các tổ chức thuộc Sở GTVT chưa thực hiện hết trách nhiệm; chưa nghiên cứu áp dụng đầy đủ và đúng các quy định pháp luật trong quá trình tham mưu, triển khai thực hiện công tác sửa chữa công trình đường bộ.

- Chất lượng của công tác khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đúng quy định.

- Các đơn vị chưa kịp thời cập nhập chiều dài thay đổi, kết cấu mặt đường thay đổi sau khi hoàn thành các công trình sửa chữa hàng năm (lịch sử sửa chữa); cập nhật các đoạn tuyến quốc lộ được tiếp nhận và bàn giao quản lý.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ các tài liệu thu thập được và các quy định pháp luật có liên quan, Đoàn thanh tra đã lập Biên bản làm việc ghi nhận việc chuyển nhượng thầu của Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc tại Công trình "Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31" và chuyển nội dung đến Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, xử lý theo thẩm quyền⁹⁵.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trên cơ sở kết quả thanh tra, Thanh tra Bộ kiến nghị Bộ trưởng chỉ đạo Cục Đường bộ Việt Nam, Sở GTVT Lạng Sơn thực hiện một số nội dung sau:

1. Xử lý hành chính (Phụ lục số IV kèm theo)

Đề nghị Sở GTVT Lạng Sơn: Tổ chức kiểm điểm, làm rõ và xử lý nghiêm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, vi phạm trong công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên các quốc lộ được giao quản lý nêu trong kết luận thanh tra theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; báo cáo UBND tỉnh Lạng Sơn xem xét xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

⁹⁵ Văn bản số 26/ĐTTtr ngày 26/9/2024 của Đoàn thanh tra về việc chuyển biên bản ghi nhận sự việc.

✓ Cục Đường bộ Việt Nam: Rà soát làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong việc phê duyệt lớp láng nhựa (từ 1,5 kg/m² đến 1,6 kg/m²) dưới lớp bê tông nhựa trong kết cấu áo đường tại một số công trình không thống nhất đối với các công trình có tính chất tương tự; kiểm điểm, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu có tình trạng lãng phí.

2. Xử lý kinh tế (Phụ lục số V và Va kèm theo)

Sở GTVT Lạng Sơn thu hồi về ngân sách nhà nước (qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ GTVT số 3591, mã đơn vị quan hệ ngân sách 1029072 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội) tổng số tiền **704,179 triệu đồng** (Bảy trăm linh bốn triệu một trăm bảy mươi chín triệu đồng) tương ứng với khối lượng công việc đã nghiệm thu, thanh toán không đúng đối với khối lượng khảo sát, khối lượng rãnh, khối lượng mặt đường, khối lượng nhũ tương, khối lượng công tác ĐBATGT.

3. Xử lý khác:

3.1. Đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam

✓ - Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu đối với việc chuyển nhượng thầu của Công ty TNHH Đại Lộc tại Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31 (năm 2021) theo quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

✓ - Rà soát, nắm bắt lại toàn bộ tình hình tổ chức lựa chọn nhà thầu của các Chủ đầu tư trong công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ thời gian qua, trong đó lưu ý tình trạng các gói thầu đấu thầu rộng rãi chỉ có một nhà thầu tham dự, tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu còn thấp ... để kịp thời có giải pháp, phù hợp, hiệu quả góp phần ngăn ngừa sai sót, sai phạm.

✓ - Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung định mức BDTX công trình đường bộ đối với một số hạng mục còn thiếu như: công hộp các loại, hệ thống rãnh có bó vỉa qua khu dân cư để làm căn cứ lập dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên được chính xác và phù hợp với thực tiễn.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt phương án, nhiệm vụ khảo sát các công trình sửa chữa, lưu ý tận dụng tối đa các số liệu khảo sát trong hồ sơ quản lý và số liệu khảo sát bước trước để tiết kiệm chi phí.

✓ - Chấn chỉnh đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền liên quan đến các tồn tại, hạn chế trong quá trình lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ và khẩn trương phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo thời gian, đúng theo quy định pháp luật có liên quan.

- Tăng cường công tác kiểm tra đối với hoạt động cấp GPLH xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ của các Khu quản lý đường bộ, Sở GTVT; việc cập nhật tải trọng, khổ giới hạn đường bộ trên Trang thông tin điện tử theo phân cấp.

3.3. Đề nghị Sở GTVT Lạng Sơn:

- Chủ trì, phối hợp với CQDP khẩn trương tổ chức kiểm tra, rà soát và xử lý nghiêm theo đúng quy định đối với các vi phạm HLTATGTĐB còn tồn tại như đã nêu tại Mục 1.3 Phần II trên các tuyến quốc lộ được giao quản lý (kịp thời xử lý VPHC đối với những vi phạm còn thời hiệu xử lý); báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn,

vướng mắc (nếu có); chỉ đạo Thanh tra Sở tăng cường kiểm tra, xử phạt VPHC theo thẩm quyền đối với các vi phạm pháp luật và đấu nối; đảm bảo ATGT thi trên đường bộ đang khai thác, trong đó xử lý VPHC đối với vụ việc đã nêu tại Mục 1.4 Phần II.

- Chỉ đạo nhà thầu QL, BDTX phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát bổ sung biển báo hiệu giao thông, tên cầu tại các vị trí còn thiếu, kịp thời tổ chức rào chắn, lấp đặt hộ lan tại các vị trí vi phạm đấu nối để đảm bảo ATGT cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên tuyến.

- Rà soát, thực hiện phân công nhiệm vụ cho Tuần kiểm viên và bổ sung, lưu trữ đầy đủ các nội dung nhật ký tuần kiểm theo đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu nhà thầu QL, BDTX rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung nhật ký tuần đường và tổ chức lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định; phân công nhân viên tuần đường thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm tra trên tuyến đường có chiều dài không vượt quy định.

- Tự tổ chức, rà soát kiểm tra đối với các công trình chưa được thanh tra để kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế và xử lý vi phạm (nếu có). Chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan khẩn trương khắc phục ngay các tồn tại đã được chỉ ra qua kiểm tra hiện trường.

- Phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu cho Cục ĐBVN liên quan đến việc chuyển nhượng thầu của Công ty TNHH Đại Lộc tại Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31 (năm 2021) để xử lý theo quy định.

- Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, xử lý kinh tế (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra rà soát đối với các nội dung sau:

+ Rà soát khối lượng nghiệm thu không đúng về khối lượng khảo sát, khối lượng rãnh dọc hình thang đối với toàn bộ các công trình trong thời kỳ thanh tra (trừ 15 công trình đã được thanh tra).

+ Tổ chức kiểm tra lại kích thước hình học, chiều dày các lớp kết cấu bê tông nhựa tại các công trình (lưu ý các tồn tại đã được Đoàn thanh tra chỉ ra qua công tác kiểm tra hiện trường).

+ Đánh giá, chấm điểm lại kết quả thực hiện công tác QL, BDTX của các nhà thầu (qua các tồn tại đã được Đoàn thanh tra chỉ ra).

+ Rà soát, đánh giá nguyên nhân chủ quan, khách quan, căn cứ điều kiện hợp đồng, tiến hành xử phạt phạt hợp đồng (nếu có) đối với nhà thầu thi công chậm do lỗi chủ quan của nhà thầu và nhà thầu có thời hạn thi công kéo dài hơn so với Hợp đồng⁹⁶.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Đường bộ Việt Nam, Sở GTVT Lạng Sơn tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản về Thanh tra Bộ trước ngày 31/3/2025; đối với công tác kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, đề nghị thực hiện xong

⁹⁶ Xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279; Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33, QL.3B.

trong thời gian 60 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra.

2. Trường đoàn thanh tra căn cứ kết luận thanh tra tham mưu Lãnh đạo Thanh tra Bộ kiến nghị Bộ GTVT chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thực hiện những nội dung được nêu tại Mục V.

3. Việc thực hiện Kết luận thanh tra và ý kiến chỉ đạo, xử lý sau thanh tra của cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. /

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để cáo cáo);
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Lâm (để báo cáo);
- Chánh Thanh tra (để báo cáo);
- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Sở GTVT Lạng Sơn (để thực hiện);
- Cục ĐBVN (để thực hiện);
- Lưu: TTr, ĐTTr (09 bản).
- Được phép sao chụp.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Thanh Hiền



PHỤ LỤC I: THÔNG TIN CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA ĐƯỢC KIỂM TRA, XÁC MINH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTr ngày tháng 01 năm 2025 của Thanh tra Bộ GTVT)

Phụ lục I

TT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU			GHI CHÚ
		XÂY LẬP	TVTK	TVGS	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
A. NĂM 2021					
1.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.	LD Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn và Công ty CP XD 496	Công ty CP TV&XD Tân Phong	Ban QLXD&BTHTGT	
2.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km167+283 ÷ Km175+500, QL.279	LD Công ty TNHH MTV Huyện Mạnh và Công ty CP QL&XD CTGT 236	LD Công ty CP TV XDTV XDTG Lạng Sơn và Công ty TNHH Kỹ thuật An Khánh	Ban QLXD&BTHTGT	
3.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279.	Công ty TNHH Nhân Đức Bắc Ninh	Công ty CP TV XDTG Lạng Sơn	Công ty CP TV XDTG Lạng Sơn	
4.	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31.	LD Công ty CP ĐT&XDCT Bắc Nam và Công ty TNHH XD Đại Lộc	Công ty CP TV ĐIPT Cửa Đông	Ban QLXD&BTHTGT	
5.	Xử lý vị trí tiềm ẩn TNGT đoạn Km93 ÷ Km94 (Đèo Bò Đái)	LD Công ty CP XD Trường An Lạng Sơn và Công ty TNHH GTXD 689	Công ty TNHH Kỹ thuật An Khánh	Ban QLXD&BTHTGT	
B. NĂM 2022					
1.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B.	LD Công ty CP QL & XDGT Lạng Sơn và Công ty CP XD 496	Công ty CP TV XDTG Lạng Sơn	Công ty CP TV ĐIPT Cửa Đông	

Handwritten signature

TT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU			GHI CHÚ
		XÂY LẬP	TVTK	TVGS	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31.	LD Công ty CP TVĐT&XDCT Bắc Nam và Công ty CP XD Hiệp Phú	Trung tâm kỹ thuật đường bộ	Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng GTVT	
3.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33, QL.3B.	LD Công ty TNHH MTV Yên Huy - Công ty TNHH XD Đại Lộc	Công ty CP TVXD 418	Công ty CP TVTK XD CTGT Miền Bắc	
4.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B.	Công ty CPĐT XDGT Tây Trường Sơn.	Công ty CP TVXD 418	Công ty CP TVTK XD CTGT Miền Bắc	
5.	Xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279	Công ty CPĐT XD Hoàng Huy	Công ty CP TV XDGT Lạng Sơn		
C. NĂM 2023					
1.	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km56+300 ÷ Km56+600, Km59+200 ÷ Km61+200; Sửa chữa rãnh dọc Km56+600 ÷ Km59+200, QL.1B	LD Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn và Công ty TNHH XD Đại Lộc.	Công ty CP TV XDGT Lạng Sơn	Ban QLXD&BTHTGT	
2.	Sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km49+820 ÷ Km51+370, QL.4A	Công ty CP XD Hiệp Phú	Công ty CP TVXD 418	Công ty CP Tư vấn Hưng Phát	
3.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km1+550 ÷ Km3+700, QL.4B.	Công ty CP Xây dựng 496	Công ty CP TVĐTXD&TM QT APEX	Công ty CP TVXD 418	
4.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km112+000 ÷ Km118+000 QL.31.	LD Công ty TNHH MTV Huyện Mạnh và Công ty TNHHĐT&XDCT 656	Công ty CP TV XD 418	Ban QLXD&BTHTGT	
5.	Khắc phục堡 lụt, ĐBGTT bước 1 năm 2022 trên QL. 4A, QL.279 do ảnh hưởng của cơn mưa ngày 08/5/12/5/2022.	Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn		Ban QLXD&BTHTGT	




PHỤ LỤC II

TỜn TẠi CỤ THỂ TẠi CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC KIỂM TRA, XÁC MINH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TT/ ngày tháng 01 năm 2025 của Thanh tra Bộ GTVT)

A. SỬA CHỮA ĐỊNH KỶ

1. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lè và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+758 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

- Thời gian thực hiện: 03 tháng (Khởi công ngày: 14/5/2021; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/9/2021, gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tại PLHD số 01-42/2021 ngày 18/8/2021).

Sở GTVT đã tổ chức công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện công trình sửa chữa cơ bản theo quy định pháp luật. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra ghi nhận một số nội dung sau:

I.1. Công tác khảo sát: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ (Nhật ký khảo sát, Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực) liên quan đến việc triển khai thực hiện công tác khảo sát.

a) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế:

- Không lập chỉ dẫn kỹ thuật (được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng) theo Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế BVTG sơ sai, không nêu các bước, quy trình nghiệm thu, không nêu căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Phê duyệt thiết kế BVTG điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 2601/QĐ-SGTVT ngày 19/8/2021 một số khối lượng nằm ngoài phạm vi của công trình, như:

+ Rãnh hình thang: Km5+174,00 ÷ Km5+255 (Trái, phải tuyến dài L=162 m); Km20+843,00 ÷ Km20+890 (Trái tuyến dài L=47 m); Km23+900,00 ÷ Km23+976 (Trái tuyến dài L=76 m); Km24+860,00 ÷ Km24+997 (Trái tuyến dài L=137 m); Km24+623,00 ÷ Km24+721 (Trái tuyến dài L=98 m); Km24+434,00 ÷ Km24+500 (Trái tuyến dài L=66 m)...

+ Mặt đường KC2: Km5+199 ÷ Km5+205,50 (S=18,2m²)....

+ Rãnh U: Km5+373,50 ÷ Km5+400,00 (Phải tuyến dài L=26,6 m)....

Nguyễn

+ Mật đường tăng cường: Km5+174,00 ÷ Km5+230 (L=56 m);

1.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu

- Về yêu cầu kỹ thuật: Các loại vật liệu có hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, tự nhiên, không có đăng ký kinh doanh của các nhà cung cấp vật liệu có ngành nghề cung ứng vật liệu⁹⁷.
- Khác: Thỏa thuận liên danh phân chia khối lượng công việc không ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kê cả thành viên đứng đầu liên danh theo yêu cầu E-HSMT.
- Các Báo cáo đánh giá E-HSMT đánh giá về năng lực và kinh nghiệm phân thông tin trong E-HSMT được thể hiện đối chiếu E-HSMT được Tô chuyên gia in và đánh giá “đạt”, không nêu nội dung nhận xét của chuyên gia.
- Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn: Các đơn vị gửi văn bản đề xuất tham gia gói thầu, sau đó Sở GTVT tiến hành thương thảo, ký hợp đồng với các đơn vị chưa cung cấp đánh giá năng lực của nhà thầu (Tu vấn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...).

b) Ký kết và thực hiện hợp đồng

- Công tác ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình không quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như: không quy định các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ nghiệm thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thiếu chấp thuận đầu vào và thí nghiệm tần suất của Tôn hộ lan, sơn kẻ đường, biển báo
- Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ tính toán thiết kế cho các cấp phối.
- Công tác Bê tông nhựa: không có thí nghiệm cường độ đá góc
- CPDD loại I: sử dụng cấp phối đá có $D_{max}=25$ cho công tác sửa chữa mặt đường không phù hợp với yêu cầu TCVN 8859:2011.
- Không có nghiệm thu thời gian và nhân sự thực hiện ĐBGTT (Nhật ký thi công ghi chép không thực công tác này).

⁹⁷ Đối với vật liệu đá thi nhà cung cấp phải có hợp đồng với bên khai thác mỏ; Đối với vật liệu nhựa đường phải đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông và các tiêu chuẩn hiện hành, trường hợp hợp đồng với nhà cung cấp thi phải có hợp đồng với bên nhập khẩu...




c) *Công tác tư vấn giám sát*: Một số biên bản nghiệm thu chưa ghi đầy đủ thời gian nghiệm thu, tiêu chuẩn thi công để nghiệm thu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

1.3. Công tác thanh toán, quyết toán:

Công trình Tổng cục ĐBVN phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 3102/QĐ-TCĐBVN ngày 02/8/2022 với giá trị 16.718.516 đồng.

** Tôn tại:*

- Thanh toán chưa đúng khối lượng: Rãnh hình thang BTXM lấp ghép (lấp đặt tấm, bê tông đáy rãnh).
- Không có hồ sơ nghiệm thu công tác ĐBGT, lán trại.
- Tổng cục ĐBVN phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành chậm hơn với quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BIC của Bộ Tài chính
- 2. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km167+283 ÷ Km175+500, QL.279
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện: 120 ngày (Khởi công ngày: 10/5/2021; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/10/2021).

2.1. Công tác khảo sát, thiết kế⁹⁸

a) *Công tác khảo sát*: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ (Nhật ký khảo sát, Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực) liên quan đến việc triển khai thực hiện công tác khảo sát.

b) *Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế*:

- Không lập chỉ dẫn kỹ thuật (được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng) theo Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 đối, thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế BVTG sơ sai, không nêu các bước, quy trình nghiệm thu, không nêu căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Không lập thiết kế ĐBGT để làm căn cứ xác định khối lượng thực hiện.
- Phê duyệt thiết kế lớp láng nhựa (từ 1,5 kg/m² đến 1,6 kg/m²) dưới lớp bê tông nhựa trong kết cấu áo đường tại một số công trình không thống nhất đối với các công trình có tính chất tương tự (các công trình khác không có lớp này) và chưa nghiên cứu thay thế CPĐD cho Đá dăm nước để giảm giá và kết cấu sửa chữa.

⁹⁸ Liên danh Công ty CP TVXDGT Lang Sơn và Công ty TNHH Kỹ thuật An Khánh.

- Rãnh dọc hình thang BTXM lắp ghép sử dụng ni lông lót đáy chưa thực hiện theo Văn bản số 1877/TCĐB VN-QLBTĐB ngày 25/4/2016 của Tổng cục ĐBVN.
- Phân đoạn Km167+283 ÷ Km172+000: Yêu cầu vật liệu cho BTNC 12,5 tại BVIC và rãnh kín U thiết kế chiều dày thành 10 cm chưa phù hợp với Quyết định số 5201/QĐ-TCĐB VN ngày 30/10/2020.
- Trong quá trình thanh tra không cung cấp thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
- Mặt đường đá dăm nước lớp dưới, mặt đường đã lên ép 14,5cm áp dụng mã AD.21125 cho chiều dày 15cm.
- Vữa trít dày 2,0 cm, vữa XM M100 (Vận dụng 2% nhân công), vận dụng mã AK.21134VD sai hao phí nhân công 0,32/0,23
- Mặt đường láng nhựa 01 lớp dày 1.5cm (Tiêu chuẩn nhựa 1,5kg/m²) vận dụng mã AD.24231VD thực hiện triết giảm nhựa chưa thực hiện triết giảm máy phun nhựa đường, thiết bị nấu nhựa và nhân công tương ứng.

2.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu:

- Về năng lực kinh nghiệm: Các Báo cáo đánh giá E-HSDT và đối chiếu E-HSMT đánh giá về năng lực và kinh nghiệm phân công tìm trong E-HSDT được thể hiện đối chiếu E-HSMT được Tổ chuyên gia in và đánh giá "đạt", không nêu nội dung nhận xét của chuyên gia; Liên danh nhà thầu huy động máy móc và nhân sự, tuy nhiên, các nhân sự, máy móc thiết bị không ghi rõ là phục vụ cho thành viên nào trong liên danh.
- Về yêu cầu kỹ thuật: Các loại vật liệu có hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, tuy nhiên, không có đăng ký kinh doanh của các nhà cung cấp vật liệu có ngành nghề cung ứng vật liệu hoặc hợp đồng với bên nhập khẩu⁹⁹.
- Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn: Các đơn vị gửi văn bản đề xuất tham gia gói thầu, sau đó Sở GTVT tiến hành thương thảo, ký hợp đồng với các đơn vị thiếu đánh giá năng lực của nhà thầu (Tu văn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...).

b) Ký kết và thực hiện hợp đồng

- Hợp đồng thi công xây dựng¹⁰⁰: Công tác ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình không quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như: không quy định các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ nghiệm

⁹⁹ Đối với vật liệu đá thi nhà cung cấp phải có hợp đồng với bên khai thác mỏ; Đối với vật liệu nhựa đường phải đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông và các tiêu chuẩn hiện hành, trường hợp hợp đồng với nhà cung cấp thì phải có hợp đồng với bên nhập khẩu....

¹⁰⁰ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 67/2021/HĐ-X¹ giữa Ban QLXD và BHTT giao thông và Liên danh C² - 3 ty

thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

- Một số biên bản nghiệm thu chưa ghi đầy đủ thời gian nghiệm thu, tiêu chuẩn thi công để nghiệm thu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

- Hạng mục đá dăm nước: sử dụng đá có thành phần hạt chưa đảm bảo, thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công theo yêu cầu TCVN 9504:2012.

- Biên bản nghiệm thu láng nhựa mặt đường không đầy đủ (thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công, kiểm tra lượng nhựa tươi cho từng lớp...) theo yêu cầu TCVN8863:2011.

- Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ tính toán thiết kế cho các cấp phối.

- Công tác Bê tông nhựa: không thực hiện thí nghiệm kiểm tra hần lùn vệt bánh xe; đối với nhựa đường: kiểm soát nguồn gốc chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT và thiếu 02/12 chỉ tiêu thí nghiệm, quá trình thi công không thí nghiệm độ kim lún PI hàng ngày.

- Nghiệm thu rãnh dọc BTXM: các Biên bản nghiệm thu không đầy đủ các thông số (cao độ, kích thước...) để làm cơ sở xác định khối lượng nghiệm thu theo yêu cầu.

- Thiếu nghiệm thu thời gian và nhân sự thực hiện DBGT (Nhật ký thi công ghi chép không thực hiện công tác này).

c) Công tác tư vấn giám sát: Đề cương Tư vấn giám sát thi công xây dựng áp dụng Quy chế tạm thời hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông trong ngành giao thông vận tải theo Quyết định số 3173/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT đã hết hiệu lực (Theo Quyết định số 1609/QĐ-BGTVT ngày 29/8/2019); chưa có phân công nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân cho nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện quy định tại Điều 26, Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

2.3. Công tác thanh toán, quyết toán

Công trình Tổng cục ĐBVN phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 480/QĐ-TCĐBVN ngày 21/10/2022.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp bảo hiểm cho bên thứ 3 theo quy định Hợp đồng và một số hồ sơ nghiệm thu liên quan đến xây dựng lán trại, nhà tạm.

- Không có hồ sơ nghiệm thu DBGT.

3. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km177+200 ÷ Km182+800, QL.279

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo trọn gói

Handwritten signature

Handwritten mark

- Thời gian thực hiện: 87 ngày (Khởi công ngày: 10/5/2021; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 07/8/2021)¹⁰¹.

Sở GTVT đã tổ chức công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện công trình sửa chữa cơ bản theo quy định pháp luật. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra ghi nhận một số nội dung sau:

3.1. Công tác khảo sát, thiết kế¹⁰²

a) *Công tác khảo sát*: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ (Nhật ký khảo sát, Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực) liên quan đến việc triển khai thực hiện công tác khảo sát; nhật ký khảo sát thiếu xác nhận của giám sát khảo sát của bước NCKT.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹⁰³

- Không lập chỉ dẫn kỹ thuật (được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng) theo Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015, thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế BVTC sơ sai, không nêu các bước, quy trình nghiệm thu, không nêu căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Không lập tiến độ thi công chi tiết để làm căn cứ xác định khối lượng ĐBGT.
- Trong quá trình thanh tra không cung cấp quĩ tính toán để đưa ra phương án thiết kế áo đường trong hồ sơ thiết kế¹⁰⁴ phù hợp với các quy định hiện hành (22 TCN 211-06, TCVN 8819:2011 và Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT) cho hư hỏng kết cấu và chưa nghiên cứu thay thế CPĐD cho Đá dăm nước để giảm giá và kết cấu sửa chữa.
- Rãnh dọc hình thang BTXM lấp ghép sử dụng ni lông lót đáy chưa thực hiện theo Văn bản số 1877/TCĐBVN-QLBĐB ngày 25/4/2016 của Tổng cục ĐBVN.
- Mặt đường đá dăm nước lớp trên, mặt đường đá lên ép 14,5cm áp dụng mã định mức AD.211115 cho chiều dày 15cm.

¹⁰¹ Thông báo khởi công số 310/TB-BQLXD ngày 17/5/2021 của Giám đốc Ban QLXD& BTHI giao thông.

¹⁰² Công ty CP TVXDGT Lạng Sơn.

¹⁰³ Các quyết định số:

- Số 5200/QĐ-TCĐBVN ngày 30/10/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN.

- Số 960/QĐ-SGTVT ngày 15/4/2021 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹⁰⁴ Kết cấu sửa chữa:

- Tầng cường BTNC 12,5 dày 5 cm.
- Bù vênh BTNC 12,5 dày TB 1,9 cm.
- Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m².
- Láng nhựa 1 lớp, tiêu chuẩn nhựa 1,5 kg/m² dày 1,5 cm.
- Lớp móng trên đá dăm nước lớp trên dày 14,5 cm.
- Lớp móng dưới đá dăm nước lớp dưới dày 14,0 cm.

- Rải thảm + bù vênh mặt đường bê tông nhựa (Loại C $\leq 12,5$) - Chiều dày mặt đường đã lên ép 6,9 cm áp dụng mã định mức AD.23235 cho chiều dày 7cm chưa thực hiện triết giảm các hao phí tương ứng
- Vữa trít dày 2,0 cm, vữa XM M100 (Vận dụng 2% nhân công), vận dụng mã định mức AK.21134VD hao phí nhân công 0,32/0,23

3.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu:

- Về năng lực kinh nghiệm: Các Báo cáo đánh giá E-HSDT và đối chiếu E-HSMT đánh giá về năng lực và kinh nghiệm phân thông tin trong E-HSDT được thể hiện đối chiếu E-HSMT được Tổ chuyên gia in và đánh giá “đạt”, không nêu nội dung nhận xét của chuyên gia.
- Về yêu cầu kỹ thuật: Các loại vật liệu có hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, tuy nhiên, không có đăng ký kinh doanh của các nhà cung cấp vật liệu có ngành nghề cung ứng vật liệu¹⁰⁵.
- Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn: Các đơn vị gửi văn bản đề xuất tham gia gói thầu, sau đó Sở GTVT tiến hành thương thảo, ký hợp đồng với các đơn vị chưa cung cấp đánh giá năng lực của nhà thầu (Tư vấn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...).

b) Ký kết và thực hiện hợp đồng

- Hợp đồng thi công xây dựng¹⁰⁶: Công tác ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình thiếu quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như: quy định các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ nghiệm thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- Một số biên bản nghiệm thu chưa ghi đầy đủ thời gian nghiệm thu, tiêu chuẩn thi công để nghiệm thu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.
- Hạng mục đá dăm nước: sử dụng đá có thành phần hạt chưa đảm bảo, thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công theo yêu cầu TCVN 9504:2012.
- Biên bản nghiệm thu láng nhựa mặt đường chưa đầy đủ (thiếu Biên bản kiểm tra độ sạch, mức độ khô ráo của mặt đường, cao độ trước và sau khi thi công, kiểm tra lượng nhựa tươi cho từng lớp...); Nghiệm thu hoàn thành mặt đường láng nhựa không tuân thủ TCVN8863:2011.
- Thiếu chấp thuận đầu vào và thí nghiệm tần suất của Tôn hộ lan, sơn kẻ đường, biển báo

¹⁰⁵ Đối với vật liệu đá thì nhà cung cấp phải có hợp đồng với bên khai thác mỏ; Đối với vật liệu nhựa đường phải đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông và các tiêu chuẩn hiện hành, trường hợp hợp đồng với nhà cung cấp thì phải có hợp đồng với bên nhập khẩu....

¹⁰⁶ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 67/2021/HĐ-XD giữa Ban QLXD và BTHH giao thông và Liên danh Công ty

- Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ tính toán thiết kế cho các cấp phối.
 - Công tác bê tông nhựa: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ thí nghiệm kiểm tra đá gốc, phê duyệt công thức trộn, kiểm tra hần lún vệt bánh xe; đối với nhựa đường: kiểm soát nguồn gốc chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT và thiếu 02/12 chỉ tiêu thí nghiệm, quá trình thi công không thí nghiệm độ kim lún lún PI hàng ngày.
 - Nghiệm thu rãnh dọc BTXM: Các Biên bản nghiệm thu không đầy đủ các thông số (cao độ, kích thước...) để làm cơ sở xác định khối lượng nghiệm thu theo yêu cầu.
 - Thiếu một số hồ sơ nghiệm thu thời gian và nhân sự thực hiện ĐBGT (Nhật ký thi công ghi chép không thực công tác này).
- c) Công tác tư vấn giám sát¹⁰⁷*
- Hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây dựng áp dụng Quy chế tạm thời hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông trong ngành giao thông vận tải theo Quyết định số 3173/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT đã hết hiệu lực (*Theo Quyết định số 1609/QĐ-BGTVT ngày 29/8/2019*),
 - Đề cương tư vấn giám sát (Kế hoạch quản lý chất lượng) chưa có phân công nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân cho nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện quy định tại Điều 26, Nghị định 46/2015/NĐ-CP.
 - Trong quá trình thanh tra không cung cấp tài liệu liên quan đến điều kiện khởi công công trình như: Giấy phép thi công, Biên bản kiểm tra thiết bị, nhân lực thi công....

3.3. Công tác thanh toán, quyết toán

- Thiếu báo hiểm cho bên thứ 3 theo quy định Hợp đồng.
 - Hồ sơ nghiệm thu xây dựng lán trại, nhà tạm, công tác ĐBGT chưa đầy đủ
- 4. Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31**
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
 - Thời gian thực hiện: 04 tháng (Khởi công ngày: 01/10/2021; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 01/02/2022, được gia hạn 01 tháng (01/3/2022) do điều đình, bổ sung khối lượng).

Sở GTVT đã tổ chức công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện công trình sửa chữa cơ bản theo quy định pháp luật. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra ghi nhận một số nội dung sau:

4.1. Công tác khảo sát, thiết kế

¹⁰⁷ Công ty CP TV XDGT Lạng Sơn




a) **Công tác khảo sát:** trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ (Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực, các số đo chi tiết) liên quan đến việc triển khai thực hiện công tác khảo sát; Nhật ký khảo sát không có nội dung điều tra vị trí bãi đổ thải, điều tra vật liệu.

b) **Công tác lập và phê duyệt hồ sơ thiết kế:**

- Không lập chỉ dẫn kỹ thuật (được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng) theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế BVTC sơ sài, không nêu các bước, quy trình nghiệm thu, không nêu căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Không lập thiết kế ĐBGT để làm căn cứ xác định khối lượng thực hiện.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp kết quả tính toán để đưa ra phương án thiết kế áo đường trong hồ sơ thiết kế¹⁰⁸ phù hợp với các quy định hiện hành (22-TCN 211-06, TCVN 8819:2011 và Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT) cho từng loại hư hỏng kết cấu áo đường; thiết kế lớp bảo vệ Láng nhựa 1,6 kg/m² dùng đá 9,5/12,5 mm dày 1,0/1,5 cm.

- Rãnh dọc BTXM lắp ghép sử dụng ni lông lót đáy chưa thực hiện theo Văn bản số 1877/TCĐBVN-QLBTTĐB ngày 25/4/2016 của Tổng cục ĐBVN.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Chi phí giám sát xây dựng công trình do Ban QLXD và Bảo trì hạ tầng giao thông thực hiện tính thêm thuế giá trị gia tăng 10%.

- Tính sai cự ly vận chuyển đá các loại từ mỏ đá Giang Sơn về đến công trình 87/86 km.

4.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, kỹ kết và thực hiện hợp đồng

a) **Công tác lựa chọn nhà thầu**

- Về năng lực kinh nghiệm: Các Báo cáo đánh giá E-HSDT và đối chiếu E-HSMT đánh giá về năng lực và kinh nghiệm phân thông tin trong E-HSDT được thể hiện đối chiếu E-HSMT được Tổ chuyên gia in và đánh giá “đạt”, không nêu nội dung nhận xét của chuyên gia; Liên danh nhà thầu huy động máy móc và nhân sự cho cả gói thầu, tuy nhiên, các máy móc thiết bị không ghi rõ là phục vụ cho thành viên nào trong liên danh.

¹⁰⁸ Kết cấu áo đường:

- Tầng cường BTNC 12,5 dày 5cm.
- Tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m².
- Lớp bảo vệ Láng nhựa tương 1 lớp, tiêu chuẩn nhựa 1,6 kg/m² dày 1cm.
- Tưới thấm bám bằng nhũ tương phân tách chậm CRS-1, tiêu chuẩn nhựa 1,3 kg/m².
- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm.

- Về yêu cầu kỹ thuật: Các loại vật liệu có hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, tuy nhiên, không có đăng ký kinh doanh của các nhà cung cấp vật liệu có ngành nghề cung ứng vật liệu¹⁰⁹.
- Khác: Thỏa thuận liên danh phân chia khối lượng công việc 70%¹¹⁰ và 30%¹¹¹ không ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh theo yêu cầu E-HSMT
- Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn: Các đơn vị gửi văn bản đề xuất tham gia gói thầu, sau đó Sở GTVT tiến hành thương thảo, ký hợp đồng với các đơn vị chưa cung cấp đánh giá năng lực của nhà thầu (Tư vấn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...).
- b) Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng
 - Hợp đồng thi công xây dựng¹¹²: Công tác ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình không quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như: không quy định các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; căn cứ nghiệm thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
 - Trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH XD Đại Lộc đã chuyển nhượng khối lượng công việc¹¹³ thuộc gói thầu cho Công ty CP ĐT&XDCT Bắc Nam trong liên danh tương ứng với giá trị 3,349 tỷ đồng/6,791 tỷ đồng tính theo hợp đồng ký kết với Sở GTVT (chiếm 49,32%). Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đã không kịp thời phát hiện việc chuyển nhượng này và vẫn tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho Công ty TNHH XD Đại Lộc theo hợp đồng đã ký kết.
 - Nghiệm thu phòng thí nghiệm: Không có kế hoạch thí nghiệm phù hợp khối lượng thực và tính chất công việc được quy định tại hợp đồng; không có nghiệm thu thiết bị thí nghiệm liên quan.
 - Trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ liên quan thi công thử các hạng mục (Đất đắp K=95, CPĐD, Láng nhựa) phù hợp với đầy đủ chuyển thiết bị của Nhà thầu.

¹⁰⁹ Đối với vật liệu đá thi nhà cung cấp phải có hợp đồng với bên khai thác mỏ; Đối với vật liệu nhựa đường phải đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông và các tiêu chuẩn hiện hành, trường hợp hợp đồng với nhà cung cấp thi phải có hợp đồng với bên nhập khẩu....

¹¹⁰ Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình Bắc Nam.

¹¹¹ Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc.

¹¹² Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 67/2021/HĐ-XD giữa Ban QLXD và BTHT giao thông và Liên danh Công ty

¹¹³ Hợp đồng kinh tế số 1903/2022/HĐKT/ĐL-BN về việc thi công rải bê tông nhựa với Khối lượng 13.750m² thảm BTN C12,5 và nhũ tương. Giá trị chuyển nhượng ký kết giữa Công ty TNHH XD Đại Lộc và Công ty CP ĐT&XDCT Bắc Nam 1' 2' 593.389.150 đồng (trong đó: đơn giá (chưa bao gồm V.V.T) BTN C12,5 là 167.000 đồng và tưới nhũ tương là 7.639 đồng).

Đam

- Chưa thực hiện đầy đủ thí nghiệm vật liệu, sản phẩm xây dựng (tôn lợp sóng, sơn dẻo nhiệt...) theo quy định tại Hợp đồng xây dựng và các quy định hiện hành.
 - Công tác CPDD: nghiệm thu thiết bị thi công chưa đúng theo yêu cầu, thí nghiệm nghiệm tần suất độ chặt, thành phần hạt, độ ẩm chưa đầy đủ; thí nghiệm CBR của CPDD chưa cấp theo TCVN12792:2020; TCVN12790:2020 (sử dụng 22TCN333-06 và 22TCN332-06 đã hết hiệu lực); công tác kiểm tra không đầy đủ (thiếu kiểm tra độ bằng phẳng, chiều dày, kiểm tra thành phần hạt sau khi lu lên, sử dụng cấp phối đá có $D_{max}=25$ cho công tác sửa chữa mặt đường là không phù hợp) quy định tại TCVN 8859:2011.
 - Công tác láng nhựa: trong quá trình thanh tra không cung cấp một số hồ sơ kiểm tra chất lượng láng nhựa (Kích thước hình học của mặt đường, độ bằng phẳng; độ sạch, mức độ khô ráo; lượng nhựa thấm bảm đã dùng trên $1m^2$).
 - Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ tính toán thiết kế cho các cấp phối; lấy mẫu thí nghiệm kiểm tra cường độ bê tông không đầy đủ.
 - Công tác Bê tông nhựa: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ thí nghiệm kiểm tra đá gốc, phê duyệt công thức trộn, kiểm tra hần lún vệt bánh xe; đối với nhựa đường: kiểm soát nguồn gốc chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT và thiếu 02/12 chỉ tiêu thí nghiệm, quá trình thi công không thí nghiệm độ kim lún PI hàng ngày; kiểm tra, kiểm soát chất lượng BTNC12,5 chưa đầy đủ theo quy định TCVN 8819:2011 và Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2014 (như: khối lượng cốt liệu cho từng mẻ trộn, nhiệt độ các giai đoạn thi công....).
 - Biên bản nghiệm thu hạng mục: thiếu khối lượng đã được thi công, thiết bị thi công¹¹⁴ không đúng với dây thi công đã được phê duyệt¹¹⁵.
 - Nhật ký thi công: không ghi chép đầy đủ số lượng nhân công, thiết bị do nhà thầu thi công xây dựng huy động để thực hiện thi công tại hiện trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP
 - Thiếu hồ sơ liên quan đến bảo hiểm công trình, bảo hiểm cho người lao động trên công trường.
- c) Công tác tư vấn giám sát do Công ty CP TVXD giao thông Lạng Sơn thực hiện: Không cung cấp kế hoạch quản lý chất lượng và phân công nhiệm vụ, quyền hạn (Đề cương tư vấn giám sát) của các cá nhân cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4.3. Công tác thanh toán, quyết toán

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp một số hồ sơ nghiệm thu: xây dựng lán trại, nhà tạm; ĐBGT.

¹¹⁴ CPDD của đoạn Km153+446 – Km155+809: Máy xúc 02 máy; đầm cóc 03 đầm, máy lu 01 cái, ô tô 03 xe.

¹¹⁵ Biện pháp thi công CPDD: Máy đào 01 cái, Lu rung 01 cái, lu bánh thép 01 cái, lu bánh hơi 01 cái, máy xúc 01 cái; đầm cóc 01 đầm, ô tô tưới nước 01 cái, ô tô 02 xe....

Handwritten signature

Handwritten signature

- Công trình được Cục ĐBVN (trước là Tổng cục ĐBVN) thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 820/QĐ-TCĐBVN ngày 31/01/2024.

5. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

- Thời gian thực hiện: 05 tháng (Khởi công ngày: 06/5/2022; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 04/10/2022).

5.1. Công tác khảo sát, thiết kế

a) Công tác khảo sát¹¹⁶: Không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; báo cáo kết quả khảo sát không đề cập vị trí trạm trộn để làm cơ sở tính chi phí vận chuyển BTN.

b) Công tác lập và phê duyệt báo cáo KTKT:

- Hồ sơ thiết kế (bản vẽ, thuyết minh) không có nội dung chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

- Rãnh hình thang BTXM lắp ghép: tính khối lượng ván khuôn và BTMX đáy rãnh theo hồ sơ thiết kế tính chưa đúng.

- Sửa chữa các vị trí mặt đường cũ bị rạn nứt mai rùa, lún lõm cục bộ (3517,93 m²) và mặt đường vị trí bị hư hỏng cục bộ nặng dạng lún cao su, lún trôi, rạn nứt nặng (30,8 m²) dự toán tính áp tưới lớp thấm nhựa đường bằng nhựa đường tiêu chuẩn nhựa 1,0 lít/m² chưa tuân thủ theo Quyết định số 4827/QĐ-TCĐBVN ngày 14/10/2021 (tươi nhựa thấm bằng nhựa đường lòng MC-70, tiêu chuẩn nhựa 1,0 lít/m²)

5.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹¹⁷:

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu "Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ" với giá gói thầu xây lắp 11.604,5 triệu đồng (CPXD: 11.536,1 triệu đồng; CPĐBGT: 68,4 triệu đồng). Qua kiểm tra cho thấy còn một số tồn tại sau:

- Hồ sơ E-HSDT không có Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đến hết quý IV/2021 của Công ty CP XD 496 theo yêu cầu của E-HSMT.

¹¹⁶ Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, giá gói thầu tư vấn và Kế hoạch LCNTI Tư vấn lập BCKIKT được phê duyệt tại Quyết định số 2499/QĐ-SGTVT ngày 11/8/2021.

¹¹⁷ Quyết định số 1261/QĐ-TCĐBVN ngày 23/02/2022 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng.

- HĐNT cung cấp BTN với Công ty TNHH MTV SX TMDV Giang Sơn ngày 05/4/2022 không đính kèm chứng minh minh trạm đang hoạt động theo yêu cầu của E-HSMT.

b) Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng

- Khối lượng Xứ lý hư hỏng cục bộ mặt đường KC2 của Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn theo hồ sơ quyết toán là 15,588 (100m²). Tuy nhiên khối lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình là 13,834 (100m²).

- Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành của Công ty CPQL&XDGT Lạng Sơn kèm theo Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng số 384/BC-TVPTCD ngày 30/9/2022 của TVGS Công ty CP TVĐTPT Cửa Đông không phù hợp với khối lượng theo hồ sơ quyết toán (đối với các hạng mục thuộc công tác sửa chữa mặt đường).

c) Công tác tư vấn giám sát: Không có các biên bản kiểm tra, văn bản chấp thuận: Hệ thống quản lý chất lượng, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường; Phòng thí nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.

5.3. Công tác thanh toán, quyết toán

- Thanh toán chưa đúng thực tế thi công hạng mục ván khuôn tám thành rãnh, BTXM đáy rãnh hình thang;

- Không có hồ sơ nghiệm thu xử lý cục bộ mặt đường KC2.

- Thời gian lập, trình hồ sơ quyết toán không tuân thủ quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 (04 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với dự án nhóm C).

- Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán không tuân thủ quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 (03 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với dự án nhóm C).

6. Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km101+000 ÷ Km109+000; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km112 ÷ Km128, QL.31

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện: 06 tháng (Khởi công ngày: 14/6/2022; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 31/12/2022).

6.1. Công tác khảo sát, thiết kế

a) Công tác khảo sát¹¹⁸: không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; báo cáo kết quả khảo sát không đề cập vị trí trạm trộn để làm cơ sở tính chi phí vận chuyển BIN.

¹¹⁸ Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, giá gói thầu tư vấn và Kế hoạch LCNT Tư vấn lập BCKTKT được phê duyệt tại Quyết định số 2486/QĐ-SGTVT ngày 10/8/2021.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế: Loại, cấp công trình theo quyết định phê duyệt dự án số 4609/QĐ-TCĐBVN (Công trình sửa chữa đường bộ) không phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Không làm rõ cấp công trình theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 06/2021/TT-BXD).

6.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹¹⁹:

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu "Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ" với giá gói thầu xây lắp 25.462 triệu đồng (CPXD: 25.359,1 triệu đồng; CPĐBGT: 102,9 triệu đồng). Ghi nhận như sau:

- E-HSMT: Phần máy móc thiết bị không có yêu cầu đối với máy rải BTN, không phù hợp với tính chất kỹ thuật của công trình có hạng mục thảm BTN.

- E-HSDT:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT/2022 giữa Công ty CP TVĐT&XDCT Bắc Nam với Công ty CP DTPT TM Ngọc Kim Ngân về việc cung cấp nhũ tương và nhựa đường các loại, không có hợp đồng giữa Công ty CP DTPT TM Ngọc Kim Ngân với bên nhập khẩu (tiêu chí đánh giá Đạt/Không đạt của E-HSMT).

+ Thỏa thuận liên danh không phân chia rõ ràng khối lượng thực hiện của mỗi thành viên liên danh theo quy định của E-HSMT.

b) Công tác ký và thực hiện hợp đồng

- Phiếu kiểm tra, theo dõi thi công hạng mục thảm BTN (Công ty Hiệp Phú): Thời gian vận chuyển BTN từ Trạm trộn (theo đề xuất và chấp thuận đặt tại thôn Lạng Nắc, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, cách vị trí thi công khoảng hơn 90km) 20 phút là không phù hợp.

- Đề cương giám sát của Trung tâm TV ĐTPCSTHT GTVT thiếu ngày tháng.

- Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công thiếu ngày, tháng.

3.2.6.3. *Thanh toán, quyết toán*: Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán không tuân thủ quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 (03 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với dự án nhóm C).

7. Công trình sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33, QL.3B.

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định

¹¹⁹ Quyết định số 1268/QĐ-TCĐBVN ngày 24/02/2022 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Thời gian thực hiện: 06 tháng (Khởi công ngày: 13/5/2022; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 05/12/2022, được gia hạn điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 05/12/2022 tại Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 15/11/2022).

7.1. Công tác khảo sát, thiết kế

a) Công tác khảo sát¹²⁰: Không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; báo cáo kết quả khảo sát không đề cập vị trí trạm trộn để làm cơ sở tính chi phí vận chuyển BTN.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹²¹:

- Hồ sơ phê duyệt dự án và thiết kế BVTC đưa ra biện pháp sửa chữa tăng cường toàn bộ mặt đường bằng 1 lớp đá dăm nước dày 12cm trên láng nhũ tương 1 lớp, tiêu chuẩn 1,6kg/m², sau đó thảm toàn mặt đường bằng BTNC 12.5 dày 5cm (sau khi sửa chữa các vị trí nền đường, mặt đường bằng cao su; sửa chữa gia cố lè bằng CPĐD loại II dày 30) và bê tông đáy rãnh đổ có $f'c=16\text{Mpa}$ là chưa có căn cứ (Bảng tính, nguyên tắc bố trí lớp kết cấu móng mặt đường ...).

- Loại, cấp công trình theo quyết định phê duyệt dự án số 6015/QĐ-TCĐBVN ngày 08/12/2021 (Công trình sửa chữa đường bộ) không phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Không làm rõ cấp công trình theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

- Rãnh hình thang BTXM lấp ghép: tính chưa đúng khối lượng ván khuôn tám thành và BTXM đáy rãnh.

- Móng CPĐD loại 2 và BTN vút nối đường ngang, đường cũ tính khối lượng chưa đúng (không tính giảm trừ theo chiều dày vút nối).

7.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹²²:

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu “Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ” với giá gói thầu xây lắp 25.506,1 triệu đồng. Qua kiểm tra cho thấy còn một số tồn tại sau:

- Loại hợp đồng theo E-HSMT là Hợp đồng trọn gói là không phù hợp với loại hợp đồng tại KHLCNT được Tổng cục ĐBVN phê duyệt, tuy nhiên, trong quá trình thương thảo và ký kết hợp đồng đã quy định hợp đồng theo đơn giá cố định

- Thỏa thuận liên danh trong E-HSMT không phân rõ nội dung công việc thực hiện chi tiết theo E-HSMT.

b) Công tác ký và thực hiện hợp đồng

¹²⁰ - Báo cáo NCKT tại Quyết định số 3768/QĐ-SGTVT ngày 23/11/2021 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

- Thiết kế BVTC tại Quyết định số 4030/QĐ-SGTVT ngày 16/12/2021 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹²¹ - Quyết định số 6015/QĐ-TCĐBVN ngày 08/12/2021 về việc phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 299/QĐ-SGTVT ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

¹²² Quyết định số 1273/QĐ-TCĐBVN ngày 24/02/2022 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Kiểm tra nhật ký thi công của Liên danh nhà thầu, ghi nhận như sau:

- (1) Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc: Triển khai thi công từ ngày 18/5/2022 (chậm 05 ngày so với tiến độ quy định), thời gian từ 13/5/2022 đến ngày 13/11/2022 có 08 ngày mưa.
- (2) Công ty Hoàng Huy HN: Bắt đầu triển khai tập kết máy móc thiết bị, nhân sự từ ngày 24/5/2022 (chậm 11 ngày so với tiến độ quy định). Thời gian từ 13/5/2022 đến ngày 13/11/2022 có 02 ngày mưa.

7.3. Công tác thanh toán, quyết toán:

- Thanh toán chưa đúng khối lượng rãnh hình thang, Móng CPDD loại 2 và BTN vuốt nổi đường ngang, đường cũ theo thực tế.
- Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán không tuân thủ quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 (03 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với dự án nhóm C).

8. Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện: 08 tháng (Khởi công ngày: 03/11/2022; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 31/7/2023, được gia hạn điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/7/2023 tại Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/6/2023).

8.1. Công tác khảo sát, thiết kế

- a) Công tác khảo sát¹²³: Không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; khối lượng Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III tại bước TKBVC không thay đổi so với bước NCKT, chưa nghiên cứu tận dụng kết quả của bước NCKT nhằm tiết kiệm chi phí khảo sát bước TKBVC.
- b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹²⁴:
- Hồ sơ phê duyệt dự án và thiết kế BVTC đưa ra biện pháp sửa chữa tăng cường toàn bộ mặt đường bằng BTNC16 dày 7cm sau khi bù vênh cục bộ một số vị trí bằng BTNC, hỗn hợp đá dăm đen hoặc sưa chữa kết cấu trải lùn bằng các lớp móng đá dăm nước lớp dưới dày 15cm, lớp móng đá dăm nước lớp trên dày 13,5cm và lán nhựa 1 lớp tiêu chuẩn 1,8 kg/m² không có căn cứ (do đây là lớp hao mòn).
 - Hồ sơ NCKT và thiết kế BVTC (bản vẽ, thuyết minh) không có nội dung chi dẫn kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

¹²³ - Báo cáo NCKT tại Quyết định số 1106/QĐ-SGTVT ngày 20/4/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

- Thiết kế BVTC tại Quyết định số 2046/QĐ-SGTVT ngày 07/7/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹²⁴ - Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 về việc phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 2695/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2022 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

8.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹²⁵:

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức lựa chọn nhà thầu "Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ" với giá gói thầu xây lắp 23.298,4 triệu đồng (CPXD: 23.165,6 triệu đồng; CPĐBGT: 132,8 triệu đồng). Qua kiểm tra cho thấy còn một số tồn tại sau:

- (1) Hồ sơ E-HSMT:
- Thiết bị thi công chủ yếu không yêu cầu Máy rải bê tông nhựa là không phù hợp với tính chất công việc của dự án (*khối lượng thi công thảm BTN lớn*).
 - Mục 8 - Chương V - Yêu cầu về xây lắp, nội dung yêu cầu về an toàn lao động tham chiếu quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP là không phù hợp do nghị định này đã hết hiệu lực tại thời điểm phê duyệt E - HSMT và quy định về ĐBATGT khi thi công theo Thông tư 50/2016/TT-BGTVT là không phù hợp.
- (2) Hồ sơ E-HSDT:
- Không có Máy lu bánh hơi $\geq 16T$ theo yêu cầu của E-HSMT.
 - Biện pháp tổ chức thi công không phù hợp với tính chất công việc của dự án (có cả công tác đào nền đường, taluy, đắp đất; trạm trộn bê tông tươi tại thành phố Rạch Giá).
 - Hợp đồng nguyên tắc tháng 09/2022 (không số, ngày) với Công ty CP TVĐTXD Hà Thành. Giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-595.84 không rõ sở hữu của Công ty Hà Thành.

b) Công tác ký và thực hiện hợp đồng

- Bản vẽ hoàn thành công trình không có bảng tổng hợp khối lượng.
- Khối lượng hạng mục ĐBATGT trong hồ sơ hoàn thành công trình ít hơn so với hồ sơ quyết toán.
- Khối lượng hạng mục lắp đặt cầu kiện (tám BTXM thành rãnh) chưa giảm theo số lượng tấm.
- Khối lượng BTXM đáy rãnh chưa trừ phần chiếm chỗ của tấm thành rãnh.

8.3. Công tác thanh toán, quyết toán:

- Thanh toán chưa đúng khối lượng ĐBGT, rãnh bê tông hình thang theo thực tế.

¹²⁵ - Quyết định số 3559/QĐ-TCĐBVN ngày 09/9/2022 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 2781/QĐ-SGTVT ngày 09/9/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình.

Tram

B

- Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán không tuân thủ quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 (03 tháng từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với dự án nhóm C).

9. Công trình sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km56+300 ÷ Km56+600, Km59+200 ÷ Km61+200; Sửa chữa rãnh dọc Km56+600 ÷ Km59+200, QL.1B

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá trọn gói
- Thời gian thực hiện: 150 ngày (Khởi công ngày: 19/4/2023, ngày bàn giao đưa vào khai thác sử dụng: 16/9/2023).

9.1. Công khảo sát, thiết kế:

a) Công tác khảo sát¹²⁶:

- Nhật ký khảo sát bước lập Thiết kế cơ sở, bước lập Thiết kế BVTC ghi sơ sài, nội dung công việc lặp lại. Nhật ký khảo sát bước lập TKCS ghi không có hạng mục điều tra vị trí đổ đất thừa, không nêu điều tra vị trí VLXD, không có nội dung thu thập tài liệu phục vụ lập TMDT; Nhật ký khảo sát bước lập Thiết kế BVTC ghi không có hạng mục khảo sát hiện trạng đường cũ, điều tra hệ thống thoát nước, hiện trạng rãnh.

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn (hạng mục khảo sát sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và hệ thống thoát nước; khảo sát sửa chữa rãnh dọc) bước lập Thiết kế BVTC không tận dụng bước lập Thiết kế cơ sở. Bản vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn hồ sơ khảo sát bước lập thiết kế cơ sở và bước lập thiết kế BVTC giống nhau.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹²⁷:

- Hồ sơ thiết kế lập báo cáo nghiên cứu khả thi thiếu bản vẽ bình đồ duỗi thẳng sửa chữa nền, mặt đường Km56+300-Km56+600.
- Hồ sơ thiết kế BVTC còn một số tồn tại được chỉ ra tại các báo cáo thẩm định của Sở GTVT (theo hồ sơ thiết kế được duyệt phương án xử lý hư hỏng mặt đường tại một số vị trí chưa phù hợp với thực tế hiện trường, cần điều chỉnh; Tại một số mặt cắt ngang do người dân vượt nói bê tông từ mặt đường lên vỉa hè, hồ sơ thiết kế được duyệt thể hiện thiếu chiều rộng mặt đường bê tông nhựa hiện hữu; Mặt khác, chênh cao độ giữa đỉnh block so với mép đường sau khi thảm BTN theo hồ sơ thiết kế được duyệt thấp hơn so với thực tế hiện trường, cần điều chỉnh; một số đoạn mặt đường, sơn tim đường trùng khối lượng...), dẫn đến phải phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình (Quyết định số 363/QĐ-SGTVT ngày 17/8/2023).

¹²⁶ - Báo cáo NCKT tại Quyết định số 2703/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

- Thiết kế BVTC tại Quyết định số 32/QĐ-SGTVT ngày 03/02/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹²⁷ - Quyết định số 883/QĐ-TCĐBVN ngày 31/10/2022 về việc phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 120/QĐ-SGTVT ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 122/QĐ-SGTVT ngày 21/3/2023 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình điều chỉnh giá gói thầu.

- Thi công BINCI9 từ lý trình Km56+250.00 đến Km56+303.20 là ngoài phạm vi dự án (ngoài phạm vi dự án 50m theo Quyết định số 883/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2022) được Sở GTVT phê duyệt tại Quyết định số 122/QĐ-SGTVT ngày 21/3/2023.
- Rãnh hình thang BTXM lấp ghép: tính sai tăng BTXM đáy rãnh đổ tại chỗ dày 7cm với khối lượng 0,6 m³.
- Thiết kế BVTC hạng mục chiều dài tẩm rãnh BTXM chưa trừ chiều dài vữa trít khe hở (đã được trừ trong báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo Quyết toán dự án hoàn thành).
- Thuyết minh dự toán xây dựng điều chỉnh bổ sung công trình (Tại Quyết định số 363/QĐ-SGTVT ngày 17/8/2023) thiếu nội dung thay đổi, điều chỉnh, bổ sung (giá vật liệu xây dựng tại thời điểm lập, giá nhiên liệu, giảm giá trị thuế...).

9.2. Công tác lựa chọn nhà thầu; ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹²⁸.

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu “Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ” với giá gói thầu xây lắp 13.552,2 triệu đồng (CPXD: 13.513,9 triệu đồng; CPĐBGT: 38,3 triệu đồng), ghi nhận như sau:

- Hồ sơ E-HSMT gói thầu thi công xây dựng công trình tại bảng số 02: yêu cầu về nhân sự chủ chốt, mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu yêu cầu kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các vị trí như người kỹ thuật, người quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Người phụ trách dự toán, khối lượng là không phù hợp theo điểm b khoản 1 Điều 30 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT (E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc đối với các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông).

b) Công tác ký và tổ chức thực hiện hợp đồng:

(1) Hồ sơ quản lý chất lượng công trình

- Thiếu người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của Chủ đầu tư không đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
- Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị, nhân lực thi công không thống nhất giữa 02 nhà thầu thi công và không ban hành hồ sơ nghiệm thu mẫu kèm theo đề cương TVGS được duyệt (Công ty CP Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn, Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc); thông tin thiết bị thiếu công suất, năm sản xuất theo hồ sơ dự thầu.

¹²⁸ - Quyết định số 360/QĐ-TCĐBVN ngày 16/01/2023 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 135/QĐ-SGTVT ngày 24/03/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình.

- Công tác bê tông nhựa (BTN): Công trình sử dụng 02 loại BTN (BTNC16, BTNC19), tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy: thí nghiệm chỉ số dẻo thí nghiệm tại Báo cáo kết quả thí nghiệm bột khoáng BTNC16 áp dụng TCVN4197:1995 đã hết hiệu lực tại thời điểm thí nghiệm; không thí công thí điểm mặt đường BTNC19 cho công trình.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng công trình (điều 17 Hợp đồng số 163/2023/HĐ-XD ngày 19/4/2023).

- Biên bản nghiệm thu chưa căn cứ đầy đủ quy chuẩn, tiêu chuẩn để nghiệm thu (tài liệu căn cứ nghiệm thu ghi chung chung).

- Nhật ký thi công ghi chưa đầy đủ theo đề cương tư vấn giám sát được duyệt.

(2) *Giám sát quản lý chất lượng công trình*: Đề cương tư vấn giám sát được duyệt có nội dung sơ sài, chưa có các nội dung cụ thể để thí nghiệm vật liệu, kiểm tra hạng mục bê tông nhựa, chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể để nghiệm thu.

9.3. Công tác thanh toán, quyết toán: Ngày 11/3/2024, công trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 1502/QĐ-CĐBVN ngày 11/3/2024.

* **Tồn tại**: Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán không đảm bảo theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.

10. Công trình sửa chữa hư hỏng mặt đường đoạn Km49+820 ÷ Km51+370, QL.4A

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá trọn gói

- Thời gian thực hiện: 90 ngày (Khởi công ngày: 18/9/2023, ngày bàn giao đưa vào khai thác sử dụng: 15/12/2023, gia hạn hợp đồng theo Văn bản số 2023/SGTVT-KCHT&ATGT ngày 31/10/2023).

10.1. Công khảo sát, thiết kế¹²⁹: Công tác khảo sát thiếu biên bản kiểm tra thiết bị khảo sát; nhật ký khảo sát thiếu chữ ký của giám sát khảo sát, không có nội dung thực hiện công tác khảo sát điều tra hiện trạng hệ thống ATGT trên tuyến; thiếu báo cáo công tác giám sát khảo sát.

10.2. Công tác lựa chọn nhà thầu; ký và thực hiện hợp đồng

¹²⁹ - Quyết định số 75/QĐ-SGTVT ngày 23/2/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, giá gói thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

- Quyết định số 77/QĐ-SGTVT ngày 23/02/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

- Quyết định số 1343/QĐ-TCĐBVN ngày 31/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹³⁰: Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu “Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ” với giá gói thầu xây 7.814,2 triệu đồng (CPXD: 7.751,7 triệu đồng; CPDBG: 62,5 triệu đồng).

b) Công tác kỹ và tổ chức thực hiện hợp đồng:

Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ quản lý chất lượng công trình còn một số tồn tại, như sau:

- Không có người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của Chủ đầu tư không đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
 - Thí nghiệm vật liệu: thiếu thí nghiệm nước, thí nghiệm đá dăm $D_{max}=20\text{mm}$ dùng thiết kế cấp phối bê tông M350, C16.
 - Biên bản kiểm tra điều kiện thi công công trình ngày 20/9/2023 chưa so sánh thiết bị so với hồ sơ trúng thầu, thiết bị thiếu số đăng ký, đăng kiểm, năm sản xuất của thiết bị.
 - Trong quá trình thanh tra không cung cấp bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3 theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng công trình (tại Điều 20 của Hợp đồng số 435/2023/HD-XD).
 - Thiếu biên bản nghiệm thu công tác đổ thái.
 - Biên bản nghiệm thu ghi chưa đầy đủ căn cứ tiêu chuẩn để nghiệm thu.
- 10.3. Công tác thanh toán, quyết toán:** Sở GTVT Lạng Sơn đang trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư tại Tờ trình số 62/TTr-SGTVT ngày 16/4/2024.
- 11. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km1+550 ÷ Km3+700, QL.4B.**
- Hình thức hợp đồng: Đơn giá trọn gói
 - Thời gian thực hiện: 120 ngày (Khởi công ngày: 22/3/2023, ngày bàn giao đưa vào khai thác sử dụng: 30/6/2023).

11.1. Công khảo sát, thiết kế:

- a) Công tác khảo sát¹³¹: Thiếu biên bản kiểm tra thiết bị khảo sát; thiếu báo cáo công tác giám sát khảo sát.
- b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹³²:

¹³⁰ - Quyết định số 2838/QĐ-CĐBVN ngày 14/8/2023 của Cục trưởng Cục ĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 369/QĐ-SGTVT ngày 21/8/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình.

- Quyết định số 392/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình

¹³¹ Lập Báo cáo KIKT tại Quyết định số 2705/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹³² - Quyết định số 861/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

- Quyết định số 43/QĐ-SGTVT ngày 07/2/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán giá gói thầu công trình

Hồ sơ Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình còn một số tồn tại được chỉ ra tại báo cáo thẩm định của Sở GTVT (cắt giảm khối lượng tăng cường mặt đường bằng BTN C12,5 đoạn từ Km3+621.71 (cuối dài phân cách) đến hết cọc 33 lý trình Km3+635.85, chiều dài L=14,14m do trùng với dự án Cải tạo, nâng cấp QL.4B, (đoạn Km3+700 - Km18+00), tỉnh Lạng Sơn; điều chỉnh lại bề rộng một số trục ngang đảm bảo tuyến lượn đều, hài hòa không bị thất hợp cục bộ gây mất mỹ quan ...) do sai sót trong công tác khảo sát, thiết kế dẫn đến phải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán xây dựng công trình (Quyết định số 231/QĐ-SGTVT ngày 05/6/2023).

11.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, kỹ và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹³³:

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu “Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ” với giá gói thầu xây lắp 6.425,7 triệu đồng (CPXD: 6.338,0 triệu đồng; CPĐBGT: 87,7 triệu đồng). Qua kiểm tra Hồ sơ E-HSMT gói thầu cho thấy, tại bảng số 02: yêu cầu về nhân sự chủ chốt, mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu yêu cầu kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các vị trí như người kỹ thuật, người quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Người phụ trách dự toán, khối lượng là không phù hợp theo điểm b khoản 1 Điều 30 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT (E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc đối với các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông).

b) Công tác kỹ và thực hiện hợp đồng:

(1) Hồ sơ quản lý chất lượng công trình:

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp báo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng công trình (điều 17 Hợp đồng số 115/2022/HĐ-XD ngày 22/3/2023).
- Không có người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của Chủ đầu tư không đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
- Biên bản kiểm tra điều kiện thi công công trình thiếu thiết bị, thiếu số đăng ký, đăng kiểm, năm sản xuất của thiết bị.
- Bê tông nhựa (BTNC19): Không thí nghiệm hần lún vệt bánh xe.
- Thiếu biên bản nghiệm thu công tác đổ thai.
- (2) Giám sát quản lý chất lượng công trình: Đề cương tư vấn giám sát viết nội dung sơ sai, chưa có các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình theo danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng theo Quyết định số 861/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2022, chưa có nội dung cụ thể để thí nghiệm vật liệu, chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể để nghiệm thu.

¹³³ - Quyết định số 407/QĐ-CĐBVN ngày 17/01/2023 của Cục trưởng CĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 56/QĐ-SGTVT ngày 14/02/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình

Sam

b

11.3. Công tác thanh toán, quyết toán: Sở GTVT Lạng Sơn đã đề nghị Cục ĐBVN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình tại Tờ trình số 180/TT-Tr-SGTVT ngày 13/10/2023.

12. Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km112+000 ÷ Km118+000, QL.31

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện: 150 ngày (Khởi công ngày: 25/3/2023, ngày bàn giao đưa vào khai thác sử dụng: 25/7/2023).

12.1. Công khảo sát, thiết kế:

a) **Công tác khảo sát¹³⁴:** Đo vẽ trắc dọc tuyến đường cũ ở trên cạn (tỷ lệ 1/1000, 1/100, địa hình cấp III) bước lập Thiết kế BVTC không tận dụng bước NCKT (Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, phương án khảo sát không đề cập việc tận dụng, nhật ký khảo sát không đề cập công việc đo trắc dọc, phương án kỹ thuật khảo sát bước NCKT và bước TKBVTC đều tỷ lệ 1/10000, 1/100).

b) **Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹³⁵:**

- Thuyết minh thiết kế bước BVTC chưa đầy đủ quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn áp dụng so với danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án (thiếu tiêu chuẩn TCVN 8858:2011 Móng cáp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu).
- Rãnh BTXM hình thang lấp gập: Tính sai khối lượng BTXM đáy rãnh, vữa chèn chít khe hở, ván khuôn thành rãnh.
- Dự toán: Đắp đất lè và rãnh bằng đầm đất bằng thủ công tỷ lệ 10% khối lượng, đắp đất lè và rãnh bằng máy lu tỷ lệ 90% khối lượng là không có căn cứ vì không nêu được lý do tại sao phải thi công bằng thủ công.

12.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, kỹ và thực hiện hợp đồng

a) **Công tác lựa chọn nhà thầu¹³⁶:**

Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu “Đầu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ” với giá gói thầu xây lắp 20.260,6 triệu đồng (CPXD: 20.177,6 triệu đồng; CPĐBGT: 83,0 triệu đồng). Qua kiểm tra Hồ sơ E-HSMT gói thầu cho thấy, tại bảng số 02: yêu cầu về nhân sự chủ chốt, mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu yêu cầu kinh nghiệm trong các công việc tương tự của các vị trí như người kỹ thuật, người quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, người phụ trách dự toán, khối lượng là không phù hợp theo điểm b khoản 1 Điều 30 Thông

¹³⁴ Lệnh Báo cáo KTKT tại Quyết định số 2705/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹³⁵ Quyết định số 861/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

¹³⁶ Quyết định số 43/QĐ-SGTVT ngày 07/2/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán giá gói thầu công trình

¹³⁶ Quyết định số 370/QĐ-CĐBVN ngày 16/01/2023 của Cục trưởng CĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

¹³⁶ Quyết định số 67/QĐ-SGTVT ngày 14/02/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình.

¹³⁶ Quyết định số 127/QĐ-SGTVT ngày 20/02/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp.

tư số 08/2022/TT-BKHHĐT (E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc đối với các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông).

b) Công tác kỹ và thực hiện hợp đồng:

(1) Hồ sơ quản lý chất lượng công trình:

- Không có người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của Chủ đầu tư không đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

- Biên bản kiểm tra thiết bị, nhân lực của nhà thầu kiểm tra thiết bị nhưng không có số đăng ký, đăng kiểm của thiết bị, chưa so sánh thiết bị so với hồ sơ dự thầu (biên bản kiểm tra thiết bị, nhân lực của nhà thầu ngày 24/3/2023).

- Biên bản theo dõi công tác thi công bê tông nhựa nóng không đúng với đề cương tư vấn giám sát được duyệt.

- Kết quả thí nghiệm xi măng: thí nghiệm chỉ tiêu độ dẻo tiêu chuẩn, độ ổn định thể tích áp dụng phương pháp thí nghiệm theo tiêu chuẩn đã hết hiệu lực tại thời điểm thí nghiệm (TCVN 6017:1995).

- TVGS không kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình là chưa đúng theo Điều 19, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu theo quy định của Hợp đồng thi công xây dựng công trình (điều 17 Hợp đồng số 163/2023/HĐ-XD ngày 19/4/2023).

- Nhật ký thi công ghi chưa đầy đủ theo mẫu đề cương tư vấn giám sát được duyệt, thiếu danh sách máy móc và thiết bị phục vụ thi công công trình, nhật ký thời tiết, nhật ký thi công ghi không thống nhất chung cho toàn công trình.

(2) *Giám sát quản lý chất lượng công trình*: Đề cương tư vấn giám sát nội dung sai, chưa có các nội dung cụ thể để kiểm tra công tác thí nghiệm vật liệu, kiểm tra hạng mục bê tông nhựa, chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể để nghiệm thu.

12.3. Thanh toán, quyết toán: Sở GTVT Lạng Sơn đã đề nghị Cục DBVN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình tại Tờ trình số 210/TT-Tr-SGTVT ngày 20/12/2023.

B. SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT

1. Xử lý vị trí tiềm ẩn TNGT đoạn Km93 ÷ Km94 (Đèo Bò Đái):

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

- Thời gian thực hiện: 05 tháng kể từ ngày chủ đầu tư thông báo thi công (Khởi công ngày: 22/11/2021; Bàn giao đưa vào sử dụng ngày 31/7/2022 được Cục DBVN gia hạn thời gian thi công tại Văn bản số 3279/TCĐBVN-ATGT ngày 07/6/2022).

Trần Văn

Trần Văn

Sở GTVT đã tổ chức công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện công trình sửa chữa cơ bản theo quy định pháp luật. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra ghi nhận một số nội dung sau:

1.1. Công tác khảo sát, thiết kế

a) Công tác khảo sát¹³⁷:

- Báo cáo NCKT: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ liên quan đến triển khai thực hiện công tác khảo sát (Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực, các số đo chi tiết); Nhật ký khảo sát không có nội dung điều tra vị trí bãi đỗ thái, điều tra vật liệu; đồ vẽ bình đồ địa hình cấp IV 7 ha; đo mặt cắt địa hình; mặt cắt ngang trên cạn (Địa hình cấp IV) thực hiện 65 mặt cắt/1km, công tác điều tra được tính 06 công.

- Thiết kế BVTC: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ liên quan đến triển khai thực hiện công tác khảo sát (Biên bản nghiệm thu thiết bị nhân lực, các số đo chi tiết, nhật ký khảo sát); đồ vẽ bình đồ địa hình cấp IV 7 ha; đo mặt cắt địa hình; đồ vẽ mặt cắt ngang trên cạn (Địa hình cấp III) thực hiện đo bờ sung 41 mặt cắt/1km; tính vận chuyển 01 ca.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹³⁸:

- Không lập chỉ dẫn kỹ thuật (được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng) theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, thuyết minh báo cáo nghiệm cứu khả thi, thuyết minh thiết kế BVTC sơ sài, không nêu các bước, quy trình nghiệm thu, không nêu căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp kết quả tính toán để đưa ra phương án thiết kế áo đường trong hồ sơ thiết kế¹³⁹ phù hợp với các quy định hiện hành (22 TCN 211-06, TCVN 8819:2011 và Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT) cho từng loại bu hông kết cấu áo đường; tưới thấm bám nhũ tương CSS-1, TCN 1kg/m² không tuân thủ Quyết định số 1945/QĐ-TCĐBVN ngày 13/4/2021 (tươi nhựa đường);

- Công dân sinh (2,5x2,5)m: thiếu tính toán thiết kế, đắp đất hai mang công không tuân thủ theo Quyết định 3095/QĐ-BGTVT, thiết kế công lắp ghép không tuân thủ Quyết định số 1945/QĐ-TCĐBVN ngày 13/4/2021 (Cống đổ ở tại chỗ).

- Điểm đầu công trình nằm trong đường cong nằm có R=150m chưa bố trí đoạn nối chuyển tiếp siêu cao với đường cũ theo quy định tại TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- Thiết kế tôn hộ lan chưa đầy đủ các thông số kỹ thuật và yêu cầu tại TCVN 12861:2019 cho chiều dài cột, chiều dày, bố trí tiêu phản quang....

137. - Báo cáo NCKT tại Quyết định số 3359/QĐ-SGTVT ngày 07/12/2020 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

- Thiết kế BVTC tại Quyết định số 1121/QĐ-SGTVT ngày 28/4/2021 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

138 - Quyết định số 1945/QĐ-TCĐBVN ngày 13/4/2021 về việc phê duyệt Dự án đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 1061/QĐ-SGTVT ngày 02/6/2021 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

139 Kết cấu áo đường: Móng trên nền đất, móng trên nền đá, trên mặt đường cũ...

Handwritten signature

Handwritten mark

- Xác định công tác đào đá cấp III không có căn cứ (do không có kết quả thí nghiệm).
- Trong quá trình thanh tra không cung cấp thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng bằng văn bản đến nhà thầu thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
- Chi phí giám sát xây dựng công trình do Ban QLXD và Bảo trì hạ tầng giao thông thực hiện tính thêm thuế giá trị gia tăng 10%.
- Phá đá mặt bằng bằng máy đào 1,6m³ gắn đầu búa thủy lực
- Đá cấp III áp dụng tỷ lệ 15% chưa tuân thủ theo thiết kế (10%).
- Vận chuyển đá sau nổ mìn bằng ô tô tự đổ 10T trong phạm vi ≤500m mã AB.53231 chưa phù hợp với mật bằng công trình trung bình ≤300m.
- Công chui dân sinh lập dự toán công lắp ghép.

1.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu:

- Về năng lực kinh nghiệm: Các Báo cáo đánh giá E-HSDT và đối chiếu E-HSMT đánh giá về năng lực và kinh nghiệm phân công tin trong E-HSDT được thể hiện đối chiếu E-HSMT được Tổ chuyên gia in và đánh giá “đạt”; không nêu nội dung nhận xét của chuyên gia; Liên danh nhà thầu huy động máy móc và nhân sự cho cả gói thầu, tuy nhiên, các nhân sự, máy móc thiết bị không ghi rõ là phục vụ cho thành viên nào trong liên danh.
- Về kỹ thuật: Các loại vật liệu có hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, tuy nhiên, không có đăng ký kinh doanh của các nhà cung cấp vật liệu có ngành nghề cung ứng vật liệu¹⁴⁰.
- Khác: Thỏa thuận liên danh phân chia khối lượng công việc 70% và 30% không ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh theo yêu cầu E-HSMT
- Đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn: Các đơn vị gửi văn bản đề xuất tham gia gói thầu, sau đó Sở GTVT tiến hành thương thảo, ký hợp đồng với các đơn vị chưa cung cấp đánh giá năng lực của nhà thầu (Tu văn khảo sát, thiết kế; kiểm toán...).

b) Công tác ký và thực hiện hợp đồng

- Hợp đồng thi công xây dựng công trình¹⁴¹: không có kế hoạch giải phóng mặt bằng trong hợp đồng vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; không quy định chi tiết một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số

¹⁴⁰ Đối với vật liệu đá thì nhà cung cấp phải có hợp đồng với bên khai thác mỏ; Đối với vật liệu nhựa đường phải đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014 quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông và các tiêu chuẩn hiện hành, trường hợp hợp đồng với nhà cung cấp thì phải có hợp đồng với bên nhập khẩu....

¹⁴¹ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 67/2021/HĐ-XD ngày 20/8/2021 giữa Ban QLXD và BHTT giao thông và Liên danh Công ty CP XD Trường An Lạng Sơn và Công ty TNHH GTXD 689.

37/2015/NĐ-CP như: không quy định các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; cần cử nghiệm thu, bàn giao; quy trình, thời điểm nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành; biểu mẫu nghiệm thu, bàn giao; các quy định về người ký, các biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao phải đúng với quy định của pháp luật và được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

- Chủ đầu tư khởi công công trình nhưng không thông báo thời điểm thi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương theo dõi và lưu trữ hồ sơ.
- Nghiệm thu phòng thí nghiệm: thiếu kế hoạch thí nghiệm phù hợp khối lượng thực hiện và tính chất công việc được quy định tại hợp đồng; không có nghiệm thu thiết bị thí nghiệm liên quan.
- Trong quá trình thanh tra không cung cấp một số hồ sơ liên quan thi công như các hạng mục (Đất đắp K=95, CPDD, Lãng nhựa) phù hợp với dây chuyền thiết bị của Nhà thầu
- Chưa thực hiện đầy đủ thí nghiệm vật liệu, sản phẩm xây dựng (biển báo, tôn lợp sóng, sơn dẻo nhiệt) theo quy định tại Hợp đồng xây dựng và các quy định hiện hành.
- Công tác CPDD: nghiệm thu thiết bị thi công không đúng theo yêu cầu, thí nghiệm tần suất độ chặt, thành phần hạt, độ ẩm không đầy đủ; thí nghiệm CBR của CPDD chưa cập nhật theo TCVN12792:2020; TCVN12790:2020 (đang sử dụng 22TCN333-06 và 22TCN332-06 đã hết hiệu lực); công tác kiểm tra không đầy đủ (thiếu kiểm tra độ bằng phẳng, chiều dày, kiểm tra thành phần hạt sau khi lu lèn) quy định tại TCVN 8859:2011.
- Công tác bê tông: trong quá trình thanh tra không cung cấp tính toán thiết kế cho các cấp phối; lấy mẫu thí nghiệm kiểm tra cường độ không đầy đủ.
- Công tác bê tông nhựa: trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ thí nghiệm kiểm tra đá góc, phê duyệt công thức trộn, kiểm tra hần lún vật bánh xe; đối với nhựa đường: kiểm soát nguồn gốc chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT và thiếu 02/12 chỉ tiêu thí nghiệm, quá trình thi công không thí nghiệm độ kim lún PI hàng ngày; kiểm tra, kiểm soát chất lượng BTNC12,5 chưa đầy đủ theo quy định TCVN 8819:2011 và Quyết định 858/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2014 (khối lượng cốt liệu cho từng mẻ trộn, nhiệt độ các giai đoạn thi công....).
- Nhật ký thi công: không ghi chép đầy đủ số lượng nhân công, thiết bị do nhà thầu thi công xây dựng huy động để thực hiện thi công tại hiện trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP
- Biên bản nghiệm thu hạng mục: thiếu khối lượng đã được thi công, thiết bị thi công¹⁴² không đúng với dây thi công đã được phê duyệt¹⁴³.
- Trong quá trình thanh tra không cung cấp hồ sơ liên quan đến bảo hiểm công trình, bảo hiểm cho người lao động trên công trường.

¹⁴² CPDD của đoạn Km.153+446,38 – Km.155+809: Máy xúc 02 máy; đầm cóc 03 đầm, máy lu 01 cái, ô tô 03 xe.

¹⁴³ Biên pháp thi công CPDD: Máy đào 01 cái, Lu rung 01 cái, lu bánh thép 01 cái, lu bánh hơi 01 cái, máy xúc 01 cái, đầm cóc 01 đầm, ô tô tưới nước 01 cái, ô tô 02 xe...

1.3. Công tác tư vấn giám sát

Trong quá trình thanh tra không cung cấp: kế hoạch quản lý chất lượng và phân công nhiệm vụ, quyền hạn (Đề cương tư vấn giám sát) của các cá nhân cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; báo cáo kiểm tra các điều kiện khởi công công trình được quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng để Chủ đầu tư làm căn cứ thông báo khởi công dự án (như: Giấy phép thi công, Biên bản kiểm tra thiết bị, nhân lực thi công....)

1.4. Công tác thanh toán, quyết toán: Công trình chưa được quyết toán hoàn thành công trình.

2. Xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khau Ra), QL.279

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện: 08 tháng (Khởi công ngày: 10/5/2023; công trình chưa được hoàn thi công hoàn thành và được gia hạn điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31/01/2024 tại Phụ lục hợp đồng số 02-05/2023/PLHD ngày 04/12/2023).

2.1. Công tác khảo sát, thiết kế

a) Công tác khảo sát¹⁴⁴: Không phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; báo cáo kết quả khảo sát không đề cập vị trí trạm trộn để làm cơ sở tính chi phí vận chuyển BTN; Khối lượng Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn tại bước TKBVTC không thay đổi so với bước NCKT, chưa nghiên cứu tận dụng kết quả của bước NCKT nhằm tiết kiệm chi phí khảo sát bước TKBVTC.

b) Công tác lập và phê duyệt Hồ sơ thiết kế¹⁴⁵:

- Hồ sơ thiết kế (bản vẽ, thuyết minh) không có nội dung chi dẫn kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.
- Quyết định phê duyệt Dự án của Tổng cục trưởng Tổng cục ĐBVN không tách công tác GPMB để thực hiện riêng (theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 8 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất), không làm rõ chủ đầu tư thực hiện công tác GPMB, do đó việc UBND huyện Bình Gia phê duyệt BCKTKT di dời đường điện phục vụ GPMB tại Quyết định số 3539/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 là chưa có cơ sở.

2.2. Công tác lựa chọn nhà thầu, ký và thực hiện hợp đồng

a) Công tác lựa chọn nhà thầu¹⁴⁶:

¹⁴⁴ - Báo cáo NCKT tại Quyết định số 1332/QĐ-SGTVT ngày 29/4/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

- Thiết kế BVTC tại Quyết định số 2770/QĐ-SGTVT ngày 09/9/2022 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn.

¹⁴⁵ - Quyết định số 3265/QĐ-TCĐBVN ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Quyết định số 2695/QĐ-SGTVT ngày 31/8/2022 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

¹⁴⁶ - Quyết định số 2015/QĐ-TCĐBVN ngày 30/12/2022 của Tổng cục trưởng TCĐBVN phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.




Gói thầu xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng với hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu "Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ" với giá gói thầu xây 13.790 triệu đồng (CPXD: 13.661,2 triệu đồng; CPĐBGT: 128,8 triệu đồng). Qua kiểm tra cho thấy còn một số tồn tại liên quan đến Hồ sơ E-HSMT, như sau:

- Yêu cầu "Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)" trong E-HSMT với giá trị 20.690 triệu đồng là không phù hợp: Tính trên cơ sở giá gói thầu chưa trừ thuế VAT (10%), ảnh hưởng đến việc tham gia đấu thầu của các Nhà thầu có doanh thu bình quân trung bình hàng năm từ 18.809 triệu đồng (20.690/1,1) trở lên.

- Yêu cầu nhân sự chủ chốt đối với các vị trí như Người kỹ thuật, Người quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Người phụ trách dự toán, khối lượng là không phù hợp Mẫu số 1A - Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT.

b) Công tác ký và thực hiện hợp đồng

- Thời hạn thi công kéo dài hơn so với Hợp đồng.

- Kết quả thí nghiệm bột khoáng: Lượng lọt sàng của cỡ sàng 0,6 đạt 99,7%; không tuân thủ TCVN 12884-1:2020 (yêu cầu 100%).

- Chưa lập hồ sơ hoàn thành công trình.

- Số lượng tấm BTXM thành rãnh, khối lượng hạng mục lắp đặt tấm BTXM thành rãnh tính chưa đúng (chiều dài rãnh chưa trừ đi vữa chèn khe).

2.3. Công tác thanh toán, quyết toán: Thanh toán chưa đúng khối lượng rãnh bê tông hình thang theo thực tế.

3. Khắc phục bảo lụt, ĐBGT bước 1 năm 2022 trên QL. 4A, QL.279 do ảnh hưởng của cơn mưa ngày 08/5-12/5/2022.

Trên cơ sở, quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong ngành đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT và các biên bản xác minh thiệt hại¹⁴⁷, Tổng cục ĐBVN ban hành Quyết định số 2467/QĐ-TCĐBVN ngày 07/6/2022 về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 trên QL.1N, QL.3B, QL.4A, QL.4B, QL.31 và QL.279 đoạn qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn

a) Hồ sơ nghiệm thu:

- Trong quá trình thanh tra không cung cấp báo cáo (báo cáo nhanh hoặc báo cáo ngày qua thu điện tử) gửi về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Bộ GTVT, Cục ĐBVN theo Điều 20, Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT.

¹⁴⁷ - Quyết định số 16/QĐ-SGTVT ngày 18/01/2023 của Giám đốc Sở GTVT Lạng Sơn phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu thi công xây dựng công trình.

- Biên bản xác minh thiệt hại, ký ngày 28/5/2022 giữa Sở GTVT Lạng Sơn, Ban QLXD& Bảo trì hạ tầng giao thông, Công ty cổ phần QL&XD GT Lạng Sơn, Công ty cổ phần tư vấn XDGT Lạng Sơn, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông với UBND huyện Chi Lăng, UBND huyện Văn Quan và UBND huyện Bình Gia.

- Biên bản xác minh thiệt hại, ký ngày 29/5/2022 giữa Sở GTVT Lạng Sơn, Ban QLXD& Bảo trì hạ tầng giao thông, Công ty cổ phần QL&XD GT Lạng Sơn, Công ty cổ phần tư vấn XDGT Lạng Sơn, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông với UBND huyện Văn Lăng, UBND huyện Tràng Định.

10/05/2022

- Biên bản kiểm tra thiết bị thi công của nhà thầu (biên bản kiểm tra điều kiện trước khi thi công QL279, ngày 14/6/2022): thiết bị thiếu số đăng ký, đăng kiểm; đối với QL4A, ngày 14/6/2022: sơ sài, chỉ xác nhận nhân lực, thiết bị có mặt đầy đủ.
- Thiểu biên bản nghiệm thu công tác vận chuyển đất đổ đi tại các bãi thải trên QL279 (vị trí sạt lở trên Đèo Mỏ Km150+850 TB 3,7 km, vị trí sạt Gia Lộc Km168+200 TB 3,5 km, vị trí sạt Bình Phúc Km179+500 TB 5,0 km, vị trí sạt Hoàng Văn Thụ Km187+400 TB 1,0 km, vị trí sạt Thiện Thuật Km194+100 TB 6,4 km, vị trí sạt Thiện Hòa Km215+50, Km218+200 TB 1,3 km, vị trí sạt Thiện Hòa Km221+300, Km226+950 TB 1,0 km).

b) Dự toán:

(1) QL.279

- Hạng mục đào hót đất đá sạt và DBGT trong mưa bão: hót đất sạt trôi tràn 10% bằng thủ công, 90% bằng máy là không có cơ sở (chưa thuyết minh, chưa xác định lý do lựa chọn).
- Hạng mục sạt lở ta luy âm Km214+760; sạt lở ta luy âm, xói lở hư hỏng mặt đường Km218+560: làm và thả rọ đá, loại 1,5x1,5x1m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15112, 1,5x1x1m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15132; Hạng mục sạt lở ta luy âm Km223+950: làm và thả rọ đá, loại 1,5x1x1m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15132; Hạng mục sạt lở ta luy âm Km226+770: làm và thả rọ đá, loại 1,5x1x1m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15132.
- Hạng mục vận chuyển đất đổ đi và đào xúc đất để đắp tại Km179+500, TB 1,0 km: Làm và thả rọ đá, loại 2,0x2,0x1,0 m trên cạn, loại 2,0x1,5x1,0 m trên cạn, loại 1,5x1,5x1,0 m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15112 (định mức đối với 2,0x1,0x1,0 m).
- Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ: Tại các vị trí sạt và tại vị trí Km150+850, Km166+415, Km179+500, dự toán lựa chọn cấp đất II (chưa rõ cơ sở lựa chọn).

(2) QL.4A

- Hạng mục đào hót đất, đá sạt taluy dương, sạt lở ta luy âm Km10+520: hót đất sạt trôi tràn 10% bằng thủ công, 90% bằng máy là không có cơ sở (chưa thuyết minh, chưa xác định lý do lựa chọn).
- Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ: Tại các vị trí sạt tại Km17+700, Km55+500, Km64+10, dự toán lựa chọn cấp đất II (chưa rõ cơ sở lựa chọn).
- Hạng mục vận chuyển đất đổ đi tại Km17+700, TB 4,0 km: Làm và thả rọ đá loại 2,0x1,5x1,0 m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15112 (định mức đối với 2,0x1,0x1,0 m); Làm và thả rọ đá loại 1,5x1,0x1,0 m trên cạn đang vận dụng định mức AL.15132 (định mức đối với 1,0x1,0x1,0 m).

Handwritten signature

Handwritten mark

PHỤ LỤC III

KẾT QUẢ KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTr ngày tháng 01 năm 2025 của Thanh tra Bộ GTVT)

1. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B

- Tại Km34+215,53 (cọc TC1) có chiều rộng mặt đường: $B_{mđ}=6,1/6,0m$
- + Chiều dày (tại tim) là 4,43/5,0 cm (thiếu 11,4/5,0%)¹⁴⁸.
- + Chiều dày (Trái tuyến, cách lề 1m) là 4,07/5,0 cm (thiếu 18,6/5,0%)¹⁴⁹.
- Tại Km37+256,47 (cọc TC17) có chiều rộng mặt đường: $B_{mđ}=6,05/6,1m$.
- + Chiều dày (Trái tuyến, cách tim 0,75m): 5,33/5,00 cm (5,3; 5,3 và 5,4).
- + Chiều dày (Trái tuyến, cách lề 1m) là 5,03/5,00 cm (cụ thể: 5,0; 5,1 và 5,0).
- Chiều dài rãnh: $L_r=49,4m/50,53m$.

2. Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km112+000 ÷ Km118+000, QL.31

- Chiều dày tại Km114+202 (Tim) là 6,58/7,0 cm (6,53; 6,61 và 6,60 - chiều dày thiếu so 0,42 cm tương đương 6,38/5,00%).
- Chiều dày tại Km116+202,93 (Trái tuyến cách lề 0,75 m) là 6,11/7,0 cm (6,12; 6,13 và 6,07 - chiều dày thiếu so 0,89 cm tương đương 14,57/5,00%).

3. Công trình sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33+000, QL.3B

- Tại nút giao - Km26+040:
- + Chiều dày 6,57/7,0 cm (6,6; 6,5 và 6,6 - chiều dày thiếu 0,43cm tương đương 6,14/5,00%).
- + Chiều dày 5,87/7,00cm (5,9; 5,8 và 5,9cm - chiều dày thiếu 1,13cm tương đương 16,14/5,00%).

¹⁴⁸ Chiều dày trung bình 3,57cm/tổng chiều dày mẫu 11,43cm (cụ thể: 3,6cm/tổng chiều dày mẫu 11,3cm; 3,4cm/tổng chiều dày mẫu 11,3cm; 3,7cm/tổng chiều dày mẫu 11,7cm). So sánh với HSTK: Theo HSTK, chiều dày lớp BTN như sau: 5cm BTN C12,5, bù vênh BTN, 7cm BTN đường hiện hữu. Theo đó, chiều dày trung bình mẫu khoan 4,43cm thiếu so với HSTK khoảng 0,57cm (11,4%)

¹⁴⁹ Chiều dày trung bình 4,43cm/tổng chiều dày mẫu 11,07cm (cụ thể: 4,5cm/tổng chiều dày mẫu 11,2cm; 4,3cm/tổng chiều dày mẫu 11,0cm). So sánh với HSTK: Theo HSTK, chiều dày lớp BTN như sau: 5cm BTN C12,5, bù vênh BTN, 7cm BTN đường hiện hữu. Theo đó, chiều dày trung bình mẫu khoan 4,07cm thiếu so với HSTK khoảng 0,93cm (18,6%).

Tomu

B

- Tại cọc TC7 có chiều rộng mặt đường $B_{md}=7,05/6,9$ m và chiều dày (Phải tuyến, cách lề 1m) là 6,17/5,00 cm (6,5; 5,9; 6,1 - HSTK: 5cm BTN C12,5, láng nhũ tương 1 lớp, tiêu chuẩn 1,6kg/m²)
 - 4. Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+00; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B:
 - Tại cọc Km16+900 có chiều rộng mặt đường $B_{md}=7,85/6,59$ m và chiều dày (Tim tuyến) là 6,39/7,00 cm (6,56; 6,3 và 6,3 - chiều dày thiếu so 0,61 cm tương đương 8,71/5,00%).
 - Tại cọc P19: có chiều rộng mặt đường $B_{md}=8,04/6,59$ m và chiều dày (Tim tuyến) là 6,85/7,00 cm (6,65; 7,0 và 6,9 - thiếu 0,15cm tương đương 2,14/5,00%).
 - 5. Công trình xử lý điểm mất ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279: Tại Km188+803,31 (cọc 29) có chiều rộng mặt đường $B_{md}=8,5/8,5$ m và chiều dày (Trái tuyến, cách lề 1m) là 5,8/5,00 cm¹⁵⁰.
 - 6. Công trình sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31
 - Tại Km152+493: Chiều rộng B=5,5/5,5 m; chiều dày BTN là 5,18/5,0 cm (4,97; 5,22; 5,34) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m²
 - Tại Km153+300,53: Chiều rộng B=5,8/5,5 m; chiều dày BTN là 6,3/5,0 cm (6,3; 6,4 và 6,2).
 - Tại Km153+997: Chiều rộng B=6,1/6,0 m; chiều dày BTN là 5,56/5,0 cm (5,6; 5,2 và 5,9) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m²
 - Tại Km155+300: Chiều rộng B=5,5/5,5 m; chiều dày BTN là 5,53/6,0 cm (5,6; 5,5 và 5,6) và chưa xác định lớp láng nhựa 1,6kg/m².
- Ngày 08 và 09/5/2024, Sở GTVT và Liên danh Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình Bắc Nam - Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc đã tự tổ chức kiểm tra hiện trường tiến hành khoan 06 mẫu¹⁵¹ và gửi báo cáo Đoàn thanh tra kết quả kiểm tra 06/06 mẫu khoan đều có lớp láng nhựa 1,6kg/m².
- 7. Công trình sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đoạn Km1+550 ÷ Km3+700, QL.4B
 - Tại Km3+615 (trái tuyến) có chiều rộng mặt đường $B_{md}=7,1/7,0$ m và chiều dày BTN là 5,23/5,0 cm (5,2; 5,2 và 5,3).
 - Tại Km2+883 (trái tuyến) có chiều rộng B=7,25/7,00 m.
 - Tại Km2+902 có chiều dày BTN là 5,93/5,0 cm (5,9; 5,8 và 6,1).

¹⁵⁰ Chiều dày trung bình 5,8cm/tổng chiều dày mẫu 13,37cm (cụ thể: 5,8cm, tổng chiều dày mẫu 13cm; 6,0cm, tổng chiều dày mẫu 13,5cm). So sánh với HSTK: 5cm BTNC16, 7cm BTNC19. Vậy, chiều dày mẫu khoan lớn hơn chiều dày theo HSTK: BTNC16 dày hơn 0,8cm (16%), BTNC19 dày hơn 0,57cm (8,14%). Theo quy định của TCVN 13567-1:2022 (Bảng số 14 - mục 9.6.1) sai số cho phép của chiều dày BTN lớp trên là ±5%, lớp dưới ±8%.

¹⁵¹ Km144+800 (Tim tuyến), Km149+860 (Tim tuyến), Km153+600 (Trái tuyến), Km154+600 (Phải tuyến), Km155+050 (Trái tuyến), Km155+050 (Trái tuyến), Km155+430 (Trái tuyến).

PHỤ LỤC IV

KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTr ngày tháng 01 năm 2025 của Thanh tra Bộ GTVT)

TT	TÊN TỒ CHỨC/CÁ NHÂN VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM			GHI CHÚ
			Hành chính	Chuyên cơ quan công an	Chuyên cơ quan chức năng khác	
I.	Trong công tác quản lý công trình đường bộ					
1.	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng KCHT&ATGT; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo, chuyên viên phòng KCHT&ATGT có liên quan. 	<p>Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, cấp GPTC đối với vị trí đầu nối vào quốc lộ chưa đúng quy định; Cấp một số GPLH xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ khi thành phần hồ sơ còn chưa đầy đủ theo quy định (nêu tại mục I Phần III)</p>	X			
2.	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra Sở GTVT Lạng Sơn; - Đội Thanh tra số 4; - Lãnh đạo Thanh tra Sở GTVT Lạng Sơn; - Đội trưởng Đội Thanh tra số 4 và cá nhân thuộc Đội Thanh tra số 4 có liên quan. 	<p>Xác định chưa đúng đối tượng vi phạm và hành vi vi phạm theo quy định đối với 01 vụ việc xử phạt VPHC (nêu tại mục I Phần III)</p>	X			
II.	Trong công tác bảo trì công trình đường bộ					
1.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT Lạng Sơn; - Phòng KCHT&ATGT; - Ban QLXD và BHTGT; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; 	<p>Xây dựng kế hoạch BDTX, kế hoạch sửa chữa đối với một số công trình trên QL.1B (năm 2021) còn có</p>				

Handwritten signature

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM			GHI CHÚ
			Hành chính	Chuyên cơ quan công an	Chuyên cơ quan chức năng khác	
	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng KCHT&ATGT và các cá nhân có liên quan; - Lãnh đạo Ban QLXD và BTHHTGT và các cá nhân có liên quan. 	<p>một số nội dung chưa chính xác (nếu tại điểm a mục 2 Phần III)</p>				
2.	<i>Lập kế hoạch báo tri công trình đường bộ</i>					
2.1.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; - Tổ chuyên gia đầu thầu¹⁵². 	<p>Trong công tác lựa chọn nhà thầu (nếu tại tiết 1 điểm b mục 2 Phần III)</p>				
2.2.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT Lạng Sơn; - Ban QLXD và BTHHTGT; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo Ban QLXD và BTHHTGT và các cá nhân có liên quan. 	<p>Trong công tác tuần kiểm, lập hồ sơ quản lý cầu đường và nghiệm thu, thanh toán (nếu tại tiết 2, 3, 4 điểm b mục 2 Phần III)</p>				
3.	<i>Sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, khắc phục thiên tai, ĐBGTT bước 1</i>					
3.1.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT Lạng Sơn; - Phòng QLCL; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo phòng QLCL và các cá nhân có liên quan. 	<p>Trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật sau thiết kế cơ sở (nếu tại tiết 1 điểm c mục 2 Phần III)</p>				
3.2.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; 	<p>Trong công tác lựa chọn nhà thầu (nếu tại điểm c mục 2 Phần III)</p>				



TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM			GHI CHÚ
			Hành chính	Chuyên cơ quan công an	Chuyên cơ quan chức năng khác	
	- Tổ chuyên gia đầu thầu ¹⁵³ .					
3.3.	- Ban QLXD và BTHHTGT; - Phòng KHIC thuộc Ban QLXD và BTHHTGT; - Lãnh đạo Ban QLXD và BTHHTGT;; - Lãnh đạo phòng KHIC thuộc Ban QLXD và BTHHTGT và các cá nhân có liên quan.	Trong ký kết Hợp đồng thi công xây dựng (nếu tại tiết 3 điểm c mục 2 Phần III)				
3.4.	- Sở GTVT Lạng Sơn; - Phòng KCHT&ATGT; - Ban QLXD và BTHHTGT; - Lãnh đạo Sở GTVT Lạng Sơn; - Lãnh đạo phòng KCHT&ATGT và các cá nhân có liên quan; - Lãnh đạo Ban QLXD và BTHHTGT và các cá nhân có liên quan.	Trong công tác quản lý chất lượng, nghiệm thu, thanh toán không đúng một số khối lượng công việc ... (nếu tại tiết 4 điểm c mục 2 Phần III)				
3.5.	- Ban QLXD và BTHHTGT; - Lãnh đạo Ban QLXD và BTHHTGT và các cá nhân có liên quan.	Không cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra theo quy định.				

PHỤ LỤC V

TỔNG HỢP VI PHẠM VỀ KINH TẾ VÀ KIẾN NGHỊ XỬ LÝ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTr ngày tháng 01 năm 2024 của Thanh tra Bộ GTVT)

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÓ VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	TỔNG GIÁ TRỊ VI PHẠM		KIẾN NGHỊ XỬ LÝ							
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi		Xuất toán	Giám trừ quyết toán	Xử lý khác			
					Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)				Tiền	Đất	Tiền	Đất
					Về NSNN		Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất				
1	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lề và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+00; Km20+890 ÷ Km21+335, Km26+500 ÷ Km27+000, QL.1B.	Nghiệm thu, thanh toán không đúng khối lượng rãnh và công tác ĐBATGT	146,041	-	146,041	-			-	-	-	-
2	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600, QL.31	Khối lượng nhũ tương không đảm bảo theo quy định	61,667	-	61,667	-	-	-	-	-	-	-
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn	Nghiệm thu thanh toán không đúng khối lượng rãnh và mặt đường	112,581	-	112,581	-	-	-	-	-	-	-

ABAMA

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÓ VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	TỔNG GIÁ TRỊ VI PHẠM		KIẾN NGHỊ XỬ LÝ								
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi		Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác				
					Về NSNN	Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)			Tiền	Đất	Tiền	Đất	
						Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất	Tiền					Đất
4	Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B.	Nghiệm thu thanh toán không đúng khối lượng rãnh và mặt đường	113,119	-	113,119	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+00; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B	Nghiệm thu thanh toán không đúng khối lượng bê tông đáy rãnh, ván khuôn và đảm bảo ATGT	131,380	-	131,380	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn	Nghiệm thu thanh toán	55,745	-	55,745	-	-	-	-	-	-	-	-

nam

l

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÓ VI PHẠM	NỘI DUNG VI PHẠM	TỔNG GIÁ TRỊ VI PHẠM		KIẾN NGHỊ XỬ LÝ												
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi		Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác								
					Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)				Tiền	Đất	Tiền	Đất					
					Về NSNN		Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất					Tiền	Đất			
7	Km.56+300 - Km.56+600, Km.59+200-Km.61+200; Sửa chữa rãnh dọc Km.56+600-Km.59+200, QL1B	không đúng khối lượng khảo sát	74,577	-													
8	Công trình sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km.112+00- Km.118+00 QL.31	Nghiệm thu thanh toán khối lượng khảo sát và rãnh	9,069	-													
	Xử lý điểm mất ATGT Km.188+200 + Km.189+800 (Khu Ra), QL.279	Nghiệm thu thanh toán khối lượng BT và lấp tầm thành rãnh	704,179	-													
TỔNG SỐ			704,179	-													

10/10/2017

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC VÀ
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VỀ XỬ LÝ KINH TẾ
(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày tháng 01 năm 2025 của Thanh tra Bộ GTVT)

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG		ĐƠN GIÁ		GIÁ TRỊ CHÉNH LỆCH	GHI CHÚ
			Thanh toán	Tính lại	Hợp đồng	Tính lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường gia cố lè và công trình thoát nước đoạn Km5+230 ÷ Km5+330, Km5+445 ÷ Km6+500, Km8+095 ÷ Km10+800, Km10+600 ÷ Km11+000; Km20+890 ÷ Km21+335, Km21+389 ÷ Km21+538, Km21+887 ÷ Km23+900, Km24+500 ÷ Km24+605, Km24+721 ÷ Km24+860, Km24+977 ÷ Km25+013, Km25+013, Km25+323 ÷ Km25+734, Km25+785 ÷ Km25+815, Km25+870 ÷ Km26+200, Km26+500 ÷ Km27+000							
1	Công ty CP xây dựng 496							
	- Bé tông đáy rãnh	m ³	61.65	58.69	1,454,615	1,454,615	4,310,752	(*)
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	7,920.00	7,616.00	18,185	18,185	5,528,240	(*)
	- Đám bảo an toàn giao thông	Tg	0.50	-	123,895,595	123,895,595	61,947,797	(**)
2	Công ty CP QL&XD giao thông Lạng Sơn							
	- Bé tông đáy rãnh	m ³	77.31	73.60	1,454,615	1,454,615	5,396,622	(*)
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	9,854.00	9,474.00	18,185	18,185	6,910,300	(*)
	- Đám bảo an toàn giao thông	Tg	0.50	-	123,895,595	123,895,595	61,947,797	(**)
CỘNG								146,041,508
B.	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km144+500 ÷ Km146+200; Km149+810 ÷ Km155+600							
1	Công ty CP TVĐT & XDCT Bắc Nam							
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	1,030.40	934.29	47,224	47,224	4,538,699	(*)
2	Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc							
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	261.20	236.76	47,224	47,224	1,154,155	(*)
	- Nhũ tương	kg		4,116.35		13,598	55,974,000	(****)
CỘNG								61,666,853
C.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km34+000 ÷ Km35+200, Km35+400 ÷ Km37+400; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km44+900 ÷ Km45+700; Km46+200 ÷ Km46+700; Km47+350 ÷ Km47+800; Km48+250 ÷ Km48+800; Km48+850 ÷ Km49+150; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km0+000 ÷ Km50+000, QL.1B							
1	Công ty CP xây dựng 496							

Handwritten signature

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG		ĐƠN GIÁ		GIÁ TRỊ CHÈNH LỆCH	GHI CHÚ	
			Thanh toán	Tính lại	Hợp đồng	Tính lại			
			(4)	(5)	(6)	(7)			
(1)	(2)	(3)				(8)	(9)		
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	39.60	32.41	1,454,615	1,454,615	10,458,682	(*)	
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	879.90	807.94	80,714	80,714	5,808,180	(*)	
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	5,028.00	4,796.00	18,169	18,169	4,215,208	(*)	
2	Công ty CP QL&XDGT Lạng Sơn								
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	77.36	65.89	1,454,615	1,454,615	16,688,798	(*)	
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	1,719.20	1,613.33	80,714	80,714	8,545,191	(*)	
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	9,824.00	9,371.00	18,169	18,169	8,230,557	(*)	
	- Xử lý hư hỏng cục bộ mặt đường KC2	T.gói	-	-	-	-	58,634,000	(**)	
CỘNG								112,580,616	
D.	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km25+700 ÷ Km33, QL.3B								
1	Công ty Hoàng Huy HN								
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	152.37	133.02	1,617,116	1,617,116	31,283,989	(*)	
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	3,385.90	3,192.42	81,809	81,809	15,828,405	(*)	
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	19,380.00	18,631.00	18,163	18,163	13,604,087	(*)	
	- CPDD loại II	m ³	5,006.67	5,002.96	346,583	346,583	1,285,823	(*)	
	- Bê tông nhựa	100m ²	421.43	392.58	1,078,597	1,078,597	31,122,916	(*)	
2	Công ty TNHH Xây dựng Đại Lộc								
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	17.53	7.21	1,617,116	1,617,116	16,683,140	(*)	
	- Ván khuôn rãnh dọc	m ²	389.48	367.21	81,809	81,809	1,821,886	(*)	
	- Lắp đặt tấm rãnh	tám	2,140.00	2,058.00	18,163	18,163	1,489,000	(*)	
CỘNG								113,119,246	
E.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km9+050 ÷ Km14+000; Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700, QL.3B								
1	Công ty CPĐT XDGT Tây Trường Sơn								
	- Km9+050 ÷ Km14+000								
	+ Bê tông tấm rãnh	m ³	262.42	251.92	2,146,797	2,146,797	22,545,662	(*)	

Handwritten signature

Handwritten mark

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG		ĐƠN GIÁ		GIÁ TRỊ CHÉNH LỆCH	GHI CHÚ
			Thành toán	Tính lại	Hợp đồng	Tính lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	+ Bê tông đáy rãnh	m ³	96.59	84.33	2,165,891	2,165,891	26,566,386	(*)
	- Km15+050 ÷ Km20+500; Km21+500 ÷ Km22+700							
	+ Bê tông tấm rãnh	m ³	44.03	40.54	2,085,644	2,085,644	7,286,000	(*)
	+ Bê tông đáy rãnh	m ³	32.13	28.05	2,103,828	2,103,828	8,584,000	(*)
	- Đảm bảo an toàn giao thông	Tg	1.00	0.50	132,795,023	132,795,023	66,398,000	(**)
CỘNG								
F.	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km56+300 ÷ Km56+600, Km59+200 ÷ Km61+200; Sửa chữa rãnh dọc Km56+600 ÷ Km59+200, QL1B							
1	Công ty CP TV XDGT Lạng Sơn							
	- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	45.86	-	1,192,269	1,192,269	54,677,456	(***)
2	Công ty CP QL&XD giao thông Lạng Sơn							
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	15.75	15.15	1,779,558	1,779,558	1,067,735	(*)
CỘNG								
G.	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km112+00 ÷ Km118+00 QL.31							
1	Công ty CP TVXD 418							
	- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến ở trên cạn; cấp địa hình III		29.50	-	1,275,391	1,275,391	37,624,000	(***)
2	Công ty TNHH MTV Huyện Mạnh							
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	65.43	62.31	1,972,182	1,972,182	6,139,780	(*)
	- Vữa chèn chít khe	m ²	373.86	207.70	36,538	36,538	6,071,154	(*)
	- Ván khuôn thành rãnh	m ²	1,453.90	1,318.09	89,558	89,558	12,162,548	(*)
3	Công ty TNHH ĐT&XDCT 656							
	- Bê tông đáy rãnh	m ³	33.77	32.16	1,972,182	1,972,182	3,168,919	(*)
	- Vữa chèn chít khe	m ²	192.96	107.20	36,538	36,538	3,133,499	(*)
	- Ván khuôn thành rãnh	m ²	750.40	680.31	89,558	89,558	6,277,299	(*)
CỘNG								
H.	Xử lý điểm mặt ATGT Km188+200 ÷ Km189+800 (Khu Ra), QL.279							
							74,577,199	

Handwritten signature



TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG		ĐƠN GIÁ		GIÁ TRỊ CHÈNH LỆCH	GHI CHÚ
			Thanh toán	Tính lại	Hợp đồng	Tính lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Công ty CP ĐTXD Hoàng Huy							
	- Tấm thành rãnh	tấm	2,844.00	2,730.00	39,760	39,760	4,532,640	(*)
	- Bê tông tấm thành rãnh	m ³	63.99	61.43	1,768,660	1,768,660	4,535,904	(*)
CỘNG							9,068,544	
TỔNG CỘNG							704,179,206	

Ghi chú:

(*) Thanh toán không đúng theo thực tế thi công

(**) Không có hồ sơ nghiệm thu

(***) Thu hồi đo tận dụng lại mặt cắt dọc ở bước lập DA

(****) Thiếu khối lượng thi công

Handwritten signature